

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

PHAN THỊ HỒNG HÀ

**ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CỦA
SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÂM LÝ HỌC

Thành phố Hồ Chí Minh – 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

PHAN THỊ HỒNG HÀ

**ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CỦA
SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI**

Chuyên ngành: TÂM LÝ HỌC
Mã số: 60 31 80

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÂM LÝ HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. NGUYỄN THỊ TÚ

Thành phố Hồ Chí Minh – 2012

MỤC LỤC

Trang phụ bìa	
Mục lục	
Danh mục các chữ viết tắt	
Danh mục các bảng	
Danh mục các biểu đồ	
MỞ ĐẦU	6
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC	11
1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề	11
2. Các khái niệm của đề tài	16
2.1. Giá trị và định hướng giá trị	16
2.1.1. Giá trị	16
2.1.2. Định hướng giá trị	27
2.2. Giá trị đạo đức và định hướng giá trị đạo đức	32
2.2.1. Đạo đức	32
2.2.2. Giá trị đạo đức	39
2.2.3. Định hướng giá trị đạo đức	41
2.3. Định hướng giá trị đạo đức của sinh viên trường Đại học Đồng Nai	43
2.3.1. Giới thiệu về trường Đại học Đồng Nai.....	43
2.3.2. Đặc điểm tâm lý sinh viên	45
2.3.3. Nội dung định hướng giá trị đạo đức của sinh viên trường ĐH Đồng Nai....	50
2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị đạo đức	46
Chương 2: THỰC TRẠNG ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI	56
2.1. Thử thức nghiên cứu	56
2.2. Kết quả nghiên cứu thực trạng định hướng giá trị đạo đức của sinh viên trường Đại học Đồng Nai	60
2.2.1. Nhận định về sự thay đổi các giá trị đạo đức hiện nay	60
2.2.2. Nhận thức các giá trị đạo đức của sinh viên	63
2.2.3. Thái độ đối với cá GTĐĐ của sinh viên	79
2.2.4. Kết quả biểu hiện hành vi của sinh viên thông qua các tình huống cụ thể	83
2.2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị đạo đức của sinh viên trường Đại học Đồng Nai	90
2.3. Các biện pháp giáo dục định hướng giá trị đạo đức cho sinh viên trường Đại học Đồng Nai.....	96
2.3.1. Cơ sở đề xuất giải pháp.....	96
2.3.2. Các biện pháp giáo dục định hướng giá trị đạo đức cho sinh viên trường Đại học Đồng Nai	98
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	104
TÀI LIỆU THAM KHẢO	107
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

- **CD**: Cao đẳng
- **CDSP**: Cao đẳng sư phạm
- **ĐH**: Đại học
- **ĐHSP**: Đại học sư phạm
- **GT**: Giá trị
- **GTĐĐ**: Giá trị đạo đức
- **NXB**: Nhà xuất bản
- **SD**: Độ lệch tiêu chuẩn
- **SP**: Sư phạm
- **SV**: Sinh viên
- **TB**: Trung bình
- **THCS**: Trung học cơ sở

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Các giai đoạn của quá trình định hướng giá trị	25
Bảng 2.1. Thống kê sinh viên trên toàn mẫu khảo sát	51
Bảng 2.2. Thống kê sinh viên theo ngành học và năm học	51
Bảng 2.3. Thống kê sinh viên theo giới tính và tôn giáo	52
Bảng 2.4. Kết quả nhận định về sự thay đổi các giá trị đạo đức hiện nay	55
Bảng 2.5. Nhận thức chung về các giá trị đạo đức của sinh viên	58
Bảng 2.6. Mười giá trị đạo đức được sinh viên đánh giá cao nhất	61
Bảng 2.7. Kết quả xếp hạng nhận thức các giá trị đạo đức đối với bản thân.....	63
Bảng 2.8. Kết quả xếp hạng nhận thức các giá trị đạo đức đối với gia đình	64
Bảng 2.9. Kết quả xếp hạng nhận thức các giá trị đạo đức đối với thầy cô.....	65
Bảng 2.10. Kết quả xếp hạng nhận thức các giá trị đạo đức đối với bạn bè.....	66
Bảng 2.11. Kết quả xếp hạng nhận thức các giá trị đạo đức đối với người yêu	67
Bảng 2.12. Kết quả xếp hạng nhận thức các giá trị đạo đức trong học tập.....	68
Bảng 2.13. Kết quả xếp hạng nhận thức các GTĐĐ đối với cộng đồng xã hội.....	69
Bảng 2.14. Kết quả xếp hạng nhận thức các giá trị đạo đức đối với nghề sư phạm.....	70
Bảng 2.15. Kết quả so sánh điểm trung bình nhận thức 7 nhóm GTĐĐ theo giới tính, ngành học và năm học	72
Bảng 2.16. Kết quả so sánh điểm trung bình nhận thức các GTĐĐ đối với nghề sư phạm theo giới tính và năm học.....	73
Bảng 2.17. Thái độ chung về các giá trị đạo đức của sinh viên.....	74
Bảng 2.18. Kết quả so sánh điểm trung bình thái độ đối với các GTĐĐ của sinh viên theo giới tính, ngành học và năm học	76
Bảng 2.19. Kết quả so sánh điểm trung bình thái độ đối với các GTĐĐ đối với nghề sư phạm xét theo giới tính và năm học	77
Bảng 2.20. Tỷ lệ % đối với hành vi ứng xử tích cực trong các tình huống cụ thể	78
Bảng 2.21. Kết quả điểm trung bình, thứ hạng của từng yếu tố ảnh hưởng	85
Bảng 2.22. Kết quả TB các yếu tố tôn giáo ảnh hưởng đến định hướng GTĐĐ.....	89
Bảng 2.23. Kết quả so sánh điểm trung bình các nhóm yếu tố ảnh hưởng theo giới tính, ngành học và năm học	91

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1. Biểu đồ tháp thế giới quan đạo đức	32
Biểu đồ 2. Sự lựa chọn các nhóm giá trị đạo đức	58
Biểu đồ 3. Mười giá trị đạo đức được sinh viên lựa chọn nhiều nhất.....	61
Biểu đồ 4. Thái độ của sinh viên đối với từng nhóm giá trị đạo đức.....	75
Biểu đồ 5. Nhóm các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng GTĐĐ	86

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Hồ Chủ Tịch đã từng nói “Người có tài mà không có đức là người vô dụng; Người có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó”. Thấm nhuần lời dạy của Người, mục đích giáo dục ở các cấp học, các ngành học hiện nay hướng đến đào tạo con người phát triển toàn diện, hội đủ cả đức lẫn tài, vừa hồng vừa chuyên. Trong đó đạo đức là gốc, là nền tảng cốt lõi.

Thực tế hiện nay, mục tiêu giáo dục ở các trường đại học, cao đẳng là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Như vậy, nhân cách của người sinh viên được đánh giá ở cả 2 mặt đạo đức và năng lực. Việc đánh giá sinh viên hàng năm không chỉ dựa trên kết quả học tập mà còn căn cứ vào kết quả rèn luyện của sinh viên. Đánh giá quá trình rèn luyện của sinh viên trên các mặt cụ thể như đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của từng sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt như ý thức học tập; ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong nhà trường; ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội; phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng; ý thức tham gia phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường hay các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của sinh viên. Như vậy, đạo đức của sinh viên được đánh giá thông qua điểm rèn luyện và việc rèn luyện đạo đức là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của sinh viên.

Nước ta đang trong quá trình công nghiệp hoá – hiện đại hoá đất nước, song song với đó là quá trình hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu. Cùng với những đổi thay, sự chuyển mình đi lên của đất nước, các hệ thống giá trị cũng ít nhiều có sự thay đổi. Nổi bật và đáng quan tâm hơn cả là sự thay đổi về quan niệm đạo đức, hệ thống giá trị đạo đức, thể hiện ở việc định hướng giá trị đạo đức của con người. Thực tế cho thấy ngày càng có nhiều những tư tưởng, hiện tượng tiêu cực nảy sinh trong một số bộ phận thanh niên sinh viên như: lối sống hưởng thụ, thực

dụng, chủ nghĩa cá nhân, lối sống sùng ngoại, hay tệ nạn cờ bạc, ma túy, mại dâm... Vì thế, việc định hướng giá trị đạo đức cho thế hệ trẻ hiện nay đang trở thành vấn đề cấp bách và nhận được sự quan tâm của toàn xã hội. Thiết nghĩ, chỉ khi sinh viên có định hướng giá trị đạo đức đúng đắn thì họ mới tích cực trong học tập và rèn luyện ở trường, tự giáo dục để hoàn thiện nhân cách của bản thân nhằm đáp ứng với những đòi hỏi của công việc sau này và phù hợp với yêu cầu của thời đại.

Nghiên cứu về định hướng giá trị và định hướng giá trị đạo đức là vấn đề đã được nhiều tác giả trong và ngoài nước đề cập đến. Gần đây nhất, ở Việt Nam có một số đề tài về giá trị đạo đức được quan tâm như: *“Thực trạng định hướng giá trị đạo đức của sinh viên sư phạm thành phố Hồ Chí Minh”*, *“Thực trạng lựa chọn các giá trị đạo đức nhân văn trong lối sống của sinh viên thành phố Hồ Chí Minh hiện nay”*. Ở tỉnh Đồng Nai nói chung và trường Đại học Đồng Nai nói riêng chưa thấy có công trình nào nghiên cứu về thực trạng định hướng giá trị đạo đức của sinh viên.

Trường Đại học Đồng Nai là trường đại học công lập đầu tiên trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, được thành lập theo quyết định số 1572/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 của Thủ tướng Chính Phủ trên cơ sở nâng cấp từ trường Cao đẳng sư phạm Đồng Nai, với nhiệm vụ là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh Đồng Nai trên các lĩnh vực như giáo dục, kinh tế và kỹ thuật... Do đó, việc định hướng giá trị đạo đức đúng đắn cho sinh viên là việc làm thật sự cần thiết và cấp bách trong giai đoạn hiện nay.

Từ những lý do trên, người nghiên cứu quyết định chọn đề tài ***“Định hướng giá trị đạo đức của sinh viên trường Đại học Đồng Nai”***.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Tìm hiểu thực trạng định hướng giá trị đạo đức của sinh viên trường Đại học Đồng Nai. Trên cơ sở đó, đề xuất một số biện pháp giáo dục định hướng giá trị đạo đức cho sinh viên.

3. KHÁCH THỂ VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

3.1. Khách thể nghiên cứu

Sinh viên hệ cao đẳng trường ĐH Đồng Nai năm học 2011 – 2012.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Định hướng giá trị đạo đức của sinh viên trường ĐH Đồng Nai.

4. GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU

- Phần lớn sinh viên trường ĐH Đồng Nai có nhận thức, thái độ và hành vi tích cực đối với đa số các giá trị đạo đức; tuy nhiên còn một số giá trị đạo đức sinh viên có nhận thức, thái độ và hành vi chưa tích cực.
- Có sự khác biệt trong định hướng giá trị đạo đức của sinh viên xét theo năm học, ngành học và giới tính.
- Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sự định hướng giá trị đạo đức của sinh viên trường ĐH Đồng Nai; trong đó chủ yếu là yếu tố gia đình và tự giáo dục của sinh viên.
- Từ kết quả nghiên cứu thực trạng, có thể đề xuất các biện pháp nhằm giáo dục định hướng một số giá trị đạo đức mà sinh viên có nhận thức, thái độ và hành vi chưa tích cực.

5. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận liên quan đến đề tài như: Giá trị, đạo đức, giá trị đạo đức, định hướng giá trị đạo đức.
- Khảo sát thực trạng định hướng giá trị đạo đức của sinh viên trường ĐH Đồng Nai. So sánh thực trạng định hướng giá trị đạo đức của sinh viên theo ngành, giới tính và năm học.
- Đề xuất các biện pháp góp phần định hướng một số giá trị đạo đức mà sinh viên trường ĐH Đồng Nai có nhận thức, thái độ và hành vi chưa tích cực.

6. GIỚI HẠN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

6.1. Về nội dung

Đề tài tập trung nghiên cứu định hướng giá trị đạo đức trong nhân cách của sinh viên trường ĐH Đồng Nai.

6.2. Về phạm vi

Đề tài nghiên cứu thực trạng định hướng giá trị đạo đức của sinh viên hệ cao đẳng sư phạm và sinh viên hệ cao đẳng các ngành ngoài sư phạm đang học tập tại trường ĐH Đồng Nai.

7. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

7.1. Phương pháp luận

- Quan điểm lịch sử
- Quan điểm hệ thống cấu trúc
- Quan điểm hoạt động – nhân cách

7.2. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể

7.2.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

Tham khảo, thu thập tư liệu, phân tích và tổng hợp các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài để xây dựng hệ thống cơ sở lý luận cho đề tài.

7.2.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- * *Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi*

Đây là phương pháp chủ yếu được sử dụng nhằm tìm hiểu thực trạng định hướng giá trị đạo đức của sinh viên trường Đại học Đồng Nai.

- * *Phương pháp phỏng vấn*

Người nghiên cứu tiến hành phỏng vấn một số sinh viên nhằm tìm hiểu nhận thức và thái độ của sinh viên về định hướng các giá trị đạo đức.

- * *Phương pháp quan sát*

Người nghiên cứu quan sát thái độ và các hành vi đạo đức của sinh viên trường Đại học Đồng Nai.

- * *Phương pháp thống kê toán học*

Thu thập, xử lý và phân tích số liệu trên chương trình SPSS 13.

8. CẤU TRÚC LUẬN VĂN

- Mở đầu
- Chương 1: Cơ sở lý luận định hướng giá trị đạo đức
- Chương 2: Thực trạng định hướng giá trị đạo đức của sinh viên trường Đại học Đồng Nai
- Kết luận và kiến nghị
- Tài liệu tham khảo
- Phụ lục

Chương 1:

CƠ SỞ LÝ LUẬN ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC

1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

a) Trên thế giới

* Từ xa xưa, trước công nguyên, đạo đức đã được nhiều triết gia đề cập đến như Platon, Aristote... Đặc biệt là Khổng Tử với học thuyết Nho giáo đã đưa ra những chuẩn mực căn cốt của người quân tử. Theo ông, người quân tử phải sống theo chữ “Nhân” và tôn thờ chữ “Lễ”, giữ kỷ cương trật tự của luật gia, phép nước.

* Thời hiện đại, các quan niệm về đạo đức lần lượt xuất hiện trong các tác phẩm của Ăngghen, Kant, Heghen, Phobach... Đặc biệt là Kant đã cho ra đời hẳn một học thuyết về đạo đức, được gọi là “Đạo đức học Kant”.

* Triết học Mac ra đời, quan niệm đạo đức như là một hình thái ý thức xã hội, luôn vận động biến đổi cùng với sự vận động biến đổi của lịch sử.

* Năm 1985, Viện nghiên cứu thế giới của Nhật Bản đã chú trọng nghiên cứu thanh niên của 11 quốc gia lứa tuổi từ 18 - 24 tuổi. Tiếp theo đó, Viện khảo sát xã hội Châu Âu nghiên cứu trên thanh niên ở 10 nước Châu Âu. Cả hai cuộc điều tra đều tìm hiểu thực trạng giá trị và định hướng giá trị của thanh niên để có những biện pháp giúp họ chuẩn bị bước vào cuộc sống.

* Năm 1986 - 1987, UNESCO đã đề nghị Câu lạc bộ Rome tiến hành điều tra quốc tế về giá trị đạo đức của con người chuẩn bị bước vào thế kỷ 21 trong tình hình có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sự biến động thế giới vào những năm cuối thế kỷ 20.

* Năm 1988, UNESCO đã phát hành tập tài liệu nghiên cứu về hệ thống cấu trúc của giá trị, hình thành bộ công cụ đo đạc, kiểm chứng giá trị, giúp cho những công trình nghiên cứu giá trị đúng hướng.

* Ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Philippin, Indônêxia... việc nghiên cứu vấn đề giá trị và định hướng giá trị của thanh niên sinh viên cũng được quan tâm. Ngoài các chương trình nghiên cứu chuyên sâu theo mục đích riêng biệt, theo chu

kỳ 5 năm (bắt đầu từ năm 1972) người ta tiến hành nghiên cứu theo cùng một phương pháp ở nhiều nước trên thế giới, lấy mẫu ở lứa tuổi 18 - 24 và do Nhật Bản chủ trì. Qua các cuộc nghiên cứu này người ta thấy được sự phát triển ý thức của thanh niên sinh viên cũng như những giá trị đang chi phối nếp nghĩ và hành động của lớp trẻ ngày nay, góp phần vào việc xây dựng nên những chính sách phát triển thanh niên sinh viên ở mỗi quốc gia.

Tóm lại, các công trình nghiên cứu về giá trị và định hướng giá trị nêu ở trên đã chỉ ra được những giá trị của cuộc sống và định hướng giá trị của thanh thiếu niên. Bên cạnh đó, các đề tài cũng chỉ ra những khác biệt trong thang giá trị của thanh niên, xây dựng được những bộ dụng cụ để đo đạc và kiểm chứng cho nghiên cứu thực tế. Ngoài ra các công trình nghiên cứu cũng bắt đầu được ứng dụng vào trong các trường học và cộng đồng dân cư.

b) Ở Việt Nam

Các công trình nghiên cứu về giá trị và định hướng giá trị tương đối mới mẻ hơn so với các nước trên thế giới. Sau năm 1986, nước ta đã mở cửa để hội nhập với thế giới. Sự hội nhập này mang đến cho đất nước nhiều cơ hội và cũng không ít những thử thách ở trên mọi lĩnh vực. Một trong những lĩnh vực diễn ra sự giao thoa mạnh mẽ nhất là văn hóa xã hội nói chung và hệ thống giá trị đạo đức nói riêng. Trải qua nhiều biến động thăng trầm, hiện nay xã hội Việt Nam đang có sự chuyển biến hệ thống định hướng giá trị một cách rõ nét, đặc biệt là nơi các bạn trẻ. Tầng lớp thanh niên sinh viên là nhóm đối tượng nhạy cảm với những thay đổi của xã hội, đặc biệt là hệ thống các giá trị đạo đức. Và cũng chính vì thế, từ thập niên 90 của thế kỷ XX trở lại đây đã và đang có nhiều công trình, đề tài tập trung nghiên cứu vấn đề này. Điển hình như:

* Năm 1991 - 1995 nhiều đề tài KX thuộc chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước đã tiếp cận vấn đề giá trị, đặc biệt là các đề tài thuộc chương trình KX-07 “*Con người Việt Nam - mục tiêu và động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội*”. Có thể điểm qua một số đề tài sau:

+ Đề tài “*Những đặc trưng và xu thế phát triển nhân cách của con người Việt Nam trong sự phát triển kinh tế xã hội*” mã số KX-07-04 do PGS.PTS Nguyễn Quang Uẩn làm chủ nhiệm (1995) đã nghiên cứu những giá trị chung, giá trị nhân cách, giá trị nghề nghiệp, giá trị truyền thống và hiện đại của các nhóm học sinh, sinh viên, thanh niên nông thôn [45].

+ Tác giả Thái Duy Tuyên với đề tài “*Tìm hiểu định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam*” mã số KX-07-10 (1995) đã khảo sát trên các đối tượng thanh niên công nhân, nông dân, học sinh - sinh viên, trí thức... tại một số thành phố lớn về “*nhu cầu, nguyện vọng của thanh niên*” và “*định hướng giá trị của thanh niên*”. Các số liệu thu được của đề tài đã phần nào phác họa bức tranh chung về nhân cách của con người Việt Nam qua các mặt như: Nhận thức và giá trị, tâm trạng và thái độ, hứng thú và thị hiếu, nhu cầu và động cơ, cảm nghiệm và tự đánh giá, nguyện vọng và ước mơ [43].

+ Tác giả Mạc Văn Trang với công trình nghiên cứu “*Đặc điểm của lối sống sinh viên hiện nay và những phương hướng, biện pháp giáo dục*” (1995) đã tìm hiểu thực trạng những đặc điểm lối sống của sinh viên và trên cơ sở để đưa ra các biện pháp giáo dục phù hợp [42].

* Luận án Phó Tiến sĩ Triết học của Dương Tự Đàm “*Định hướng giá trị của thanh niên sinh viên trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam*” (1996) đã nghiên cứu quá trình biến đổi của tình hình thế giới, của sự đổi mới về kinh tế - xã hội của đất nước ảnh hưởng đến nhu cầu, lợi ích và định hướng giá trị của thanh niên sinh viên. Dựa trên phương pháp tổng kết và kế thừa các kết quả nghiên cứu của các đề tài thuộc chương trình KX-07, tác giả đã khái quát sự chọn lựa của sinh viên trên những giá trị chung, giá trị nhân cách, phân tích một số giá trị nổi trội trong thang giá trị và trong mối quan hệ với sự chuyển đổi về kinh tế - xã hội của đất nước. Trên cơ sở đó, đề xuất những con đường và biện pháp giáo dục giá trị cho thanh niên sinh viên [10].

* Năm 1998, Luận án Phó Tiến sĩ Tâm lý học của tác giả Lê Quang Sơn “*Những đặc trưng tâm lý của định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam hiện đại*”

đã xem định hướng giá trị như là những thái độ của nhân cách đối với bản thân và thế giới trong quá khứ, hiện tại và tương lai được cấu trúc lại trong các thể nghiệm và biểu tượng của nhân cách [31].

* Tập thể tác giả Phạm Minh Hạc, Thụy Như Ngọc, Russell J.Daiton với đề tài “*Nghiên cứu giá trị thế giới - Việt Nam năm 2001*”. Trong cuộc điều tra giá trị thế giới năm 2001 tại Việt Nam đã thăm dò về sự hài lòng về chất lượng cuộc sống, quan hệ xã hội và gia đình, mức độ quan tâm và sự tham gia trong lĩnh vực chính trị, những giá trị kinh tế, niềm tin vào hệ thống chính trị. Đề tài cũng đưa ra được bức tranh về sự lựa chọn những giá trị cơ bản trong lối sống trong thực tế xã hội vào thời điểm trên.

* Đầu năm 2002, tác giả Đỗ Ngọc Hà với luận án Tiến sĩ “*Định hướng giá trị của thanh niên, sinh viên hiện nay trước sự chuyển đổi về kinh tế, xã hội của đất nước*”. Đề tài cho thấy những giá trị nào điều tiết được cuộc sống hàng ngày và hành vi xã hội của sinh viên, trên cơ sở đó xây dựng biểu mẫu định hướng giá trị cho sinh viên Việt Nam [12].

* Luận án Tiến sĩ Tâm lý học của tác giả Cấn Hữu Hải “*Ảnh hưởng của truyền thống gia đình đến định hướng giá trị của lứa tuổi đầu thanh niên*” (2002) đã đưa ra một số kết luận cho thấy ảnh hưởng của gia đình đến việc định hướng giá trị của lứa tuổi đầu thanh niên [13].

* Tác giả Lê Hương với đề tài nghiên cứu “*Đánh giá định hướng giá trị của con người*” đã phân chia định hướng giá trị ở 3 mức độ là nhận thức, xúc cảm - tình cảm và hành vi. Trên cơ sở đó đã đưa ra các định hướng giáo dục giá trị thông qua từng mức độ trên [16].

* Năm 2005, tác giả Đào Thị Oanh nghiên cứu về định hướng giá trị của học sinh trung học. Công trình đã chỉ ra những giá trị truyền thống và những giá trị mới hiện nay của học sinh nước ta. Đây là nguyên nhân ảnh hưởng đến việc chọn lựa những giá trị mới trong hệ thống giá trị của học sinh [27].

* Bên cạnh đó, trong những năm gần đây xuất hiện nhiều công trình nghiên cứu của Ban Khoa Giáo Trung Ương, Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương, các Viện

nghiên cứu, các tổ chức xã hội, đoàn thể, các báo cáo tham luận tại các hội thảo, diễn đàn bàn về giá trị, định hướng giá trị của con người Việt nam nói chung và định hướng giá trị đạo đức của thanh niên sinh viên nói riêng.

* Gần đây nhất, một số đề tài về định hướng giá trị đạo đức, lối sống được quan tâm như: Tác giả Bùi Thị Bích với Luận văn thạc sĩ “*Thực trạng định hướng giá trị lối sống của sinh viên ở một số trường đại học tại TP.HCM*”, Luận văn thạc sĩ của tác giả Hoàng Anh với đề tài “*Thực trạng định hướng giá trị đạo đức của sinh viên sư phạm TP.HCM*”. Cả 2 đề tài trên đều đưa ra nhận định là đa số sinh viên đều có định hướng giá trị đạo đức tích cực, lối sống đúng đắn, lành mạnh [1], [2].

Đề tài nghiên cứu cấp bộ của tác giả Huỳnh Văn Sơn “*Thực trạng lựa chọn các giá trị đạo đức nhân văn trong lối sống của sinh viên TP.HCM hiện nay*”, mã đề tài B2007.19.27. Trong đề tài này, tác giả cho biết trong việc lựa chọn các giá trị đạo đức cụ thể, SV chưa quan tâm đúng mức đến các giá trị hướng đến cộng đồng và các giá trị hướng đến một cuộc sống hữu nghị hợp tác với người khác. Ngoài ra sự lựa chọn của sinh viên còn rất dao động, chưa thống nhất [30].

Nhìn chung các đề tài tập trung nghiên cứu vấn đề giá trị và định hướng giá trị đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề trong đó có cả tích cực lẫn tiêu cực của những thay đổi về định hướng giá trị của người Việt Nam nói chung và của thanh niên sinh viên nói riêng. Trên cơ sở đó, các đề tài cũng đã đề ra những phương hướng và biện pháp để giúp thanh niên sinh viên hoàn thiện về mặt nhân cách.

Như vậy, thực trạng định hướng giá trị đạo đức của sinh viên đã có tác giả nghiên cứu trước đây. Tuy nhiên, đề tài đó nghiên cứu trên khách thể là SVSP ở trên địa bàn TP.HCM. Qua đề tài này đã cho thấy sự lựa chọn các giá trị đạo đức của SVSP theo chiều hướng tích cực, thể hiện ở trên ba mặt nhận thức, thái độ và hành vi. Bên cạnh đó đề tài cũng cho thấy sinh viên không chỉ quan tâm đến các giá trị đạo đức truyền thống mà còn quan tâm đến các giá trị đạo đức hiện đại. Qua đề tài trên, tác giả cũng đưa ra các giải pháp nhằm giáo dục định hướng giá trị đạo đức cho sinh viên ngành sư phạm ở TP.HCM. Xét trên địa bàn tỉnh Đồng Nai – một

trong những tỉnh phát triển nhất ở khu vực Đông Nam Bộ thì chưa thấy có đề tài nào nghiên cứu định hướng giá trị đạo đức của sinh viên.

2. Các khái niệm của đề tài

2.1. Giá trị và định hướng giá trị

2.1.1. Giá trị

a) Khái niệm giá trị

Những hiểu biết đầu tiên về giá trị và lý luận về các giá trị có từ thời xa xưa, gắn liền với triết học. Cuối thế kỷ thứ XIX, giá trị học mới tách ra thành một lĩnh vực khoa học độc lập và thuật ngữ giá trị được dùng để chỉ một khái niệm khoa học. Người có công lao đầu tiên là Thomas và Znaniecki đã dùng khái niệm giá trị trong tác phẩm *“The polish peasant in Europe and American”* (1918) (*“Người nông dân Ba Lan ở Châu Âu và Châu Mỹ”*). Sau đó, khái niệm giá trị ngày càng được sử dụng phổ biến hơn trong Triết học, Khoa học xã hội, Kinh tế học. Song ở thời kỳ đầu, chưa thấy đầy đủ ảnh hưởng sâu rộng của việc nghiên cứu vấn đề giá trị. Vào nửa sau thế kỷ XX, nhiều lĩnh vực khoa học bàn đến vấn đề giá trị một cách rộng rãi và sâu sắc hơn.

Trong mấy thập kỉ gần đây, khái niệm giá trị được sử dụng rộng rãi trong nhiều ngành khoa học như triết học, xã hội học, chính trị học, tâm lí học, nhân chủng học, kinh tế học...

Trong kinh tế học, phạm trù giá trị gắn liền với giá trị hàng hoá, giá cả và sản xuất hàng hoá, và phía sau nó là sức lao động, giá trị lao động của người làm ra hàng hoá.

Trong từ điển bách khoa toàn thư Xô Viết định nghĩa: *“Giá trị là sự khẳng định hoặc phủ định ý nghĩa của các đối tượng thuộc thế giới chung quanh đối với con người, giai cấp, nhóm hoặc toàn bộ xã hội nói chung. Giá trị được xác định không phải bởi bản thân các thuộc tính tự nhiên, mà là bởi tính chất cuốn hút của các thuộc tính ấy vào phạm vi hoạt động sống của con người, phạm vi các hứng thú và nhu cầu, các mối quan hệ xã hội, các chuẩn mực và phương thức đánh giá ý nghĩa nói trên được biểu hiện trong các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức, trong lý*

tưởng, tâm thế và mục đích”. Như vậy, giá trị không phải xuất phát từ bản thân nội tại vốn có của sự vật, mà là sự phù hợp, có ý nghĩa của những thuộc tính tự nhiên của sự vật đối với hoạt động sống của con người và đối với những mối quan hệ xã hội mà con người tham gia cũng như đáp ứng và thỏa mãn được hứng thú và nhu cầu của con người. Giá trị của một sự vật được quyết định bởi ý muốn của con người. Hay nói cách khác, giá trị của một vật chính là sự phản ánh, sự hiện thân của nhu cầu hay ước muốn của chủ thể phản ánh nó. Thêm vào đó, giá trị của một vật không phải chỉ do một người phản ánh, mà có thể là do một nhóm người hay một cộng đồng xã hội.

Trong từ điển Triết học của Liên Xô, do M.M. Rozental (chủ biên), *“Giá trị là những định nghĩa về mặt xã hội của các khách thể trong thế giới xung quanh, nhằm nêu bật tác dụng tích cực hoặc tiêu cực của khách thể ấy đối với con người và xã hội (cái lợi, thiện và ác, cái đẹp, cái xấu nằm trong những hiện tượng của đời sống xã hội hoặc tự nhiên). Xét bề ngoài, các giá trị là các đặc tính của sự vật hoặc của hiện tượng; tuy nhiên chúng không phải là cái vốn có do thiên nhiên ban cho sự vật hiện tượng, không phải đơn thuần do kết cấu bên trong của bản thân khách thể, mà do khách thể bị thu hút vào phạm vi tồn tại xã hội của con người và trở thành cái mang những quan hệ xã hội nhất định. Đối với con người, cái giá trị là những đối tượng lợi ích của nó, còn đối với ý thức của nó thì chúng đóng vai trò là những vật định hướng hàng ngày trong thực trạng vật thể và xã hội, chúng biểu thị các quan hệ thực tiễn của con người đối với các sự vật và hiện tượng xung quanh”* [32, tr.206]. Như vậy, theo M.M.Rozental thì giá trị không phải do các đặc tính vật lý hay kết cấu của nó tạo ra; mà do các đặc tính vật lý ấy gắn liền với ý nghĩa xã hội và phải được xã hội loài người thừa nhận thông qua việc “đặt tên” cho cái thuộc tính tích cực hay tiêu cực của sự vật, hiện tượng. Tác dụng của chúng phải được nhìn, soi dưới “cái gương xã hội”, tức là “chuẩn mực” của các mối quan hệ xã hội mà sự vật - hiện tượng tham gia vào; cũng như được đối chiếu với hệ thống định hướng giá trị của mỗi chủ thể phản ánh nó. Nếu một sự vật - hiện tượng phù hợp với hệ giá trị của con người và hợp chuẩn các mối quan hệ xã hội thì nó có giá trị tích

cực về mặt xã hội; còn ngược lại thì là giá trị tiêu cực. Thêm vào đó, giá trị của mỗi sự vật - hiện tượng còn phải phụ thuộc vào chính hoàn cảnh hay phạm vi hoạt động của con người, nó không thể tách ra khỏi hoạt động xã hội của con người. Chỉ trong mối quan hệ xã hội của hoạt động đó, giá trị của nó mới được thể hiện và bộc lộ thông qua việc phản ánh hay đáp ứng nhu cầu và mục đích hoạt động của con người. Giá trị của sự vật - hiện tượng có thể là mục đích của con người, cũng có thể là phương tiện cần thiết để con người đạt được mục đích khác. Giá trị của sự vật phản ánh mối quan hệ thực tiễn giữa nó với con người. Đó là mối quan hệ theo chiều hướng tích cực thông qua việc con người tác động, gắn bó, sử dụng sự vật khi những đặc tính của nó cần thiết cho hoạt động con người, mang lại lợi ích cho chủ thể. Ngược lại, đó là mối quan hệ theo chiều hướng tiêu cực thể hiện qua việc con người xa lánh hay không sử dụng chúng. Ngoài mối quan hệ giữa giá trị của một sự vật - hiện tượng với hoạt động của con người thì giá trị của chúng cũng có tác động nhất định đến ý thức của chủ thể. Nếu chủ thể nhận thức được đó là một giá trị tốt, tích cực, hợp chuẩn và có xu hướng hướng tới Chân, Thiện, Mỹ thì giá trị đó có vai trò định hướng ý thức của con người, hướng suy nghĩ của con người theo viễn cảnh mà giá trị đó nhắm đến. Tuy nhiên khái niệm giá trị theo M.M.Rozental mới chỉ đề cập đến ý thức và hành vi của con người mà bỏ qua mặt xúc cảm - tình cảm.

Trong từ điển Tiếng Việt, “*Giá trị là cái làm cho một vật có ích lợi, có ý nghĩa hay đáng quý về một mặt nào đó*” [28, tr.102]. Mặt nào đó có thể là mặt đạo đức, mặt trí tuệ, mặt tài năng; hay những quan niệm và thực tại về cái đẹp, về sự thật, về điều thiện của xã hội; hay tính chất quy ra được thành tiền của một vật trong quan hệ mua bán, đổi chác; hay độ lớn của một đại lượng, một lượng biến thiên. Với định nghĩa như trên thì giá trị được hiểu như là “cái chuẩn”, “thang đo” để đánh giá một thuộc tính, đặc điểm nào đó của sự vật hiện tượng, hay của con người trong những hoàn cảnh nhất định và lĩnh vực nhất định.

Trong xã hội học và tâm lý học xã hội, khái niệm “giá trị” có nhiều điểm giống nhau: Khái niệm “giá trị” trong xã hội học tương ứng với khái niệm “tâm thế”,

“thái độ” trong tâm lí học xã hội, nó chỉ cơ sở định hướng trong hành vi và hoạt động của con người.

Theo H.J.Fichter – nhà xã hội học Hoa Kỳ thì: *“Tất cả cái gì có ích lợi, đáng ham chuộng, đáng kính phục đối với cá nhân, hoặc xã hội đều có một giá trị”*[45,tr.53]. Theo định nghĩa trên thì giá trị không những chỉ được xét dưới góc độ lợi ích vật chất trong đời sống xã hội mà còn được phản chiếu thông qua thái độ của một cá nhân hay của xã hội. Lúc này giá trị mang ý nghĩa tinh thần, phi vật chất. Đối tượng mà giá trị hướng đến có thể là một con người cụ thể và cũng có thể là một cộng đồng xã hội. Như vậy, bất cứ một cái gì đó dù tồn tại ở dạng vật chất hay phi vật chất đều có thể có một giá trị nếu nó “đáp ứng” được yêu cầu, nhu cầu nào đó của cá nhân hay xã hội.

Theo tài liệu *“Giáo dục giá trị của Bộ văn hoá giáo dục thể thao Philipin”*, khái niệm giá trị có thể được hiểu như sau: *“Một vật có giá trị khi nó được thừa nhận là có ích và cần có; tiền bạc và nhà cửa có giá trị vì chúng được công nhận là có ích, và việc mong muốn có được những thứ đó đã ảnh hưởng đến thái độ và hành vi của con người. Không chỉ có hàng hoá vật chất mà cả lí tưởng và những khái niệm đều có giá trị như “sự thật”, “luong tâm”, và “công lí”*”[45, tr.53]. Như vậy, giá trị ở đây được hiểu là tính có ích của những sản phẩm vật chất và sản phẩm tinh thần trong đời sống con người.

Tác giả V.P. Tugarinov (Liên Xô) lại cho giá trị là *“những khách thể, những hiện tượng và những thuộc tính của chúng mà tất cả đều cần thiết cho con người (ích lợi, hứng thú...) của một xã hội hay một giai cấp nào đó cũng như một cá nhân riêng lẻ với tư cách là phương tiện thỏa mãn những nhu cầu và lợi ích của họ, đồng thời cũng là những tư tưởng và ý định với tư cách là chuẩn mực, mục đích hay lý tưởng”* [45, tr.54]. Định nghĩa này cho rằng chuẩn để xác định giá trị của một sự vật hiện tượng là nó có thỏa mãn nhu cầu, hứng thú của con người hay là phương tiện để con người thỏa mãn một nhu cầu nào đó. Lợi ích ở đây có thể là lợi ích về mặt vật chất và cũng có thể là lợi ích về mặt tinh thần.

L. Dramaliev (Bungari) coi “*Giá trị là một thành tố khách quan của xã hội. Nó là một loại hiện tượng xã hội đặc biệt (một vật, một đối tượng, một liên hệ, một ý niệm), thỏa mãn được những nhu cầu nhất định của con người. Giá trị là một phẩm chất khách quan, một đặc tính, một khả năng thỏa mãn những nhu cầu đã trở thành rõ rệt trong quá trình quan hệ qua lại có tính chất xã hội giữa người với người trong hành vi thực tế của họ. Với tính cách là một khách thể xã hội, giá trị không thể tách khỏi những nhu cầu, những mong muốn, thái độ, những quan điểm và những hành động của con người với tư cách là một chủ thể của các quan hệ xã hội*” [45, tr.54].

Tại Việt Nam, đã có nhiều công trình nghiên cứu về giá trị, trong đó phải kể đến công trình nghiên cứu của Giáo sư Trần Văn Giàu, Giáo sư Viện sĩ Phạm Minh Hạc, Phó Giáo sư Trần Trọng Thủy.

Giáo sư Trần Văn Giàu cho rằng: “*Giá trị xuất hiện từ mối quan hệ giữa chủ thể và đối tượng, nghĩa là từ thực tiễn và chiến đấu của con người trong xã hội. Giá trị vì thế được xác định bởi sự đánh giá đúng đắn của con người, xuất phát từ thực tiễn và được kiểm nghiệm qua thực tiễn*”. Ở đây, giáo sư Giàu đã cho thấy tính “thực tiễn” và “trải nghiệm” của các giá trị, phải thông qua quá trình tương tác giữa chủ thể và đối tượng trong một hoàn cảnh cụ thể thì giá trị của sự vật - hiện tượng mới được bộc lộ và được con người nhìn nhận dưới góc độ khoa học.

Giáo sư Viện sĩ Phạm Minh Hạc cho rằng: “*Giá trị là tính có nghĩa tích cực, đáng quý, có ích của các đối tượng với các chủ thể*”. Như vậy, một lần nữa, chính cái lợi ích mà đối tượng đem lại cho con người là chuẩn để đánh giá giá trị của một đối tượng nào đó.

Còn theo Phó giáo sư Trần Trọng Thủy khi nghiên cứu về “*Giá trị, định hướng giá trị và nhân cách*” cũng xem giá trị là một hiện tượng xã hội điển hình, biểu thị các sự vật, hiện tượng, các thuộc tính và quan hệ của hiện thực, các tư tưởng, các chuẩn mực, mục đích và lý tưởng, các hiện tượng của tự nhiên và xã hội được con người tạo ra nhưng đều phục vụ cho sự tiến bộ của xã hội và sự phát triển của cá nhân con người.

Qua một số quan điểm nêu trên về “giá trị”, có thể khái quát khái niệm “giá trị” như sau:

– Bất cứ sự vật nào cũng có thể xem là có giá trị, dù nó là vật chất hay là tư tưởng, miễn là nó được người ta thừa nhận, người ta cần đến nó như là một nhu cầu, hoặc là cấp cho nó một vị trí quan trọng trong đời sống của họ.

– Cần phân biệt cái gọi là bản chất và quy luật của bản thân sự vật hiện tượng với cái gọi là giá trị của sự vật hiện tượng. Bản chất và quy luật của sự vật hiện tượng tồn tại không phụ thuộc vào xu hướng nói chung và nhu cầu nói riêng của con người. Còn giá trị thì tồn tại trong mối liên hệ với nhu cầu của con người. Tùy theo việc con người có hay không có nhu cầu nào đó mà sự vật hay hiện tượng đối với con người là có hay không có giá trị.

– Giá trị có tính lịch sử khách quan – nghĩa là sự xuất hiện, tồn tại hay mất đi của giá trị nào đó không phụ thuộc vào ý thức con người mà phụ thuộc vào sự xuất hiện, tồn tại hay mất đi một nhu cầu nào đó của con người, không phải do ý thức mà do yêu cầu của hoạt động, của thực tiễn trong đó con người sống và hoạt động.

– Trong mọi giá trị đều chứa đựng yếu tố nhận thức, yếu tố tình cảm và yếu tố hành vi của chủ thể trong mối quan hệ với sự vật hiện tượng mang giá trị, thể hiện sự lựa chọn và đánh giá của chủ thể [45, tr.56].

** Tựu chung lại, người nghiên cứu tiếp cận khái niệm “giá trị” là những cái có ích lợi, có ý nghĩa, cần thiết đối với một cá nhân, nhóm người hay xã hội. Giá trị gắn liền với nhu cầu của con người. Giá trị có thể là mục đích để con người vươn tới hay là điều kiện để con người đạt được một mục đích nào đó.*

b) Phân loại giá trị

Có nhiều cách phân loại giá trị. Tùy theo mục đích tiếp cận mà các tác giả phân chia giá trị như sau:

– Căn cứ vào sự thoả mãn nhu cầu vật chất hay nhu cầu tinh thần của con người, giá trị được chia thành 2 loại: Giá trị vật chất và giá trị tinh thần. Trong các giá trị vật chất, người ta thường nói tới giá trị sử dụng và giá trị kinh tế. Trong các

giá trị tinh thần, người ta thường đề cập tới các giá trị sau: Giá trị khoa học, giá trị chính trị, giá trị đạo đức, giá trị pháp luật, giá trị tôn giáo, v.v.

– *Căn cứ vào các giá trị chi phối hệ thống hành vi lớn của con người*, M. Popon và J.R. William đã đề xuất các giá trị chủ yếu gồm có các giá trị như: giá trị tồn tại sinh học, giá trị tính cách, giá trị văn hoá và giá trị xã hội.

– *Căn cứ trên các lĩnh vực hoạt động của con người*, giá trị được chia thành các nhóm: giá trị nhân văn, giá trị đạo đức, giá trị văn hoá, giá trị chính trị, giá trị luật pháp, giá trị kinh tế. [47, tr.60].

– *Căn cứ trên các hiện tượng xã hội*, J.H. Fichter – nhà xã hội học Hoa Kỳ cho rằng mỗi hiện tượng xã hội có thể được dùng làm khởi điểm cho sự phân loại các giá trị. Theo ông, có ba căn cứ để phân loại giá trị là nhân cách, xã hội và văn hoá. Tuy vậy, theo quan điểm của ông thì những giá trị được phân loại vẫn có sự phối hợp và xen lẫn trên cả ba bình diện.

– *Căn cứ theo kết quả nghiên cứu của các nhà nghiên cứu thuộc chương trình “Con người - mục tiêu, động lực của sự phát triển xã hội”*, mã số KX-07-04, trong đó các tác giả đề cập tới cách tiếp cận hệ thống lịch sử và cho rằng có thể phân loại giá trị theo các nhóm sau:

- + Hệ giá trị phổ quát của nhân loại
- + Hệ giá trị của xã hội hiện đại
- + Hệ giá trị của xã hội thời quá độ
- + Hệ giá trị các thành phần theo cơ cấu xã hội
- + Hệ giá trị của nhóm

– *Căn cứ trong mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội*, giá trị có thể chia thành giá trị chung và giá trị riêng.

- + Giá trị chung là những giá trị được một cộng đồng và xã hội thừa nhận, trở thành chuẩn chung điều tiết mọi quan hệ xã hội.
- + Giá trị riêng mang tính chủ thể và chỉ có giá trị điều tiết nhận thức, thái độ và hành vi của chính chủ thể; có thể phù hợp và cũng có thể không phù hợp với giá trị chung.

– *Căn cứ theo chiều dài lịch sử*, người ta có thể chia giá trị thành hai loại là giá trị truyền thống và giá trị hiện đại.

+ Các giá trị truyền thống bao gồm: hiếu thảo, trung thực, trách nhiệm, tự trọng, chân thành, nhân ái, tôn trọng người khác, kính trọng thầy cô, chung thủy, lạc quan, đoàn kết, biết ơn, dũng cảm, tận tâm, yêu thương, tin tưởng, uy tín, quan tâm, khoan dung, khiêm tốn, hy sinh, cần cù, chịu khó, kiên nhẫn, thế giới quan khoa học, yêu nghề, yêu trẻ, lòng tự hào dân tộc, ...

+ Các giá trị hiện đại gồm có: tự tin, năng động, sáng tạo, độc lập, cầu tiến, hợp tác, thẳng thắn, yêu cầu cao, dũng cảm chống tiêu cực, ...

Giá trị truyền thống khác giá trị hiện đại ở chỗ nó hình thành và phát triển thông qua một thời gian dài và trải qua nhiều biến cố. Nó mang tính ổn định, bền vững và khó thay đổi. Giá trị truyền thống hợp với giá trị hiện đại tạo thành một hệ giá trị chung cho toàn thể xã hội.

* Như vậy, việc phân loại các giá trị hết sức đa dạng và phong phú. Mọi sự phân loại đều mang tính chất tương đối. Với mỗi cách phân loại giá trị nêu trên thể hiện mỗi khía cạnh khác nhau và không có cách phân loại nào thể hiện đầy đủ mọi phương diện giá trị trong cuộc sống. Điều quan trọng là khi xem xét các giá trị, cần xác định chúng trong một hệ thống cấu trúc, đặt chúng theo thứ bậc và chú ý tính đa dạng trong các biểu hiện sinh động của từng giá trị.

Trong đề tài này, người nghiên cứu tiếp cận cách phân loại giá trị dựa trên mức độ nhu cầu của con người, trong đó đạo đức là một trong những nhóm giá trị tinh thần quan trọng, chi phối nhận thức, tình cảm và hành vi lối sống của con người.

c) Hệ giá trị, thang giá trị và chuẩn giá trị

Các giá trị thường được sắp xếp theo những quan hệ nhất định và có những vị trí thứ bậc khác nhau, được con người sử dụng theo những chuẩn khác nhau. Cuộc sống con người là tổ hợp các hệ thống giá trị, thang giá trị, chuẩn giá trị.

Hệ giá trị hay còn gọi là hệ thống giá trị là một tổ hợp các giá trị khác nhau, được sắp xếp, hệ thống lại theo những nguyên tắc nhất định, thành một tập hợp

mang tính toàn vẹn, hệ thống, thực hiện các chức năng đặc thù trong việc đánh giá của con người theo những phương thức vận hành nhất định của giá trị.

Các hệ giá trị có vị trí độc lập tương đối và tương tác với nhau theo những thứ bậc phù hợp với quá trình thực hiện các chức năng xã hội trong mỗi thời kỳ lịch sử cụ thể. Vì vậy, hệ thống giá trị luôn mang tính lịch sử xã hội và chịu sự chế ước bởi lịch sử - xã hội. Trong hệ thống giá trị có chứa đựng các nhân tố của quá khứ, hiện tại và có cả những nhân tố trong tương lai, các giá trị truyền thống, các giá trị thời đại, các giá trị có tính nhân văn, nhân loại, tính dân tộc, tính cộng đồng, tính giai cấp, tính lý tưởng và tính hiện thực.

Có hệ thống giá trị là những giá trị xuất hiện từ thời cổ đại và mang tính phổ quát như Chân, Thiện, Mĩ; hay theo nhà giáo dục Nhật Bản T. Makiguchi thì hệ giá trị gồm ba giá trị cơ bản: Thiện, Lợi, Mĩ; hoặc theo tổ chức Unesco thì hệ thống giá trị bao gồm các giá trị như: hòa bình, tự do, việc làm, gia đình, sức khỏe, an ninh, tự trọng, công lý, tình nghĩa, sống có mục đích, niềm tin, tự lập, nghề nghiệp, học vấn...

Theo GS.TS. Phạm Minh Hạc chủ nhiệm chương trình nghiên cứu Nhà nước *“Con người – mục tiêu, động lực của sự phát triển xã hội”* đã nhấn mạnh *“Hệ thống giá trị và định hướng giá trị đối với phẩm chất con người Việt Nam trong thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá có thể là: trung với nước, hiếu với dân, nhân phẩm và các quan hệ tốt đẹp giữa người với người, duy lý và khoa học, tri thức kỹ thuật công nghiệp, tiến bộ xã hội và hạnh phúc con người”*. [35, tr.78]

Thang giá trị hay còn gọi là thước đo giá trị là *một tổ hợp giá trị, một hệ thống giá trị được sắp xếp theo một trật tự ưu tiên nhất định*.

Thang giá trị được hình thành, thay đổi theo thời gian cùng với sự phát triển, biến đổi của xã hội loài người, của dân tộc, của cộng đồng và của từng cá nhân. Trong quá trình biến đổi đó, thang giá trị của xã hội, của cộng đồng và của nhóm người chuyển thành thang giá trị của từng người qua từng giai đoạn lịch sử của con người.

Thang giá trị là một trong những động lực thúc con người hoạt động. Hoạt động được tiến hành theo những thang giá trị nhất định, phục vụ nhu cầu, lợi ích

của con người. Chính trong hoạt động tạo ra những giá trị và chính những giá trị này góp phần khẳng định, củng cố, phát huy, bổ sung, hoàn thiện hoặc thay đổi thang giá trị của con người trong các mối quan hệ với tự nhiên - xã hội, với người khác và với chính bản thân mình.

Những công trình nghiên cứu về định hướng giá trị của con người Việt Nam vào những năm cuối của thế kỷ XX đã cho thấy hướng lựa chọn chủ yếu của con người Việt Nam và thang giá trị của họ theo thứ bậc từ cao đến thấp như sau:

- | | |
|-------------|----------------------|
| 1. Hoà bình | 7. Gia đình |
| 2. Tự do | 8. An ninh |
| 3. Sức khoẻ | 9. Niềm tin |
| 4. Việc làm | 10. Nghề nghiệp |
| 5. Công lý | 11. Sống có mục đích |
| 6. Học vấn | |

Như vậy, người Việt Nam luôn luôn yêu hoà bình, tự do và xếp đó là những giá trị cao nhất trong thang giá trị của mình. Kế đến là các giá trị sức khoẻ, việc làm, công lý, và giá trị học vấn như những biểu hiện về lòng hiếu học và việc chú ý chăm sóc cuộc sống gia đình riêng của mình là những giá trị trong truyền thống dân tộc. [35, tr. 68]

Chuẩn giá trị là những giá trị giữ vị trí ở thứ bậc cao, vị trí cốt lõi, then chốt trong thang giá trị, là chuẩn mực chung cho nhiều người, được coi là giá trị chuẩn. Việc xây dựng các giá trị theo các chuẩn mực nhất định về kinh tế, về chính trị, về đạo đức, về xã hội, về thẩm mỹ tạo ra các chuẩn giá trị. Hoạt động của cộng đồng, của xã hội, của nhóm người, cũng như của từng cá nhân được thực hiện theo các chuẩn giá trị nhất định, tạo ra những giá trị tương ứng, đảm bảo cho sự tồn tại của con người. Con người là giá trị cao nhất của tất cả các giá trị, vì con người tạo ra mọi giá trị. Con người là thước đo của mọi giá trị. [45, tr.64]

Chuẩn giá trị luôn tồn tại và phát triển thông qua mối quan hệ tương tác, nhất là các mối liên hệ cấu trúc theo tầng bậc trong bảng giá trị xã hội để đảm bảo tính ổn

định và tính đa dạng của thang giá trị xã hội. Các chuẩn giá trị xã hội đóng vai trò chuẩn mực cho các giá trị khác và là chuẩn cơ bản cho định hướng giá trị của đại đa số thành viên xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức coi trọng con người, coi con người là vốn quý nhất của xã hội, tất cả đều do con người, vì con người. Xưa kia khi nói đến giá trị đạo đức của con người, Khổng Tử nói đến: “Nhân – nghĩa – lễ - trí - tín”; còn Bác Hồ thì nói: “Nhân – nghĩa – trí – dũng - liêm” và từ đó người lấy hệ thống giá trị *cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, trung với nước, hiếu với dân là thang giá trị cao nhất, là thước đo giá trị của người Việt Nam. Trong đó, cái “đức”, cái “thiện” là cốt lõi, là gốc của mọi giá trị.*

Theo giáo sư Trần Văn Giàu, ông dùng hệ “giá trị truyền thống” để chỉ các giá trị tốt đẹp vốn có của dân tộc để phân biệt với các giá trị nằm trong các nếp tập quán, phong tục xấu. Những giá trị đạo đức tốt đẹp, chuẩn mực thường được gọi là phẩm giá, phẩm chất [45, tr.65].

Trải qua nhiều thời kỳ, nhiều giai đoạn và qua nhiều biến cố thăng trầm của lịch sử, hạt nhân cơ bản của thang giá trị, thước đo giá trị và nhân phẩm của con người Việt Nam ngày nay vẫn là các giá trị nhân văn truyền thống như lòng tự hào dân tộc, trung với nước, hiếu với dân, ái, cần cù, chịu khó, thông minh, năng động, sáng tạo...

Những năm gần đây, khi kinh tế Việt Nam ngày càng phát triển theo cơ chế thị trường thì xã hội ngày càng có những thay đổi, kéo theo đó là sự biến động cực kỳ nhanh chóng của thang giá trị, chuẩn giá trị đạo đức trong xã hội Việt Nam. Một số biểu hiện tiêu cực trong suy nghĩ, lối sống và trong hành vi ứng xử hàng ngày như sống suy đồi, thoái hoá một cách nghiêm trọng, ham tư lợi, vị kỷ, chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa thực dụng, tham nhũng, gian lận trong thi cử, học giả bằng thật,... Tại đại hội lần thứ IX của Đảng đã nhận định rằng: *“Tình trạng tham nhũng, suy thoái về đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng. Nạn tham nhũng kéo dài trong bộ máy của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta”*. Nhận thức được điều này, thiết nghĩ chúng ta không vội vàng lên án hay kết tội một bộ phận lớp trẻ đang có lối sống như trên; mà điều cần thiết là cần có những nghiên cứu sâu rộng để có cái nhìn khách quan, toàn diện về sự biến đổi của các thang giá trị, chuẩn giá trị ngày nay. Từ đó có

những định hướng giá trị đúng đắn cho xã hội, cho từng nhóm người, từng cá nhân để họ có thể tạo ra và thiết lập những giá trị tốt cho xã hội.

d) Vai trò của giá trị

Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã khẳng định: *“Giá trị giữ vai trò quan trọng trong xu hướng định hướng và điều khiển các mối quan hệ của con người và xã hội... Giá trị chính là trục của ý thức, là yếu tố quan trọng của cấu trúc bên trong của nhân cách, là nơi hội tụ kinh nghiệm sống của cá nhân, là hệ thống các trải nghiệm cho phép con người tách biệt được cái bản chất với cái không bản chất”*.

Giá trị có tác dụng như những chuẩn mực, quy tắc để định hướng con người hướng tới những mục tiêu, thúc đẩy và điều chỉnh hành động của con người nhằm đạt tới những mục tiêu đó. Giá trị là cơ sở của việc đánh giá thái độ, hành vi nào là đúng và nên có; ngược lại hành vi, thái độ nào là sai, không nên có. Sự thống nhất, ổn định về tâm lý, tinh thần, đạo đức của cá nhân và xã hội được chỉ đạo bởi các giá trị. Nó là thang bậc, chuẩn hành vi để các thành viên của xã hội so sánh, đối chiếu, phân biệt được những hành động và suy nghĩ tốt đẹp, tích cực hoặc tiêu cực, phù hợp hay lệch chuẩn. Các giá trị hình thành nên ý thức, thái độ và sức mạnh dư luận của đạo đức để đối phó với những hành vi đi ngược lại lợi ích xã hội.

Giá trị có vai trò vô cùng quan trọng trong sự phát triển nhân cách của mỗi người. Giá trị có hai chức năng cơ bản:

– *Thứ nhất*: Giá trị là cơ sở cho sự hình thành và bảo tồn những định hướng giá trị trong ý thức của con người, cho phép cá nhân giữ một lập trường xác định, bày tỏ quan điểm của mình, đánh giá và phê phán. Các giá trị là một bộ phận của ý thức mà thiếu nó thì không thể có nhân cách được.

– *Thứ hai*: Giá trị thúc đẩy hành vi, hoạt động của con người. Bởi vì sự định hướng của con người trong thế giới xung quanh và nguyện vọng đạt được các mục đích riêng lẻ của họ đều được đối chiếu với các giá trị nằm trong cấu trúc nhân cách.

2.1.2. Định hướng giá trị

Theo cách hiểu thông thường thì định hướng nghĩa là lựa chọn, xác định cho mình lối đi, cách làm hay rộng hơn là cách hành động, cách cư xử sao cho phù hợp với bản thân và xã hội.

Theo Từ điển bách khoa toàn thư Xô Viết, “Hệ thống định hướng giá trị tạo thành nội dung xu hướng của nhân cách và là cơ sở bên trong các mối quan hệ giữa cá nhân

với thực tại”. Như vậy, “định hướng giá trị” có liên quan đến “xu hướng” trong Tâm lý học.

Xu hướng là một trong những thuộc tính tâm lý của nhân cách, là thành phần trong cấu trúc nhân cách 4 thành tố (năng lực, xu hướng, tính cách, khí chất), quy định hành vi và giá trị xã hội của cá nhân. Xu hướng được hiểu là một thuộc tính tâm lý điển hình của cá nhân, bao hàm trong nó một hệ thống những động lực quy định sự lựa chọn các thái độ.

Theo A.G.Côvaliốp, xu hướng của cá nhân là ý định hướng tới đối tượng trong một thời gian lâu dài nhằm thoả mãn những nhu cầu hay hứng thú hoặc vươn tới mục tiêu cao đẹp mà cá nhân lấy làm lẽ sống của mình. [39, tr.222]

Xu hướng được biểu hiện ở một số mặt chủ yếu như nhu cầu, hứng thú, lý tưởng, thế giới quan, niềm tin. Các phạm trù nằm trong xu hướng đều hàm chứa nội dung những giá trị sống mà mỗi cá nhân hay tập thể cần xác định cho mình trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách. Như vậy, xu hướng có thể được xem là nguồn gốc để nảy sinh những định hướng giá trị của con người. Vì chính những động lực (nhu cầu, hứng thú, lý tưởng, thế giới quan, niềm tin) sẽ quy định sự lựa chọn các thái độ, lựa chọn những giá trị vật chất hay tinh thần ở mỗi người.

Thuật ngữ định hướng giá trị được sử dụng khá phổ biến trong xã hội học, tâm lý học và tâm lý học xã hội. Jodov cho rằng, định hướng giá trị là “tụ điểm” của xã hội học, tâm lý học và tâm lý học xã hội.

Theo Từ điển bách khoa toàn thư Xô Viết, định hướng giá trị là:

- Cơ sở tư tưởng, chính trị, đạo đức, thẩm mỹ giúp chủ thể đánh giá thực tại chung quanh và định hướng trong thực tại đó.

- Phương pháp phân loại các khách thể của cá nhân theo giá trị của chúng. Định hướng giá trị hình thành thông qua sự chiếm lĩnh kinh nghiệm xã hội và thể hiện trong các mục đích, tư tưởng, chính kiến, ham muốn,... của nhân cách. Trong cấu trúc của hoạt động con người, định hướng giá trị gắn liền với các đặc điểm nhận thức và ý chí của nhân cách. Hệ thống định hướng giá trị tạo thành nội dung xu hướng của nhân cách và là cơ sở bên trong các mối quan hệ giữa cá nhân với thực tại [45, tr.66].

Trong tâm lý học, có nhiều quan điểm phong phú về định hướng giá trị:

Theo Từ điển tâm lý học tóm tắt của Liên Xô do A.V.Petrovki và Jarosevski chủ biên thì *định hướng giá trị là phương thức chủ thể sử dụng để phân biệt các sự vật*

theo ý nghĩa của chúng đối với chính mình; từ đó hình thành nội dung cơ bản của xu hướng, động cơ hoạt động.

Trong tâm lý học phương Tây, một số tác giả quan niệm định hướng giá trị là một trong những trình độ cụ thể, giai đoạn nhất định của sự phát triển giá trị ở nhân cách.

Ladov cho rằng: “Định hướng giá trị là những biểu tượng của con người về những mục đích chủ yếu của cuộc đời và các phương tiện cơ bản đạt những mục tiêu ấy. Định hướng giá trị đóng vai trò chủ đạo trong việc xây dựng các chương trình hành vi ứng xử lâu dài. Chúng hình thành trên cơ sở những nhu cầu của chủ thể về việc nắm vững những hình thức cơ bản của hoạt động sống trong những điều kiện lịch sử cụ thể xác định và do tính chất của các quan hệ xã hội quy định. Các quan hệ xã hội này là nguồn gốc khách quan hình thành những nhu cầu ấy” [45, tr.68].

Thái Duy Tuyên thì cho rằng khái niệm định hướng giá trị được hiểu là việc mỗi cá nhân hay cộng đồng lựa chọn cho mình một giá trị hay hệ giá trị nào đó. [43, tr.37].

Hà Nhật Thăng thì cho rằng “*định hướng giá trị là một hệ thống giá trị chuẩn phù hợp với yêu cầu xã hội, có tính phổ biến được nhiều người thừa nhận, công nhận và tuân thủ thực hiện, hệ thống giá trị đó có tác dụng vừa như là mục tiêu, đối tượng phải chiếm lĩnh, vừa như là động cơ thúc đẩy con người nhận thức hoạt động để hoàn thiện nhân cách, phát huy vai trò chủ thể của con người trong sự phát triển cá nhân, xã hội và tự nhiên*”. [35, tr.65]

Theo một số tác giả như Phạm Minh Hạc, Trần Trọng Thuỷ thì “*định hướng giá trị là sự lựa chọn, sắp xếp các giá trị với tư cách là những tiêu chuẩn hành vi của mình, định hướng giá trị là cơ sở bên trong của hành vi, quyết định lối sống của cá nhân*”.

Từ những quan điểm trên cho thấy có nhiều quan niệm khác nhau về định hướng giá trị, người nghiên cứu tiếp cận khái niệm “định hướng giá trị” theo các ý chung cơ bản sau:

– ***Định hướng giá trị là sự lựa chọn, sắp xếp các giá trị với tư cách là những tiêu chuẩn hành vi của cá nhân hay của nhóm.***

– ***Định hướng giá trị được hình thành trong quá trình cá nhân hay nhóm người gia nhập vào các quan hệ xã hội với tư cách là chủ thể của hoạt động đó, hướng vào các giá trị có ý nghĩa cơ bản đối với cá nhân hay nhóm.***

– *Quá trình định hướng giá trị bao giờ cũng chứa đựng các yếu tố nhận thức (đánh giá), ý chí và cảm xúc (thử nghiệm) cũng như các khía cạnh đạo đức, thẩm mỹ trong sự phát triển nhân cách.*

– *Định hướng giá trị là cơ sở bên trong của hành vi, quyết định lối sống của cá nhân.*

*** Quá trình định hướng giá trị**

Có nhiều quan điểm khác nhau xung quanh quá trình định hướng giá trị, Paths, Harmin và Simon đã đưa ra bảy giai đoạn của quá trình định hướng giá trị dựa trên ba quá trình cơ bản như: Chọn lựa, cân nhắc và hành động.

Bảng 1.1. Các giai đoạn của quá trình định hướng giá trị

Các quá trình	Các giai đoạn
<i>Chọn lựa</i>	1. Tự do 2. Từ các khả năng lựa chọn khác nhau sau khi dự đoán kết quả của từng khả năng lựa chọn
<i>Cân nhắc (Đánh giá)</i>	3. Tâm niệm, cảm thấy vui mừng với những lựa chọn đã tiến hành. 4. Sẵn sàng khẳng định sự lựa chọn đó một cách công khai
<i>Hành động</i>	5. Làm một cái gì đó theo sự lựa chọn 7. Lặp lại hành động một vài dịp theo mẫu đó trong đời.

Bảy giai đoạn của quá trình định hướng giá trị được các tác giả giải thích như sau:

+ *Chọn lựa tự do* là sự lựa chọn không bị thúc đẩy bởi một quyền lực hay một sự cưỡng bách nào đó mà cá nhân tâm niệm, gửi gắm vào một sở thích, một mục đích nào đó.

+ *Chọn lựa từ các khả năng lựa chọn khác nhau* là có nhiều khả năng lựa chọn, cần phải xác định một tiêu chuẩn thích hợp làm cơ sở cho một mối quan tâm, một chủ định hay một hành động.

- + *Lựa chọn trên cơ sở đã dự đoán kết quả có thể có của từng khả năng lựa chọn.*
- + *Cân nhắc và tâm niệm* là người ta áp ử một tâm niệm hay cân nhắc một cái gì mà người ta có cảm tình với nó.
- + *Khẳng định* là sau khi cái lựa chọn đã được cân nhắc và tâm niệm, người ta khẳng định và gắn bó với các lựa chọn đó.
- + *Hành động theo lựa chọn* là giai đoạn quan trọng trong quá trình định hướng giá trị, thông qua hành động mà cái lựa chọn bộc lộ bản chất của giá trị.
- + *Lặp lại hành động* là bước cuối cùng trong quá trình định hướng giá trị. Các giá trị phải được bộc lộ qua quá trình lặp lại hành động. Các cá nhân hành động phù hợp và kiên trì theo các giá trị mà mình áp ử, tâm niệm.

Như vậy, tập hợp những quá trình trên xác định sự đánh giá giá trị. Kết quả của quá trình định hướng giá trị là khẳng định được giá trị. [35, tr.75]

Hệ thống giá trị chuẩn có tính chung vừa là mục tiêu giáo dục của nhà trường, gia đình, xã hội và của những người có chí hướng chung theo định hướng xã hội, vừa là chuẩn thước đo đánh giá hiệu quả, chất lượng của quá trình giáo dục nhân cách.

Trong thực tế, mỗi cá nhân, mỗi gia đình, cộng đồng có định hướng hệ thống giá trị riêng. Khoảng cách giữa định hướng giá trị xã hội và cá nhân càng ngắn lại thì hiệu quả hoạt động rèn luyện tự giáo dục của cá nhân càng cao, càng thể hiện sự chín muồi của sự phát triển nhân cách.

Sự lệch lạc của định hướng giá trị (nhất là giá trị đạo đức) sẽ dễ bị kích thích bởi những yếu tố bên ngoài, những yếu tố không lành mạnh.

Sự phát triển định hướng giá trị là dấu hiệu của sự chín muồi nhân cách, là chỉ tiêu đo đặc tính xã hội của nhân cách. Sự kém phát triển của định hướng giá trị làm tăng sự khống chế các kích thích bên ngoài đến các cấu trúc nội tại của nhân cách, trước hết ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu. Con người ta có những nhu cầu lành mạnh hay không lành mạnh là do việc lựa chọn các giá trị của mỗi cá nhân tác động tới. Vì vậy, việc xây dựng hệ thống định hướng giá trị và định hướng giá trị đúng đắn cho học sinh sinh viên là việc làm quan trọng trong công tác giáo dục học sinh sinh viên không chỉ trong gia đình, nhà trường và xã hội. Chính điều này sẽ góp phần hạn chế các hành vi vô đạo đức, các tệ nạn xã hội đang trở thành vấn đề nhức nhối trong xã hội Việt Nam đương đại.

2.2. Giá trị đạo đức và định hướng giá trị đạo đức

2.2.1. Đạo đức

a) Định nghĩa đạo đức

Từ trước đến nay, đạo đức là đối tượng nghiên cứu của nhiều bộ môn khoa học như triết học, đạo đức học, tâm lý học, giáo dục học... Dưới mỗi góc nhìn khác nhau, có những cách tiếp cận như sau về đạo đức:

Theo nghĩa gốc trong tiếng La tinh, đạo đức (Mos) – lễ thói; ở đây muốn nói đến những lễ thói tập tục được biểu hiện trong mối quan hệ, giao tiếp giữa người và người.

Theo từ điển triết học, *“Đạo đức là quy tắc chung trong xã hội và hành vi của con người, quy định những nghĩa vụ của người này đối với người khác và đối với xã hội. Đạo đức là hình thái của ý thức xã hội... Chủ nghĩa Mác – Lênin xây dựng quan điểm về đạo đức và những yêu cầu của đạo đức không phải trên những định nghĩa chung và trừu tượng mà trên những điều kiện lịch sử cụ thể. Không có đạo đức nào ở ngoài xã hội loài người... Trong một xã hội có giai cấp, đạo đức có tính giai cấp. Những hình thức kết cấu xã hội và cơ sở kinh tế mà biến đổi thì đạo đức cũng biến đổi theo...”*

Như vậy, dưới góc nhìn triết học thì đạo đức thuộc hình thái ý thức xã hội, là tập hợp những nguyên tắc, quy tắc nhằm điều chỉnh và đánh giá cách ứng xử của con người trong quan hệ với nhau, với xã hội, với tự nhiên, trong hiện tại hay quá khứ cũng như trong tương lai. Chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi truyền thống và bởi sức mạnh của dư luận xã hội.

Dưới góc nhìn tâm lý học, đạo đức được hiểu là thành phần quan trọng trong cấu trúc nhân cách (Đức – Tài); là hệ thống những chuẩn mực, biểu hiện thái độ đánh giá quan hệ giữa lợi ích của bản thân với lợi ích của người khác và của cả xã hội.

Theo Phạm Khắc Chương và Hà Nhật Thăng thì *“Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là tổng hợp những quy tắc, chuẩn mực xã hội, nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với lợi ích, hạnh phúc của con người và tiến bộ xã hội trong quan hệ với con người, giữa cá nhân và xã hội...”*.

Theo quan điểm của GS.VS Phạm Minh Hạc và các cộng sự trong công trình nghiên cứu khoa học công nghệ cấp Nhà nước, được trình bày trong tác phẩm *“Về sự phát triển toàn diện con người thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá”*, *“Đạo đức theo nghĩa hẹp là luân lý, những quy định, những chuẩn mực ứng xử trong quan hệ của con*

người. Nhưng trong điều kiện hiện nay, chính quan hệ của con người cũng đã mở rộng và đạo đức bao gồm những quy định, những chuẩn mực ứng xử của con người với con người, với công việc, với bản thân kể cả với thiên nhiên và môi trường sống...

Theo nghĩa rộng, khái niệm đạo đức liên quan chặt chẽ với phạm trù chính trị, pháp luật, lối sống. Đạo đức là thành phần cơ bản của nhân cách, phản ánh bộ mặt nhân cách đã được xã hội hoá. Đạo đức được biểu hiện ở cuộc sống tinh thần lành mạnh, trong sáng, ở hành động góp phần giải quyết hợp lý, có hiệu quả những mâu thuẫn của cuộc sống. Khi thừa nhận đạo đức là một hình thái ý thức xã hội thì đạo đức của mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng, mỗi tầng lớp giai cấp trong xã hội cũng phản ánh ý thức chính trị của họ đối với các vấn đề đang tồn tại.

Chuẩn mực đạo đức là những phẩm chất đạo đức có tính chuẩn mực, được nhiều người thừa nhận, được dư luận xã hội xác định như một đòi hỏi khách quan, là thước đo giá trị cần có ở mỗi người. Những chuẩn mực đạo đức ấy được coi như mục tiêu giáo dục, rèn luyện ở mọi người, ở nhiều bậc học, cấp học, lứa tuổi, ngành nghề. Đồng thời chuẩn mực đạo đức đó lại có giá trị định hướng, chi phối, chế ước quá trình nhận thức, điều chỉnh thái độ và hành vi của mỗi người.

Các nhà nghiên cứu Đạo đức học phân tích khái niệm đạo đức là một hình thái ý thức xã hội đặc trưng của xã hội loài người, nó có tính lịch sử xã hội, bị chế ước, chi phối bởi những điều kiện khách quan của kinh tế xã hội, dân tộc, lịch sử. Đạo đức có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển nhân cách con người qua các thời kỳ lịch sử. Đạo đức gắn liền với hành vi và động cơ hành vi của con người, đạo đức được xác định dựa trên ý nghĩa lợi hay hại của hành vi và động cơ con người.

Theo Từ điển Tiếng Việt, *đạo đức theo một cách hiểu tổng quát là những tiêu chuẩn, nguyên tắc được dư luận xã hội thừa nhận, quy định hành vi, quan hệ của con người đối với nhau và đối với xã hội.* Và theo nghĩa hẹp thì *đạo đức là phẩm chất tốt đẹp của con người do tu dưỡng theo những tiêu chuẩn đạo đức mà có.*

Như vậy, tiếp cận theo định nghĩa trên có thể hiểu đạo đức là một hệ thống những chuẩn mực được nhiều người thừa nhận và tự giác thực hiện do động cơ, nhu cầu của mỗi người và được dư luận xã hội, hoặc những ràng buộc của pháp luật để đảm bảo những điều kiện cần thiết cho mọi người được sống trong môi trường bình yên tự do.

Trong đời sống hàng ngày, khái niệm đạo đức được sử dụng để đánh giá tình cảm, thái độ, hành vi của mỗi người so với những chuẩn mực đạo đức xã hội của mỗi thời

kỳ lịch sử. Những người sống theo chuẩn mực xã hội, gương mẫu, tự giác thực hiện các chuẩn mực đạo đức xã hội thì được nhiều người quý mến và được coi là người có đạo đức. Như vậy khái niệm đạo đức ở đây được dùng để nhận xét nhân phẩm của mỗi người so với những chuẩn mực đạo đức xã hội, thể hiện trong quan hệ giao tiếp ứng xử với mọi người xung quanh và so với những bổn phận, trách nhiệm xã hội đòi hỏi.

Tóm lại, người nghiên cứu tiếp cận khái niệm đạo đức theo nghĩa hẹp nhất là toàn bộ những phẩm chất tốt đẹp của con người trong giao tiếp, ứng xử với bản thân, với người khác, với cộng đồng xã hội.

b) Cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức

Ba mặt cơ bản, xuyên suốt trong đời sống tâm lý con người đó là nhận thức, tình cảm và hành vi. Khi con người có nhận thức đúng về các giá trị đạo đức, có tình cảm, niềm tin với các giá trị đạo đức đó thì thiết nghĩ con người đó sẽ có những hành vi đạo đức tốt và ngược lại.

Thật khó để đánh giá một người đạo đức hay không có đạo đức; nhưng có thể dễ dàng đánh giá những hành vi của người đó là có đạo đức hay không đạo đức. Như vậy, để đánh giá đạo đức con người phải căn cứ trên những hành vi đạo đức của người đó với bản thân, với người khác, với xã hội, với môi trường, với Tổ quốc,...

Hành vi đạo đức là một hành động tự giác, được thúc đẩy bởi một động cơ có ý nghĩa về mặt đạo đức; được biểu hiện trong cách đối nhân xử thế, trong phong cách sống, trong lời ăn tiếng nói hàng ngày của con người...

Các hành vi đạo đức của con người đều bị chi phối và quyết định bởi những chuẩn mực đạo đức. Nói chung, những chuẩn mực đạo đức thể hiện quan niệm về cái thiện và cái ác, được thay đổi tùy theo hình thái kinh tế xã hội và chế độ chính trị.

Cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức bao gồm: Tri thức đạo đức, niềm tin đạo đức, tình cảm đạo đức, thiện chí, nghị lực và thói quen đạo đức...

Khâu đầu tiên trong quá trình giáo dục đạo đức cho học sinh, sinh viên là cung cấp những *tri thức đạo đức* cho học sinh thông qua các môn học ở nhà trường như: Đạo đức, giáo dục công dân, văn học, lịch sử, chính trị, giáo dục học, tâm lý học, cơ sở văn hóa Việt Nam...; thông qua sinh hoạt chủ nhiệm, sinh hoạt ngoại khóa, các buổi sinh hoạt giá trị sống, kỹ năng sống...

Tri thức đạo đức được hiểu là sự hiểu biết của con người về những chuẩn mực đạo đức, quy định hành vi của họ trong mối quan hệ với người khác và với xã hội. Tri thức đạo

đức dựa trên cơ sở của quá trình tư duy sâu sắc và độc lập của cá nhân khi họ tiếp xúc với các chuẩn mực đạo đức. Tri thức đạo đức là yếu tố quan trọng chỉ đạo hành vi đạo đức.

Tri thức đạo đức chỉ có thể trở nên bền vững, có ý nghĩa đối với cuộc sống, có vai trò định hướng, chỉ đạo con người trong hoạt động, giao tiếp và trong cuộc sống khi và chỉ khi những tri thức đạo đức đó thâm nhập, chuyển thành *niềm tin đạo đức*. Niềm tin đạo đức là một trong những yếu tố quyết định hành vi đạo đức của con người, là cơ sở để làm bộc lộ những phẩm chất ý chí của đạo đức (lòng dũng cảm, tính kiên quyết, tính mục đích, tính kiên trì, tính độc lập, tính kiềm chế và tự chủ bản thân).

Có thể thấy, điều quan trọng trong giáo dục đạo đức hiện nay là phải biến những tri thức đạo đức thành niềm tin đạo đức. Để làm được điều này, nhà giáo dục trước hết phải có niềm tin vào những tri thức mà mình giảng dạy. Hơn thế, người làm công tác giáo dục cần là một tấm gương đạo đức, gương mẫu. Thầy cô, cha mẹ có đạo đức, gương mẫu sẽ tạo được uy tín ở học sinh, con cái và sẽ có sức thuyết phục các em. Từ đó các em có niềm tin vào hành vi đạo đức, những chân lý đạo đức. Như vậy, nếu người lớn, nhà giáo dục không có đạo đức, không gương mẫu thì không thể thuyết phục, không tạo được niềm tin và khó để giáo dục con trẻ.

Khi có niềm tin vào những giá trị đạo đức tốt đẹp thì những hành vi đạo đức của con người được thực hiện một cách tự nguyện và tự giác. Khi thực hiện một hành vi đạo đức tốt đẹp, hành vi đó sẽ được củng cố và có sức lan tỏa, tạo niềm tin và trở nên bền vững khi người thực hiện hành vi đó nhận được sự hoan nghênh, khen ngợi, sự trân trọng, sự cảm ơn của người khác và của xã hội. Vì thế, trong quá trình dạy học và giáo dục ở gia đình cũng như nhà trường và xã hội cần củng cố những hành vi đạo đức tốt đẹp ở con người như chăm chỉ, cần cù, chịu khó, lòng dũng cảm, tinh thần nhân ái, đức tính trung thực. Giáo viên sẽ khen ngợi một tấm gương người tốt việc tốt khi học sinh nhặt được của rơi và trả lại cho người bị mất; xã hội sẽ biểu dương, ca ngợi những tấm gương dũng cảm lao mình xuống dòng nước lũ để cứu bạn; hay sẽ ngợi ca những tấm gương trung thực, dũng cảm khi tố cáo những hành vi tham nhũng, gian lận trong thi cử...

Hành vi đạo đức của con người luôn gắn liền với động cơ đạo đức. Có thể nói, động cơ như thế nào thì hành động như thế ấy. Hành vi đạo đức là biểu hiện, hình thức bên ngoài của động cơ đạo đức. Động cơ đạo đức là động cơ bên trong, được con

người ý thức, trở thành động lực chính làm cơ sở cho những hành động của con người trong mối quan hệ giữa người và người, và với xã hội, biến hành động của con người thành hành vi đạo đức.

Thiết nghĩ, giáo dục đạo đức hiện nay không chỉ dừng lại ở việc trang bị những tri thức đạo đức, rèn luyện những hành vi đạo đức tốt đẹp mà quan trọng là xây dựng cho các em học sinh những động cơ đạo đức trong sáng, bền vững, có ý nghĩa đối với bản thân và xã hội như lòng nhân đạo, tính tự giác, trung thực, dũng cảm...; tránh động cơ cá nhân, ích kỷ, vụ lợi, thực dụng.

Một trong những động cơ thúc đẩy và điều chỉnh hành vi đạo đức ở mỗi cá nhân đó là tình cảm đạo đức. Để có những động cơ đạo đức trong sáng, cần có những tình cảm đạo đức tốt đẹp. Vậy tình cảm đạo đức là những thái độ rung cảm của cá nhân đối với hành vi đạo đức của người khác và với hành vi của chính mình trong quá trình quan hệ với người khác và với xã hội. Tình cảm đạo đức tạo ra “lực hút” của nhân cách, khơi dậy những nhu cầu đạo đức, thúc đẩy con người hành động một cách có đạo đức trong quan hệ giữa người – người và người – xã hội. Đôbrôliubôp đã nói rằng: *“Niềm tin và tri thức chỉ coi là có thật khi nó đã đi vào trong con người, đã hòa lẫn với tình cảm và ý chí của con người”*.

Có thể khái quát rằng: Nếu coi thế giới quan đạo đức của con người là một tòa tháp gồm ba bậc thì bậc đầu tiên – thấp nhất đó là *tri thức đạo đức*; bậc thứ hai – bậc giữa – cầu nối đó là *niềm tin đạo đức* và bậc cao nhất – có ý nghĩa nhất đó là *tình cảm đạo đức*.



Biểu đồ 1. Biểu đồ tháp thế giới quan đạo đức

Giáo dục là quá trình lâu dài và liên tục, đòi hỏi nhà giáo dục phải thật sự yêu nghề và kiên nhẫn. Giáo dục đạo đức cũng vậy, để quá trình giáo dục đạo đức đạt đến mục đích cuối cùng đó là thói quen đạo đức ở mỗi người thì đòi hỏi sự kiên trì, nhẫn nại của nhà giáo dục. Từ những tri thức đạo đức tốt đẹp, nhà giáo dục giúp người được giáo dục có những niềm tin, tình cảm đối với những tri thức đó, cần nghị lực để vượt qua những khó khăn, để những hành vi đạo đức khẳng định, tồn tại và phục tùng ý thức đạo đức. Những hành vi đạo đức được lặp đi lặp lại nhiều lần một cách có hệ thống sẽ thành thói quen đạo đức. Khi những hành vi đạo đức trở thành thói quen đạo đức thì những hành vi đạo đức đó mang tính ổn định, trở thành nhu cầu đạo đức của mỗi người, và mang lại những xúc cảm tích cực nếu như những nhu cầu đạo đức đó được thỏa mãn và ngược lại.

Ví dụ: Nếu như đức tính trung thực của học sinh trở thành thói quen đạo đức thì trong bất cứ hoàn cảnh nào học sinh vẫn luôn trung thực: trung thực với chính bản thân mình, trung thực trong các mối quan hệ với bạn bè, thầy cô, gia đình,..., trong học tập và trong cuộc sống. Trẻ sẽ cảm thấy khó chịu và sẵn sàng lên án những hành vi, những biểu hiện thiếu trung thực trong học tập cũng như trong cuộc sống thường ngày. Thiết nghĩ, xã hội sẽ tốt đẹp, văn minh biết bao nếu như ai ai cũng có thói quen trung thực. Sẽ không có những hiện tượng thiếu trung thực như quay cóp bài trong thi cử, không có hiện tượng học giả bằng thật hay làm giả giấy tờ, hồ sơ; cũng như không có hiện tượng tham ô, tham nhũng trong các lĩnh vực của cuộc sống... Con người sẽ cư xử với nhau có đạo đức, có văn minh hơn nếu như người người đều thụ hưởng được một nền giáo dục tốt đẹp, nền giáo dục “sạch” ngay từ thời thơ ấu, ngay từ trong gia đình, nhà trường và xã hội. Để rồi mỗi cá nhân trong xã hội sẽ tự ý thức được những gì nên làm và không nên làm, sẽ biết “gạn đục khơi trong” khi tiếp nhận và lĩnh hội những tri thức trong suốt quá trình sống và học tập của bản thân.

Tóm lại, giáo dục định hướng giá trị đạo đức cho sinh viên không chỉ dừng lại ở việc hình thành ý thức đạo đức như tri thức, niềm tin, tình cảm, ý chí đạo đức; mà cần củng cố những hành vi đạo đức được thể hiện qua lời nói, hành động, lối sống, thói quen đạo đức. Và cuối cùng là giúp người được giáo dục đạt tới sự tự giáo dục, tự kiểm tra, tự đánh giá hành vi đạo đức của bản thân và của người khác.

c) Vai trò của đạo đức

Khi nghiên cứu về đạo đức và xác định vai trò của đạo đức, Chủ tịch Hồ Chí Minh coi đạo đức là “cái gốc” – là nền tảng của người cách mạng “*Sông có nguồn thì mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân*”; hay “*Người có tài mà không có đức thì người vô dụng, người có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó*”. [37, tr.84].

Đối với sự phát triển xã hội, đạo đức có ý nghĩa quan trọng, tạo ra quan hệ xã hội tốt đẹp hơn.

Đối với sự phát triển cá nhân, đạo đức góp phần định hướng mục tiêu hoạt động của mỗi người, góp phần kiểm tra, điều chỉnh hành động của mỗi người.

Giống như hai mặt của tờ giấy, đức và tài là hai mặt không thể thiếu ở con người. Đạo đức giúp mỗi người nâng cao phẩm giá của mình, góp phần tạo nên uy tín cho bản thân, giúp con người sáng tạo ra hạnh phúc, giữ gìn và bảo vệ cuộc sống tốt đẹp hơn.

Trong xã hội, đạo đức thực hiện các chức năng sau:

- *Chức năng định hướng giáo dục*: Đạo đức giúp con người nắm được những quan điểm, những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản. Từ đó giúp cho mỗi người có chuẩn để lựa chọn giữa thiện và ác, giữa tốt và xấu, giữa điều cần làm và nên làm với cái cần và nên tránh, giữa cái cao thượng và cái thấp hèn, giữa lợi ích cá nhân và cộng đồng, giữa bổn phận và quyền hạn, giữa cộng đồng nhỏ và dân tộc.

- *Chức năng điều chỉnh hành vi*: Trong cuộc sống hiện thực, con người có nhiều mối quan hệ đa dạng, phức tạp đòi hỏi phải giải quyết; cũng có những vấn đề, những mâu thuẫn giằng xé nhau trong bản thân mỗi người. Khi ấy, chủ thể đạo đức dựa trên hệ thống nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực của xã hội và của cá nhân để có thể lựa chọn, cân nhắc, điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp, mang lại cho lương tâm sự thanh thản, thoải mái.

Bên cạnh đó, đạo đức còn thực hiện các nhiệm vụ như chi phối các mối quan hệ xã hội. Con người là tổng hoà các mối quan hệ xã hội, cùng một lúc mỗi cá nhân tham gia vào nhiều mối quan hệ xã hội như quan hệ kinh tế, quan hệ chính trị, quan hệ pháp luật, quan hệ văn hoá, quan hệ khoa học... Bên trong mỗi mối quan hệ đó đều chứa đựng quan hệ đạo đức sâu sắc và mang sắc thái đặc thù do quan hệ đó chi phối. Không những thế, đạo đức còn vạch ra những yêu cầu, tiêu chuẩn, nguyên tắc đạo đức phù

hợp với những giá trị tốt đẹp, nhân cách mới của xã hội để cá nhân lựa chọn. định hướng, điều chỉnh hành vi ứng xử của mình trong quan hệ với người khác và xã hội. Song song với đó, đạo đức còn có nhiệm vụ đấu tranh, phê phán, chống lại những khuynh hướng vô đạo đức hay những giá trị đạo đức lạc hậu, không lành mạnh, cản trở cá nhân và xã hội vươn lên những giá trị nhân văn cao đẹp.

Xã hội ngày càng phát triển, đạo đức của mỗi con người ngày càng được trân trọng và đề cao. Các giá trị đạo đức hiện nay luôn có sự kế thừa, kết tinh và phát triển các giá trị đạo đức truyền thống với các giá trị đạo đức đương đại.

2.2.2. Giá trị đạo đức

Xem xét trên bình diện xã hội, giá trị đạo đức được định nghĩa là *những chuẩn mực, những khuôn mẫu lý tưởng và những quy tắc ứng xử nhằm điều chỉnh và chuẩn hoá hành vi của con người.*

Xem xét tính lợi ích, trên bình diện cá nhân, giá trị đạo đức được định nghĩa là *những cái được con người lựa chọn và đánh giá như một việc làm có ý nghĩa tích cực đối với đời sống xã hội, được lương tâm đồng tình và dư luận biểu dương* [24, tr.62].

Giá trị đạo đức được hiểu là những tiêu chuẩn lối sống được con người hay nhóm người thừa nhận và áp dụng trong hệ thống hành vi, thái độ của mình một cách có ích đối với các mối quan hệ trong đời sống xã hội, được lương tâm đồng tình và dư luận biểu dương [1, tr.18].

Giá trị đạo đức còn được hiểu là những yếu tố phản ánh mối quan hệ của con người với những chuẩn mực làm người, với luân lý, với yêu cầu chuẩn trên bình diện quy chuẩn xã hội. Giá trị đạo đức thể hiện rõ sự chi phối của những yếu tố thuộc về đạo đức được nhiều người và gần như là cả xã hội thừa nhận. Đó cũng chính là những thang đo để đánh giá rằng con người có hướng đi phù hợp với những quy chuẩn chung của xã hội, những chuẩn mực về bộ mặt làm người, về giá trị người một cách đích thực.

Giá trị đạo đức nhấn mạnh đến yếu tố tự giác của con người, khi được chủ thể nhận thức thì giá trị đạo đức trở thành động cơ bên trong để thúc đẩy hành vi của con người. [36, tr.29]

Tóm lại, người nghiên cứu đồng ý với quan niệm giá trị đạo đức là ý thức tự giác thực hiện và tuân theo những quy tắc, quy chuẩn xã hội.

Trên cơ sở kế thừa những quan điểm trong Triết học Mác – Lênin, Hồ Chí Minh đã xây dựng nên một hệ thống những tư tưởng về đạo đức cách mạng. Theo Người,

đạo đức cách mạng là đạo đức của người làm cách mạng, của những người sống và làm việc để xây dựng đất nước, xây dựng xã hội ngày một đi lên. Theo Người đạo đức được biểu hiện ở tình yêu thương con người, là hành động cao đẹp sẵn sàng hi sinh, sẵn sàng hiến dâng thân mình vì quê hương đất nước, vì lương tri và lẽ phải...

Sinh thời, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ. Người nói: *“Một năm khởi đầu từ mùa xuân, một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của dân tộc”*. Người nhắc nhở toàn Đảng, toàn dân phải chăm lo *“Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và cần thiết”*, Người chỉ rõ *“Vì lợi ích mười năm phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”*. Và Người căn dặn thế hệ trẻ phải ra sức học tập và học tập suốt đời, học để *“Tu dưỡng đạo đức cách mạng”, “Học để tin tưởng và học để hành”*.

Trong tư tưởng của Hồ Chí Minh về phát triển giáo dục và bồi dưỡng nhân tài, phải chú trọng giáo dục toàn diện. Người yêu cầu *“Phải chú trọng đủ các mặt, đạo đức cách mạng, giác ngộ chủ nghĩa, văn hoá, kỹ thuật, lao động và sản xuất”*. Theo Người, mục tiêu đào tạo người lao động mới phải coi trọng cả *“Tài lẫn Đức”*, không chỉ giàu về tri thức mà còn phải có đạo đức cách mạng. Người nói *“Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống; nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố; cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”*. Và Người còn căn dặn *“Cần làm cho con em chúng ta thành những trò giỏi, con ngoan, bạn tốt và mai sau thành những công dân có lòng yêu nước nồng nàn, trung với nước, hiếu với dân, có đạo đức trong sáng, có chí khí hăng hái vươn lên không sợ hy sinh gian khổ, có tinh thần gan dạ dũng cảm, khiêm tốn, thật thà, cần cù, tiết kiệm, trong sạch, giản dị, có tri thức và sức khoẻ để trở thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa hồng vừa chuyên”* [25, tr.510].

Khi bàn về đạo đức cách mạng đối với thanh niên, Hồ Chí Minh đã nói: *“Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà... Nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh, một phần lớn là do các thanh niên. Mỗi thanh niên, nhất là mỗi cán bộ phải kiên quyết làm được những điều sau đây:*

- + Các sự hy sinh khó nhọc thì mình làm trước người ta, còn sự sung sướng thanh nhàn thì mình nhường người ta hưởng trước (tiêu thiên hạ ưu, hậu thiên hạ lạc).
- + Các việc đáng làm thì khó mấy cũng cố chịu quyết tâm làm cho kỳ được.
- + Ham làm những việc ích quốc lợi dân. Không ham địa vị và công danh phú quý.

- + Dem lòng chí công vô tư mà đối với người, đối với việc.
- + Quyết tâm làm gương về mọi mặt: siêng năng, tiết kiệm, trong sạch.
- + Chớ kêu ngạo, tự mãn, tự túc. Nói ít làm nhiều, thân ái đoàn kết”.

Và người khuyên thanh niên: “*Không có việc gì khó,*

Chỉ sợ lòng không bền

Đào núi và lấp biển

Quyết chí ắt làm nên” [19, tr.112]

Khi nghiên cứu những giá trị đạo đức của người Việt Nam từ xưa đến nay, có thể thấy có những giá trị đạo đức nhân văn thể hiện truyền thống đạo đức của dân tộc và tồn tại lâu dài qua các thời kỳ của lịch sử đến nay vẫn được coi là mực thước của con người Việt Nam như sống nhân nghĩa, hiếu thảo, tôn sư trọng đạo, thủy chung, khoan dung, độ lượng, tự trọng, trung thực, trọng chữ tín,...

Dựa trên cơ sở những giá trị đạo đức truyền thống và những giá trị đạo đức mà Hồ Chí Minh đã nêu ra cho người cách mạng, cũng như những đức kết của các nhà nghiên cứu về hệ thống giá trị đạo đức của thanh niên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Người nghiên cứu tiếp cận các giá trị đạo đức trên 8 nhóm giá trị đạo đức như:

- Nhóm 1: Những giá trị đạo đức với bản thân
- Nhóm 2: Những giá trị đạo đức trong mối quan hệ với gia đình
- Nhóm 3: Những giá trị đạo đức trong mối quan hệ với thầy cô
- Nhóm 4: Những giá trị đạo đức trong mối quan hệ với bạn bè
- Nhóm 5: Những giá trị đạo đức trong mối quan hệ với người yêu
- Nhóm 6: Những giá trị đạo đức trong mối quan hệ với cộng đồng xã hội
- Nhóm 7: Những giá trị đạo đức trong học tập của sinh viên
- Nhóm 8: Những giá trị đạo đức đối với nghề dạy học

2.2.3. Định hướng giá trị đạo đức

Theo từ điển Tiếng Việt thì thuật ngữ định hướng có nghĩa là xác định phương hướng [28, tr.98].

Định hướng chính là mỗi người phải xác định cho được vị trí của mình trong hiện tại: mình ở đâu, ở vị trí nào, ở mức độ nào... để từ đó phóng tầm nhìn đến tương lai và vạch ra một con đường để đi, một tiêu điểm để hướng đến. Trong cuộc sống, mỗi người với những hoàn cảnh, tính cách, nhu cầu, lý tưởng sống khác nhau và họ cũng lựa chọn các giá trị đạo đức khác nhau. Mỗi người có những thang giá trị, những

chuẩn mực giá trị của riêng mình, thể hiện trong cách sống, cách đối nhân xử thế với người khác, với xã hội và với chính bản thân mình. Như vậy, quá trình mỗi cá nhân lựa chọn các giá trị đạo đức không chỉ dựa trên đặc điểm riêng của cá nhân đó mà còn căn cứ trên bình diện nhân cách của chính chủ thể, cũng như dư luận xã hội về giá trị đạo đức đó. Định hướng giá trị là một quá trình tương đối lâu dài và phức tạp. Quan trọng là mỗi người cần phải có sự trải nghiệm, sự cọ sát và đối chiếu, để rồi tự mình quyết định lựa chọn đâu là giá trị đạo đức phù hợp; cũng như đâu là những giá trị đạo đức mà mình cần hướng tới và bằng cách nào để đạt đến những giá trị đạo đức đó.

Định hướng giá trị đạo đức là một hệ thống chuẩn mực đạo đức, những quy định phản ánh mối quan hệ của con người với con người, con người đối với xã hội và tự nhiên nhằm đảm bảo cho con người được tôn trọng, bình đẳng và phát triển theo quy luật phát triển của con người, quy luật phát triển của xã hội và tự nhiên. Hệ thống giá trị đạo đức khi được con người nhận thức thì nó trở thành động cơ bên trong của hành vi mọi người. Vì vậy việc xác định hệ thống giá trị đạo đức, giáo dục, định hướng giá trị đạo đức có ý nghĩa rất quan trọng đối với quá trình hoàn thiện nhân cách của mỗi người.

Người nghiên cứu đồng ý với quan niệm “Định hướng giá trị đạo đức là sự nhận thức, đánh giá, lựa chọn các giá trị đạo đức trong quá trình hoạt động của cá nhân, từ đó thúc đẩy, điều chỉnh hành vi, hành động của mình nhằm hình thành tâm lý và phát triển nhân cách”. [1, tr.22]

* Các yếu tố của định hướng giá trị đạo đức:

– ***Nhận thức về giá trị đạo đức*** là cơ sở, nền tảng cơ bản để cá nhân thực hiện một hành vi đạo đức. Nhận thức của con người đối với các giá trị đạo đức bao gồm những vấn đề sau:

+ Sự hiểu biết của chủ thể về các giá trị đạo đức trong các mối quan hệ, cụ thể như với bản thân, gia đình, bạn bè, thầy cô, người yêu, học tập, cộng đồng xã hội và đối với nghề sư phạm. Để từ đó, chủ thể biết đâu là những giá trị đúng và đâu là những giá trị sai đối với cá nhân, đối với cộng đồng và dân tộc. Chủ thể biết gọi tên, xác định những hiện tượng đạo đức của bản thân mình và xung quanh.

+ Nhận thức về sự cần thiết của những giá trị đạo đức mới trong một cuộc sống đương đại như năng động, tự tin, sáng tạo, độc lập, tự chủ, yêu cầu cao, cầu tiến, dũng cảm đấu tranh chống tiêu cực... Cần phải hiểu rằng xã hội luôn vận động, phát triển và

các giá trị đạo đức cũng vận động biến đổi không ngừng. Vì thế, mà con người cần phải biết chọn lọc, biết thay đổi để thích nghi với cuộc sống, thích nghi với các giá trị đạo đức, lối sống mới.

+ Nhận thức được sự cần thiết phải biết kết hợp hài hoà giữa các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc với các giá trị đạo đức hiện đại.

– **Tình cảm (thái độ) đạo đức** là những thái độ rung động của cá nhân đối với hành vi của người khác và với hành vi của chính mình trong quá trình quan hệ của cá nhân đối với người khác và với xã hội. Tình cảm khơi dậy những nhu cầu đạo đức, thúc đẩy con người hành động một cách có đạo đức trong mối quan hệ giữa mình với người khác, với tập thể và với xã hội. Tình cảm đạo đức là một trong những tình cảm cấp cao mang bản chất xã hội của con người, rung cảm tích cực về những giá trị đối nhân xử thế của con người, cho thấy thái độ đồng tình hay phản đối trong lối sống.

Khẳng định vai trò của tình cảm đối với hành vi đạo đức, Dobraliúp cho rằng: *“Tri thức chỉ coi là có thật khi nó đã đi vào trong con người, đã hoà lẫn với tình cảm và ý chí của con người”* [12, tr.69].

– **Hành vi đạo đức** là một hành động tự giác được thúc đẩy bởi một động cơ có ý nghĩa về mặt đạo đức. Hành động đó thường được biểu hiện thông qua lối sống, cách cư xử. Hành vi đạo đức là sự thể hiện nhận thức, tình cảm đạo đức trong thực tế.

Các yếu tố định hướng giá trị đạo đức có mối quan hệ khăng khít với nhau. Khi chủ thể đạo đức có nhận thức đúng, có tình cảm tích cực thì sẽ có hành vi tốt và ngược lại. Tuy vậy, ở một số trường hợp, với các cá nhân khác nhau, hành vi đạo đức lại không thể hiện tương ứng với nhận thức và thái độ của họ. Nguyên nhân có thể là do các yếu tố ngoại cảnh tác động, hoặc do kinh nghiệm của cá nhân người đó trong việc xử lý các tình huống; hay do người đó thiếu tình cảm, thiếu niềm tin vào các giá trị đạo đức trong thực tế cuộc sống.

2.3. Định hướng giá trị đạo đức của sinh viên trường Đại học Đồng Nai

2.3.1. Giới thiệu về trường Đại học Đồng Nai

Trường Đại học Đồng Nai là trường đại học công lập đầu tiên trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, được thành lập theo quyết định số 1572/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 của Thủ tướng chính phủ trên cơ sở nâng cấp từ trường Cao đẳng sư phạm Đồng Nai. Trường CĐSP Đồng Nai được thành lập vào ngày 3 tháng 11 năm 1976, ban đầu có tên gọi là trường Sư phạm cấp 2 Đồng Nai theo Quyết định của Bộ Giáo dục (nay là Bộ Giáo

dục và Đào tạo) từ việc tách cơ sở 4 của trường Cao đẳng Sư phạm (CĐSP) thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 28/03/1987, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định nâng cấp trường thành trường CĐSP Đồng Nai trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Ngày 15/09/1997, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đồng Nai quyết định hợp nhất 2 trường Sư phạm của tỉnh (Trung học Sư phạm và Cao đẳng Sư phạm). Trường có chức năng, nhiệm vụ chính là đào tạo giáo viên Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở (THCS); đào tạo cán bộ quản lý cho các bậc học; liên kết với các trường Đại học Sư phạm được Bộ giao để đào tạo, chuẩn hóa giáo viên có trình độ đại học, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, đáp ứng yêu cầu đổi mới nâng cao chất lượng giáo dục.

Sau 35 năm không ngừng phấn đấu xây dựng và phát triển, trường CĐSP Đồng Nai đã đào tạo gần 40.000 giáo viên từ mầm non đến THCS, trường cũng đã liên kết đào tạo hơn 1.000 giáo viên trung học phổ thông, liên kết đào tạo nâng chuẩn cho hơn 5.000 giáo viên ở các cấp học khác cho tỉnh Đồng Nai cũng như các tỉnh lân cận.

Hiện nay, số lượng sinh viên chính quy đang theo học tại trường là 3180 sinh viên từ năm nhất đến năm ba ở 2 nhóm ngành sư phạm và ngoài sư phạm. Trong đó có 6 ngành hệ đại học như: ĐHSP toán, ĐHSP Vật lý, ĐHSP Anh văn, ĐHSP Ngữ văn, ĐH Kế toán, ĐH Quản trị kinh doanh và 19 ngành hệ cao đẳng như CĐSP Toán, CĐSP Vật lý, CĐSP Hoá – Sinh, CĐSP Văn, CĐSP Địa, CĐSP Sử, CĐSP Giáo dục công dân, CĐSP Anh văn, CĐSP Mầm non, CĐSP Tiểu học, CĐSP Âm nhạc, CĐSP Mỹ thuật, CĐSP Thể dục, CĐ Tiếng anh thương mại, CĐ Quản trị văn phòng, CĐ Quản trị kinh doanh, CĐ Kế toán, CĐ Tài chính – ngân hàng, CĐ Công nghệ thông tin. Ngoài ra hiện nay có gần 7000 học viên đang theo học tại trường thuộc các loại hình đào tạo liên thông, vừa học vừa làm, đào tạo từ xa...

Trong tổng số 3180 sinh viên hệ chính quy đang học tại trường ở 2 hệ đại học và cao đẳng thuộc các ngành trong và ngoài sư phạm, có 2754 sinh viên là nữ giới, chiếm 86,6% sinh viên toàn trường. Sinh viên của trường đa phần là con em của các gia đình có hộ khẩu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Riêng đối với ngành sư phạm 100% sinh viên là người có hộ khẩu ở Đồng Nai. Trong số đó có hơn 100 sinh viên là người dân tộc, một số sinh viên theo đạo Phật, Tin lành..., đặc biệt là nhiều sinh viên của trường là con em đồng bào công giáo, tập trung chủ yếu ở khu vực như Hố Nai, Tân Mai, Tân

Biên, Gia Kiệm (Thống Nhất), Phú Lâm (Tân Phú)... Tất cả góp phần tạo nên bức tranh đa màu sắc của sinh viên Đại học Đồng Nai.

Về cơ cấu tổ chức, nhà trường bao gồm có các phòng ban và các khoa như sau: Ban giám hiệu, Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên, Phòng Nghiên cứu khoa học – Sau đại học & Quan hệ quốc tế, Phòng Khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục, Phòng Kế hoạch tài chính, Phòng Thanh tra – Pháp chế và Trung tâm thư viện. Hiện nay nhà trường có 6 khoa: SP Tự nhiên, SP Xã hội, SP Tiểu học – Mầm Non, SP Thể Dục – Nhạc – Hoạ, Ngoại Ngữ, Tổng Hợp và 2 tổ bộ môn trực thuộc trường: Tổ bộ môn Quản lý giáo dục và Lý luận chính trị.

Về nhân sự, tính đến nay (năm học 2011 – 2012), lực lượng nhân sự của trường là 251 cán bộ, giảng viên, công nhân viên. Số giảng viên trực tiếp đứng lớp giảng dạy là 168; trong đó có 4 tiến sĩ, 8 nghiên cứu sinh và 78 thạc sĩ, 34 giảng viên đang học cao học.

Về cơ sở vật chất, tổng diện tích đất đai nhà trường được quản lý và sử dụng là trên 80 ha, với 120 phòng học, 2 giảng đường, 1 hội trường, 1 nhà tập thể dục thể thao đa năng, 1 sân vận động thể thao, 1 xưởng thực hành hiện đại và các phòng thí nghiệm Lý, Hoá, Sinh với các thiết bị đáp ứng yêu cầu các giờ học thí nghiệm thực hành, 10 phòng máy vi tính, trên 300 máy nối mạng internet tốc độ cao, hệ thống mạng wifi phủ khắp khuôn viên của nhà trường. Trung tâm Thông tin - Thư viện với diện tích 1600 m², với trên 150.000 đầu sách nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của sinh viên, cán bộ giảng viên trong nhà trường. Khu nội trú sinh viên có 4 dãy nhà 4 tầng với sức chứa 1.800 sinh viên, nằm ngay trong khuôn viên của nhà trường đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho sinh viên ở xa.

2.3.2. Đặc điểm tâm lý sinh viên

Đối tượng nghiên cứu trong đề tài này là sinh viên. Thuật ngữ sinh viên có nguồn gốc từ tiếng La tinh là student, có nghĩa là người làm việc, học tập nhiệt tình, người tìm kiếm, khai thác tri thức. Thuật ngữ sinh viên xuất hiện đã lâu và được sử dụng chính thức vào thời kỳ xuất hiện và phát triển các trung tâm giáo dục đại học và các trường đại học tổng hợp lớn trên thế giới như trường Đại học Oxford (Anh) năm 1168, Đại học Pari (Pháp) năm 1200, Đại học Praha (Sécxlovakia) năm 1348...

Theo tài liệu Tâm lý học phát triển của Vũ Thị Nho thì thanh niên sinh viên là thanh niên đang ngồi trên ghế nhà trường đại học, cao đẳng, trung cấp,...; ở lứa tuổi từ 18 – 25 [26, tr.137].

Sinh viên là con người thuộc một lứa tuổi nhất định và là một nhân cách nên có thể được xác định về ba phương diện: sinh lý, tâm lý và xã hội. Về mặt sinh học, trong thời kỳ lứa tuổi sinh viên sự phát triển cơ thể đã hoàn thành và ổn định sau những biến động sâu sắc của tuổi dậy thì. Trọng lượng não ở tuổi này đã đạt đến mức độ tối đa (khoảng 1.400g) và chứa khoảng 100 tỉ nơron. Điều đáng quan tâm là nơron của tuổi sinh viên hoàn hảo hơn, cách li tốt, đốt nhánh nhiều, thuận lợi cho việc dẫn truyền luồng thần kinh nhanh, chính xác, liên lạc rộng khắp. Vì lẽ đó mà ước tính khoảng 2/3 lượng kiến thức mà con người học được trong một đời người là do được tích lũy trong thời gian này. [33, tr.59].

Thanh niên sinh viên là những công dân thực thụ với đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ trước pháp luật, có khả năng nhận thức và tự ý thức cao, một số thanh niên có khả năng độc lập với gia đình về kinh tế. “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà”, họ có tính độc lập, năng động, sáng tạo, nhạy bén, dám nghĩ dám làm, thích khẳng định “cái tôi” của mình, thích khám phá; tuy vậy đôi khi còn pha chút bông bột, sốc nổi của tuổi trẻ.

Như vậy, Sinh viên là người có độ tuổi từ 18 đến 24; 25, là giai đoạn chuyển từ sự chín muồi về thể lực sang trưởng thành về phương diện xã hội. Họ muốn tìm một nghề ổn định trong cuộc sống. Theo kết quả nghiên cứu của B.G. Ananhev thì lứa tuổi sinh viên là thời kỳ phát triển tích cực nhất về tình cảm đạo đức và thẩm mỹ, là giai đoạn hình thành và ổn định tính cách. Đặc biệt là họ có vai trò xã hội của người lớn... Người sinh viên có kế hoạch riêng cho hoạt động của mình và độc lập trong phán đoán và hành vi. Ở trong bản thân người sinh viên có sự biến đổi mạnh mẽ về động cơ, về thang giá trị xã hội có liên quan tới nghề nghiệp... [33, tr.85]

Lứa tuổi thanh niên sinh viên có những đặc điểm tâm lý đặc trưng sau đây:

a) *Đặc điểm hoạt động học tập và nhận thức của sinh viên*

Hoạt động học tập của sinh viên thuộc dạng lao động trí óc. Thường với mục đích là hướng đến một nghề nghiệp trong tương lai và mang tính chất nghiên cứu khoa học, chuyên sâu vào từng ngành nghề cụ thể. Vì thế, đòi hỏi ở sinh viên một trình độ phát triển tương ứng về nhận thức. Đó là những kỹ năng phân tích và tổng hợp vấn đề, năng

lực đánh giá và nhận xét các tình huống, các sự kiện có liên quan đến chuyên ngành của mình. Bên cạnh việc nghiên cứu chuyên sâu về một lĩnh vực nào đó, sinh viên cũng phải tìm hiểu thêm những kiến thức chuyên liên ngành, tổng hợp và ứng dụng những tri thức đó vào ngành nghề họ đang học. Nhất là trong thời đại bùng nổ thông tin ngày nay, sinh viên luôn phải nhạy bén, tính cực cập nhật những tri thức mới.

Hoạt động nhận thức của sinh viên phát triển hơn các giai đoạn lứa tuổi trước đó. Hoạt động trí tuệ, tư duy đặc biệt là tư duy lý luận rất phát triển bên cạnh sự phát triển các loại hình tư duy khác. Chính điều này mà việc học tập của sinh viên tích cực chủ động hơn. Họ thường suy ngẫm, luôn đặt ra những câu hỏi “Tại sao”, nghi ngờ tính đúng đắn, hợp lý của các lời giải thích, có cái nhìn khách quan, khoa học hơn, không rập khuôn khi nhìn nhận các vấn đề, và thường có chứng kiến, quan điểm riêng.

Bên cạnh đó, hoạt động học tập của sinh viên còn mang tính chất độc lập, sáng tạo. Vì vậy đòi hỏi sinh viên phải tự đào tạo, tự hoạch định mục tiêu học tập sao cho phù hợp với năng lực của mình và yêu cầu của nhà trường. Họ phải nhạy bén, uyển chuyển trong từng hoàn cảnh, linh hoạt trong việc vận dụng các kiến thức để giải quyết vấn đề trong tình huống mới; sáng tạo trong việc phát hiện ra vấn đề, xem xét và giải quyết vấn đề dưới những góc độ khoa học khác nhau.

Tóm lại, do tính chất đặc thù của hoạt động học tập trong môi trường Đại học, Cao đẳng sẽ giúp sinh viên phát triển mạnh về mặt nhận thức và trí tuệ để đáp ứng được yêu cầu học tập. Đây sẽ là một ưu điểm lớn để sinh viên trưởng thành hơn khi bước chân vào cuộc sống thực sự.

b) Động cơ học tập của sinh viên

Một trong những yếu tố tác động và thúc đẩy việc học tập và nghiên cứu của sinh viên đó là động cơ học tập. Động cơ học tập là những lý do khiến sinh viên tham gia vào các hoạt động học, là động lực thôi thúc hoạt động học tập của sinh viên.

Động cơ học tập của sinh viên được hình thành và chịu sự chi phối của nhiều loại động cơ. Đó có thể là động cơ có tính chất nhận thức, động cơ có tính chất xã hội và thực tế cho thấy động cơ học tập của sinh viên cũng chịu sự chi phối khá mạnh bởi hoạt động và cách thức tổ chức giảng dạy, giáo dục của các thầy cô giáo chủ nhiệm và bộ môn ở trong nhà trường. Vì lẽ đó, trong quá trình giảng dạy, thầy giáo cô giáo không chỉ dạy tri thức chuyên môn mà còn dạy, định hướng các giá trị đạo đức cho sinh viên. Từ đó góp phần hình thành ở các em tri thức đạo đức, tình cảm đạo đức,

niềm tin vào các giá trị đạo đức và các em sẽ thể hiện qua thái độ và các hành vi đạo đức của mình.

c) Đặc điểm đời sống tình cảm và giao tiếp

Tuổi sinh viên là thời kỳ phát triển tích cực những loại tình cảm cao cấp như tình cảm trí tuệ, tình cảm đạo đức, tình cảm thẩm mỹ, tình yêu nam nữ. Những tình cảm này chiếm vị trí quan trọng và có ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động của sinh viên trong mọi lĩnh vực của đời sống.

Các loại tình cảm cấp cao này ngày càng trở nên đậm nét thông qua việc khám phá, tìm tòi và tham gia vào nhiều loại hình hoạt động khác nhau. Đáng kể nhất là hoạt động học tập và tham gia các hoạt động xã hội khác.

Khác với những lứa tuổi trước, tình cảm đạo đức ở tuổi sinh viên biểu lộ một cách có chiều sâu rõ rệt. Tình cảm đạo đức là thái độ của con người đối với những yêu cầu đạo đức của xã hội và được bộc lộ khi con người được thoả mãn hay không thoả mãn nhu cầu đạo đức. Tình cảm đạo đức ở sinh viên mang tính hệ thống và bền vững hơn so với các thời kỳ trước. Sinh viên thường yêu cái đẹp được thể hiện qua những hành vi, cử chỉ, việc làm mang giá trị đạo đức nhân văn thông qua các hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo,...

Đặc biệt và nổi trội nhất trong thời kỳ này là sự phát triển mạnh mẽ, có tính định hướng, khá sâu sắc về tình yêu nam nữ. Thông qua các hoạt động giao lưu, các bạn nam nữ sinh viên có dịp để gặp gỡ, trao đổi, tìm hiểu lẫn nhau. Dần dần tình yêu nam nữ sẽ nảy sinh từ những tình bạn chân thành, đồng cảm và gắn bó. Loại tình cảm này mang một sắc thái mới, cao hơn và chín chắn hơn so với tình cảm thời trung học. Tình yêu nam nữ chiếm một vị trí hết sức quan trọng đối với sinh viên, được thể hiện ở việc chi phối các hoạt động của sinh viên, hướng sinh viên đến một tương lai gần nào đó mà họ đang mong ước. Tình cảm này có tác dụng tích cực trong việc giúp các bạn thoả mãn được nhu cầu về mặt tinh thần, chia sẻ những vui buồn khi xa quê nhớ nhà, cùng nhau gắn bó vượt qua những khó khăn của quãng đời sinh viên. Tuy vậy, tình cảm này cũng có thể gây cho sinh viên cảm giác mâu thuẫn. Mâu thuẫn giữa việc dành thời gian học tập và dành thời gian để đi chơi; giữa việc mong muốn tiến xa hơn trong mối quan hệ và điều kiện chưa chín muồi...

Điều đáng quan tâm nữa là ở lứa tuổi sinh viên đã hình thành những chuẩn mực đạo đức. Những xúc cảm tích cực hay tiêu cực trở dậy ở sinh viên khi chứng kiến các

hành vi đạo đức hay vô đạo đức, phù hợp hay không phù hợp với các chuẩn mực đạo đức của bản thân và xã hội. Niềm tin vào các giá trị đạo đức cũng hình thành ở sinh viên. Vì lẽ đó, các em không chỉ dừng lại ở việc chấp nhận, phục tùng các chuẩn mực đạo đức mà còn là chủ thể tích cực tạo ra các việc làm, hành vi đạo đức tốt đẹp.

Hoạt động giao tiếp của sinh viên hướng vào tập thể, cộng đồng, thể hiện nhu cầu thiết lập các mối quan hệ với mọi người nhằm khẳng định mình và tìm kiếm cơ hội phát triển trong học tập và nghề nghiệp. Trong quá trình thiết lập các mối quan hệ xã hội, sinh viên thường tỏ thái độ nhận xét, đánh giá, tán đồng hay phê bình những hành vi đạo đức, lối sống của những người gần gũi xung quanh mình. Điều này thể hiện sinh viên có quan điểm, chứng kiến riêng và chính điều này góp phần vào việc tự nhận thức, tự đánh giá, tự giáo dục của sinh viên.

d) Đặc điểm tự đánh giá, tự ý thức, tự giáo dục của sinh viên

Đây là đặc điểm tâm lý quan trọng nhất của sinh viên. Tự ý thức bao gồm tự quan sát, tự phân tích, tự đánh giá, tự kiểm tra.v.v.

Tự ý thức là một loại đặc biệt của ý thức trong đời sống của cá nhân, có chức năng tự điều chỉnh, nhận thức và thái độ đối với bản thân mình. Qua quá trình tự ý thức, cá nhân điều chỉnh hành vi và cử chỉ của mình. Đó là điều kiện để phát triển ý thức của mỗi cá nhân, để xây dựng, hoàn thiện bản thân, hoàn thiện thế giới nội tâm của nhân cách. Vì thế hiệu quả giáo dục không chỉ phụ thuộc vào khí chất, năng lực, tính cách, động cơ mà còn phụ thuộc vào đặc điểm tự ý thức của nhân cách theo yêu cầu của xã hội. Tự ý thức của sinh viên được hình thành trong quá trình xã hội hoá và liên hệ chặt chẽ với tính tích cực nhận thức của sinh viên. [33, tr.61]

Một trong các thành phần có ý nghĩa nhất tạo nên sự phát triển tự ý thức của sinh viên là năng lực tự đánh giá. Tự đánh giá của nhân cách thể hiện ở thái độ đối với bản thân và kết quả sự biểu hiện các thuộc tính nhân cách và năng lực trong hoạt động, giao tiếp và tự giáo dục. Tự đánh giá phản ánh năng lực tự hiểu biết, phản ánh kỹ năng, điều khiển bản thân.

Hoạt động tự nhận thức, tự đánh giá ở lứa tuổi thanh niên sinh viên phát triển nhanh, mạnh với những biểu hiện phong phú và sâu sắc. Sinh viên – chủ thể của hoạt động tự nhận thức biết thu thập thông tin về mình, biết nhận xét, đánh giá bản thân qua việc trả lời các câu hỏi như “Tôi là ai?”, “Tôi là người như thế nào? Tôi có những

phẩm chất gì? Tại sao tôi lại làm như thế?”... Từ đó có thái độ, hành vi và các hoạt động phù hợp nhằm tự điều chỉnh, tự giáo dục để hoàn thiện và phát triển bản thân.

Cách nhìn, cách nghĩ, thái độ và kể cả những hành vi đạo đức của sinh viên học ngành sư phạm với sinh viên học các ngành ngoài sư phạm ít nhiều cũng có sự khác nhau. Có lẽ do mang trong mình trọng trách là những người thầy giáo, cô giáo trong tương lai nên hoạt động tự nhận thức, tự giáo dục và rèn luyện có phần sâu sắc hơn và theo quan điểm “mô phạm”, thường e dè, kỹ lưỡng khi nhìn nhận, đánh giá sự thay đổi các giá trị đạo đức.

Sinh viên là đối tượng nhạy cảm trước sự thay đổi của các chuẩn mực đạo đức trong nhà trường và xã hội. Không ít bạn sinh dấn vật, trăn trở, bức xúc trước sự thay đổi, sự xuống cấp của các thang giá trị đạo đức xã hội và thường đặt câu hỏi: “Tại sao lại như thế? Nếu là mình, mình có làm như thế không? Nếu là mình, mình sẽ cư xử như thế nào?...”

2.3.3. Nội dung định hướng giá trị đạo đức của sinh viên trường ĐH Đồng Nai

Định hướng giá trị đạo đức cho sinh viên trường ĐH Đồng Nai trên 3 phương diện: Nhận thức về các giá trị đạo đức, thái độ đạo đức và hành vi đạo đức.

Các giá trị đạo đức cần giáo dục cho sinh viên trường ĐH Đồng Nai được chia thành 8 nhóm đối với sinh viên đang theo học các ngành sư phạm và 7 nhóm đối với sinh viên đang theo học các ngành ngoài sư phạm. Cụ thể như sau:

- Nhóm 1: Những giá trị đạo đức với bản thân

Bao gồm các giá trị đạo đức cụ thể như: Tự trọng, trung thực, khiêm tốn, trách nhiệm, lạc quan, tự tin, dũng cảm, tự kiểm chế, tự chủ, tự phê bình, yêu cầu cao,...

- Nhóm 2: Những giá trị đạo đức trong mối quan hệ với gia đình

Gồm có các giá trị đạo đức như: Yêu thương, trách nhiệm, tin tưởng, tôn trọng, quan tâm, đoàn kết, hiếu thảo, biết ơn, kính trọng, thẳng thắn, độc lập, trung thực, uy tín, nhiệt tình...

- Nhóm 3: Những giá trị đạo đức trong mối quan hệ với thầy cô

Gồm có các giá trị đạo đức như: Kính trọng, lễ phép, yêu thương, trách nhiệm, tin tưởng, tôn trọng, quan tâm, biết ơn, thẳng thắn, độc lập, trung thực, uy tín, nhiệt tình...

- Nhóm 4: Những giá trị đạo đức trong mối quan hệ với bạn bè

Gồm có các giá trị đạo đức như: Đoàn kết, hợp tác, yêu thương, khoan dung, trách nhiệm, tin tưởng, chân thành, tôn trọng, quan tâm, tôn trọng, thẳng thắn, độc lập,

bình đẳng, trung thực, uy tín, nhiệt tình, vị tha, dũng cảm, cởi mở, đồng cảm, tế nhị, sòng phẳng, hy sinh, khôi hài...

- Nhóm 5: Những giá trị đạo đức trong mối quan hệ với người yêu

Gồm có các giá trị đạo đức như: Chung thủy, yêu thương, trách nhiệm, tin tưởng, tôn trọng, quan tâm, thẳng thắn, độc lập, trung thực, uy tín, nhiệt tình, tế nhị, chân thành, hy sinh, vị tha, đồng cảm...

- Nhóm 6: Những giá trị đạo đức trong mối quan hệ với cộng đồng xã hội

Gồm có các giá trị đạo đức như: Nhân ái, tự hào dân tộc, nhiệt tình với hoạt động xã hội, đoàn kết trong cộng đồng, tin tưởng vào chế độ, biết ơn thế hệ đi trước, chấp hành pháp luật, trung thực với mọi người, yêu nước, sống có trách nhiệm với cộng đồng xã hội,....

- Nhóm 7: Những giá trị đạo đức trong học tập của sinh viên

Gồm có các giá trị đạo đức như: Hiếu học, kiên nhẫn, nhẫn nại, trung thực, lòng say mê, cẩn thận, cầu tiến, chuyên cần, nghiêm túc, biết hoài nghi những điều sai, độc lập, tự chủ, sáng tạo, cần cù chăm chỉ, năng động, tính mục đích, tính có kế hoạch,...

- Nhóm 8: Những giá trị đạo đức đối với nghề dạy học (Dành cho sinh viên sư phạm)

Có thể đề cập đến các giá trị đạo đức cụ thể như: Lòng yêu nghề, yêu trẻ, tận tâm, năng động, sáng tạo, trách nhiệm, bản lĩnh, kỷ luật, siêng năng, giản dị, tiết kiệm, quan tâm đến sự nghiệp giáo dục, thế giới quan khoa học, lý tưởng đào tạo thế hệ trẻ, trung thực, kiên nhẫn, dũng cảm chống tiêu cực,...

2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị đạo đức của sinh viên

Là một thực thể tồn tại trong tự nhiên và xã hội, con người chịu tác động bởi nhiều yếu tố. Các Mác đã từng nói "... Bản chất của con người là sự tổng hòa các mối quan hệ xã hội". Vì vậy, việc định hướng giá trị đạo đức của sinh viên cũng bị chi phối bởi nhiều yếu tố. Có thể khái quát thành 2 nhóm tác động đến định hướng giá trị đạo đức của sinh viên. Đó là nhóm các yếu tố bên trong và nhóm các yếu tố bên ngoài.

Nhóm yếu tố bên trong – là các yếu tố nằm ngay trong chính bản thân người sinh viên như tự ý thức, tự giáo dục, tự rèn luyện, tính cách, sở thích, quan điểm, lý tưởng sống của mỗi người cũng như những trải nghiệm sống của cá nhân trong suốt quá trình sống. Đây là những yếu tố quyết định trực tiếp đến định hướng giá trị đạo đức của mỗi người.

Nhóm yếu tố bên ngoài – là các yếu tố không nằm bên trong người sinh viên, mà người sinh viên bị tác động bởi những ảnh hưởng liên tục và thường xuyên trong quá trình sống, thông qua các mối quan hệ của họ trong gia đình, nhà trường và xã hội.

a/ Gia đình

Gia đình là tế bào của xã hội, là môi trường văn hoá xã hội đầu tiên và đặc biệt quan trọng đối với mỗi người. Môi trường văn hoá gia đình được tạo dựng trên cơ sở tình thương yêu, đùm bọc lẫn nhau giữa các thành viên ruột thịt trong gia đình. Trong đó những người con, người cháu nhận được sự giáo dục, chỉ bảo từ những người lớn trong gia đình, dòng họ. Những suy nghĩ, tình cảm cũng như những định hướng giá trị của những người lớn trong gia đình ít nhiều cũng có tác động đến con cái, đặc biệt là trẻ nhỏ.

Phải thừa nhận rằng, gia đình là môi trường giáo dục đầu tiên và có những tác động gần gũi, mạnh mẽ và thường xuyên nhất đến sự phát triển nhân cách của mỗi người. Thế giới quan, lý tưởng sống của ông bà cha mẹ hay cụ thể hơn là cách nghĩ, cách sống, cách nhìn nhận cuộc sống, văn hoá giao tiếp ứng xử, văn hoá tiêu dùng của những người lớn trong gia đình cũng ảnh hưởng nhiều đến việc định hướng giá trị đạo đức của con cháu. Ông bà ta đã đúc kết sự tác động này trong những câu ca dao, tục ngữ như: “Giỗ nhà ai, quai nhà nấy”, “Sóng trước đổ đâu, sóng sau đổ đó”, “Sinh con rồi mới sinh cha; Sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông”...

Thậm chí ngay cả mức sống, mức thu nhập, trình độ học vấn, nghề nghiệp của cha mẹ cũng tác động ít nhiều đến sự lựa chọn và sắp xếp thứ bậc các giá trị đạo đức của con cái. Không ít các bạn trẻ sinh ra và lớn lên trong gia đình rất nghèo, ba mẹ vất vả mưu sinh kiếm sống. Và trong suy nghĩ, tư tưởng của các bạn là làm sao để kiếm được nhiều tiền, thậm chí là bất chấp danh dự và tính mạng và điều này dẫn đến những hành vi đi ngược lại các giá trị đạo đức của dân tộc, gây nguy hiểm cho người khác và cho xã hội.

Thực tế cho thấy chính sự gương mẫu của ông bà cha mẹ, những người lớn trong gia đình, cũng như gia phong, truyền thống, những nét văn hóa, những giá trị đạo đức tốt đẹp trong gia đình, cách cư xử, cách sống chuẩn mực đạo đức giữa ông bà với cha mẹ, giữa cha mẹ với con cái có những tác động thường xuyên, thấm nhuần và có những ảnh hưởng vô thức đến sự phát triển nhân cách mỗi người.

Thiết nghĩ trong thời buổi kinh tế thị trường hiện nay, khi mà sợi dây huyết thống nối kết các thành viên trong gia đình có phần lỏng lẻo thì điều cần thiết là trong mỗi gia đình cần xây dựng văn hóa gia đình, truyền thống gia đình. Truyền thống gia đình như là một động lực, một sức mạnh tinh thần, một bệ phóng vững chắc thôi thúc mỗi cá nhân phải phấn đấu, vững tin khi bước vào đời. Bên cạnh đó, truyền thống gia đình còn có tác dụng như thuốc kháng sinh, các tác dụng bảo vệ và chống lại sự tha hóa của con người trong thời buổi phức tạp hiện nay, và góp phần không nhỏ trong việc giáo dục và định hướng các giá trị đạo đức cho thế hệ trẻ.

Gia đình đó là môi trường xã hội đầu tiên của mỗi người. Sau này khi lớn khôn, mỗi người có thể chịu ảnh hưởng từ nhiều phía của nền văn hoá xã hội, nhưng những gì mà nền văn hoá gia đình hun đúc, những giá trị đạo đức mà mỗi người nhận được từ sự nền giáo dục gia đình vẫn in sâu, đậm nét trong mỗi người đến suốt cuộc đời.

b/ Nhà trường

Bên cạnh sự tác động của gia đình, nhà trường cũng tác động rất mạnh đến việc định hướng các giá trị đạo đức của sinh viên. Thông qua những môn học, đặc biệt là các môn nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên có tác động lớn đến nhận thức về các giá trị đạo đức và giá trị nghề nghiệp ở sinh viên sư phạm.

Bên cạnh đó, sự gương mẫu, uy tín của đội ngũ giảng viên có tác dụng củng cố nhận thức, có sức thuyết phục và góp hình thành tình cảm đạo đức ở sinh viên sư phạm. Niềm tin vào các giá trị đạo đức sẽ được củng cố vững chắc ở sinh viên khi các em có dịp được trải nghiệm qua các hoạt động đền ơn đáp nghĩa ở nhà trường, hoạt động tình nguyện mùa hè xanh, ngày thứ 7 nghĩa tình; hay qua các hoạt động thực tế giáo dục, thực tập sư phạm...

Xây dựng một môi trường sư phạm lành mạnh, văn minh và đạo đức sẽ có những tác dụng tích cực và hiệu quả đối với sự hình thành những giá trị đạo đức, những hành vi và thói quen đạo đức tốt ở sinh viên.

c/ Xã hội

Xã hội Việt Nam đương đại khi mà nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển, quá trình hội nhập và giao lưu kinh tế, văn hoá ngày càng sâu rộng, thu nhập và đời sống của người dân ngày một được nâng lên thì song song với đó chúng ta đang phải đương đầu, đối mặt với nhiều vấn đề trong xã hội như: vấn nạn ô nhiễm môi trường, tham nhũng, lai căng văn hoá, văn hoá thực dụng, hay sự suy đồi và đảo lộn các giá trị

truyền thống của cha ông... Những việc làm vô đạo đức trong xã hội mà báo chí đưa tin ngày càng nhiều khiến chúng ta không khỏi giật mình và suy ngẫm về sự xuống cấp đạo đức trong một bộ phận giới trẻ hiện nay.

Bên cạnh đó, sự sai phạm, lợi dụng chức quyền, tham ô, tham nhũng của một số vị quan chức đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc định hướng giá trị đạo đức của học sinh sinh viên. Không ít các em cảm thấy hoang man khi những giá trị đạo đức được học trong gia đình và nhà trường nhưng lại không được củng cố khi ra ngoài xã hội. Tại đại hội lần thứ IX của Đảng đã nhận định rằng: “Tình trạng tham nhũng, suy thoái về đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng. Nạn tham nhũng kéo dài trong bộ máy của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta”.

Nhận thức được điều này, những năm qua, Đảng và Nhà nước, các cơ quan đoàn thể đã và đang có những việc làm, những chủ trương, chính sách để nâng cao việc giáo dục đạo đức, định hướng các giá trị đạo đức cho thế hệ trẻ như: Chủ trương “...Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”; Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; Phong trào xây dựng gia đình văn hóa, tổ, ấp, khu phố văn hóa, Gia đình hiếu học, dòng họ hiếu học. Hội người cao tuổi Việt Nam thì phát động phong trào “Ông bà, cha mẹ gương mẫu, con cháu thảo hiền”; Bộ giáo dục đào tạo phát động cuộc vận động “4 không” – “Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục, nói không với việc vi phạm đạo đức nhà giáo và việc ngồi nhầm lớp của học sinh”, hay cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”.

Tóm lại, việc định hướng giá trị đạo đức của mỗi sinh viên chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như sự giáo dục trong gia đình, nhà trường, xã hội... Trong đó, yếu tố đóng vai trò quan trọng đến sự lựa chọn, định hướng giá trị đạo đức ở mỗi người đó chính là sự tự nhận thức, tự giáo dục, tự rèn luyện, tự đánh giá của sinh viên – chủ thể của hoạt động định hướng giá trị đạo đức.

*** Tiểu kết chương 1**

Từ những phân tích trên, nội dung chủ yếu được nghiên cứu trong đề tài “Định hướng giá trị đạo đức của sinh viên trường Đại học Đồng Nai” gồm có các nội dung sau đây:

- Nhận thức về tầm quan trọng của các giá trị đạo đức, gồm 8 nhóm: Nhóm giá trị đạo đức đối với bản thân, nhóm giá trị đạo đức trong mối quan hệ với gia đình, nhóm giá trị đạo đức trong mối quan hệ với thầy cô, nhóm giá trị đạo đức trong mối quan hệ với bạn bè, nhóm giá trị đạo đức trong mối quan hệ với cộng đồng xã hội, nhóm giá trị đạo đức trong hoạt động học tập, nhóm giá trị đạo đức trong mối quan hệ với người yêu, nhóm giá trị đạo đức đối với nghề sư phạm (dành cho sinh viên sư phạm).

- Thái độ biểu hiện của sinh viên đối với một số giá trị đạo đức thuộc các nhóm trên. Với 3 mức biểu hiện thái độ: Phù hợp, phân vân và không phù hợp.

- Cách ứng xử thể hiện hành vi đạo đức của sinh viên thông qua các tình huống.

- Các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị đạo đức của sinh viên, bao gồm các yếu tố thuộc nhóm yếu tố bên trong và các yếu tố bên ngoài (gia đình, nhà trường, xã hội). Trong đó nhóm yếu tố trong chính bản thân người sinh viên đóng vai trò quan trọng nhất.

Chương 2:

THỰC TRẠNG ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CỦA SINH VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

2.1. Thể thức nghiên cứu

a/ Mô tả mẫu nghiên cứu

Người nghiên cứu tiến hành khảo sát 354 sinh viên hệ cao đẳng trường ĐH Đồng Nai ở 2 nhóm ngành sư phạm và ngoài sư phạm, cụ thể như sau:

Bảng 2.1. Thống kê sinh viên trên toàn mẫu khảo sát

Giới tính		Ngành học		Năm thứ		
Nam	Nữ	Sư phạm	Ngoài sư phạm	1	2	3
162	192	181	173	127	117	110
354		354		354		

Bảng 2.2. Thống kê sinh viên theo ngành học và năm học

Ngành học Năm	Sư phạm		Ngoài sư phạm		Tổng	
	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%
Năm thứ 1	62	34.3	65	37.6	127	35.9
Năm thứ 2	61	33.7	56	32.4	117	33.1
Năm thứ 3	58	32.0	52	30.1	110	31.1
Tổng	181	51.1	173	48.9	354	100.0

Bảng 2.3. Thống kê sinh viên theo giới tính và tôn giáo

Giới tính Tôn giáo	Nam		Nữ		Tổng	
	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%
Thiên chúa	79	48.8	105	54.7	184	52.0
Phật	20	12.3	13	6.8	33	9.3
Tôn giáo khác	6	3.7	15	7.8	21	5.9
Không tôn giáo	57	35.2	59	30.7	116	32.8
Tổng	162	45,8	192	54,2	354	100.0

b/ Mô tả công cụ nghiên cứu

Thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra trong đề cương nghiên cứu, người nghiên cứu đã tiến hành biên soạn công cụ khảo sát định hướng giá trị đạo đức của sinh viên trường ĐH Đồng Nai. Để xây dựng bảng khảo sát chính thức, người nghiên cứu đã tiến hành thăm dò ý kiến 100 sinh viên của trường bằng bảng câu hỏi mở (phụ lục 1).

Từ kết quả thăm dò và cơ sở lý luận về các giá trị đạo đức của sinh viên trường ĐH Đồng Nai, người nghiên cứu tiến hành xây dựng bảng khảo sát gồm 5 phần, cụ thể như sau:

*** Phần A:** Khảo sát ý kiến của sinh viên (đồng ý hay không đồng ý) về những nhận định về sự thay đổi các giá trị đạo đức hiện nay trong xã hội và ý nghĩa của giá trị đạo đức đối với cuộc sống con người.

- Câu 1; 3; 4; 5; 7; 10: Nhận định về sự thay đổi các giá trị đạo đức.
- Câu 2; 6; 8; 9: Nhận định về ý nghĩa, vai trò của giá trị đạo đức.

*** Phần B:** Khảo sát nhận thức của sinh viên về các giá trị đạo đức thể hiện trong mối quan hệ đối với bản thân, đối với gia đình, thầy cô, bạn bè, người yêu, trong học tập, đối với cộng đồng xã hội và đối với nghề sư phạm (Dành cho sinh viên đang theo học các ngành sư phạm). Điểm số được quy định như sau:

- 4 – Rất quan trọng
- 3 – Quan trọng
- 2 – Bình thường
- 1 – Không quan trọng
- 0 – Hoàn toàn không quan trọng

*** Phần C:** Khảo sát thái độ đối với các giá trị đạo đức của sinh viên trong các mối quan hệ và trong các hoạt động. Gồm có 32 câu (25 câu tích cực, 7 câu tiêu cực). Điểm số sẽ được quy đổi như sau:

Đối với các câu biểu hiện thái độ tích cực:

- 3 – Phù hợp
- 2 – Phân vân
- 1 – Không phù hợp

Đối với các câu biểu hiện thái độ theo chiều hướng tiêu cực thì điểm số sẽ được quy đổi ngược lại:

- 1 – Phù hợp
- 2 – Phân vân
- 3 – Không phù hợp

- Từ câu 1 – câu 4: Thái độ đạo đức đối với bản thân
- Từ câu 5 – câu 8: Thái độ đạo đức trong mối quan hệ với gia đình
- Từ câu 9 – câu 12: Thái độ đạo đức trong mối quan hệ với thầy cô
- Từ câu 13 – câu 16: Thái độ đạo đức trong mối quan hệ với bạn bè
- Từ câu 17 – câu 20: Thái độ đạo đức đối với cộng đồng xã hội
- Từ câu 21 – câu 24: Thái độ đạo đức trong hoạt động học tập
- Từ câu 25 – câu 28: Thái độ đạo đức trong mối quan hệ với người yêu
- Từ câu 29 – câu 32: Thái độ đạo đức đối với nghề sư phạm (Dành cho sinh viên đang theo học các ngành sư phạm)

*** Phần D:** Khảo sát cách ứng xử thể hiện hành vi đạo đức của sinh viên qua 16 tình huống. Mỗi tình huống có 4 lựa chọn.

- Tình huống 1 – 2: Trong mối quan hệ với bản thân
- Tình huống 3 – 4: Trong mối quan hệ với bạn bè
- Tình huống 5 – 6: Trong mối quan hệ với gia đình
- Tình huống 7 – 8: Trong mối quan hệ với cộng đồng xã hội
- Tình huống 9 – 10: Trong mối quan hệ với thầy cô giáo
- Tình huống 11 – 12: Trong hoạt động học tập
- Tình huống 13 – 14: Trong mối quan hệ với người yêu
- Tình huống 15 – 16: Trong mối quan hệ với nghề sư phạm (Dành cho sinh viên đang theo học các ngành sư phạm).

*** Phần E:** Tìm hiểu mức độ ảnh hưởng của những yếu tố đến việc định hướng giá trị đạo đức của sinh viên, bao gồm 28 yếu tố thuộc nhóm các yếu tố bên ngoài (gia đình, nhà trường, xã hội) và nhóm các yếu tố bên trong bản thân người sinh viên (tự nhận thức, tự giáo dục).

- Nhóm yếu tố bên ngoài:
 - + Các yếu tố từ gia đình: Từ câu 1 – câu 5
 - + Các yếu tố trong nhà trường: Từ câu 6 – câu 12
 - + Các yếu tố xã hội: Từ câu 13 – câu 24
- Nhóm yếu tố bên trong (thuộc về bản thân sinh viên như tính cách, sở thích, sự tự nhận thức, tự giáo dục): Từ câu 25 – câu 28

2.2. Kết quả nghiên cứu thực trạng định hướng giá trị đạo đức của sinh viên trường Đại học Đồng Nai

2.2.1. Nhận định về sự thay đổi các giá trị đạo đức hiện nay

Bảng 2.4. Kết quả nhận định về sự thay đổi các giá trị đạo đức hiện nay

STT	Nhận định	Đồng ý		Không đồng ý	
		Tần số	%	Tần số	%
1	Bên cạnh những giá trị đạo đức truyền thống, những giá trị hiện đại đang dần hình thành ở sinh viên như tính độc lập, tự chủ, năng động, sáng tạo...	352	99.4	2	0.6
2	Các giá trị đạo đức tốt đẹp luôn là chuẩn mực để sinh viên tự hoàn thiện mình	349	98.6	5	1.4
3	Lối sống thực dụng, chủ nghĩa cá nhân đang dần trở nên phổ biến trong một bộ phận giới trẻ.	246	69.5	108	30.5
4	Một vài sinh viên thích khẳng định mình, thích chơi nổi.	231	65.3	123	34.7
5	Ngày nay giá trị kinh tế quan trọng hơn giá trị đạo đức	69	19.5	285	80.5
6	Muốn có cuộc sống hạnh phúc, bình an nhất thiết phải tin tưởng vào các giá trị đạo đức và sống có đạo đức.	323	91.2	31	8.8
7	Hiện nay, việc ứng xử trong cuộc sống không cần thiết phải luôn tuân thủ các giá trị đạo đức.	76	21.5	278	78.5
8	Các giá trị đạo đức giúp cho từng cá nhân sống tốt hơn và xã hội cũng tốt hơn	348	98.3	6	1.7
9	Nếu con người sống không có đạo đức thì xã hội sẽ rối loạn và đầy tội ác	330	93.2	24	6.8
10	Một số sinh viên quan niệm học chỉ để có tấm bằng.	133	37.6	221	62.4

Từ kết quả khảo sát ở bảng 2.4, người nghiên cứu rút ra một số nhận xét về những nhận định của sinh viên về sự thay đổi các giá trị đạo đức và ý nghĩa của các giá trị đạo đức trong cuộc sống hiện nay như sau:

Đa số các nhận định mà người nghiên cứu đưa ra đều nhận được sự đồng thuận cao của các sinh viên được khảo sát, cụ thể như:

Ở nhận định thứ 1: Sinh viên đồng ý với tần số cao nhất 352/354 sinh viên, chiếm tỉ lệ 99.4%. Như vậy, hầu hết sinh viên trong cuộc khảo sát đều thừa nhận rằng ở sinh viên hiện nay đang dần hình thành những giá trị hiện đại như tính độc lập, tự chủ, năng động, sáng tạo... bên cạnh những giá trị đạo đức truyền thống. Chính vì lẽ đó mà sinh viên ngày nay được nhìn nhận là năng động, sáng tạo hơn sinh viên trước đây.

Đa số sinh viên đều nhận thấy ý nghĩa của các giá trị đạo đức đối với cuộc sống của họ. Cụ thể: 98.6% sinh viên đồng ý rằng *“các giá trị đạo đức tốt đẹp luôn là chuẩn mực để sinh viên tự hoàn thiện mình”* và 98.3% sinh viên đồng ý với nhận định *“các giá trị đạo đức giúp cho từng cá nhân sống tốt hơn và xã hội cũng tốt hơn”*. Như vậy, các giá trị đạo đức tốt đẹp luôn là động lực, là mục tiêu để sinh viên luôn cố gắng hoàn thiện mình và hướng tới các giá trị đạo đức cao đẹp.

Chính khi nhận thức đúng ý nghĩa của các giá trị đạo đức đối với cuộc sống của họ thì hầu hết sinh viên đồng ý với nhận định *“nếu con người sống không có đạo đức thì xã hội sẽ rối loạn và đầy tội ác”*, chiếm tỉ lệ cao 93.2% và 91.2% sinh viên đồng ý với quan điểm mà người nghiên cứu đưa ra *“muốn có cuộc sống hạnh phúc, bình an nhất thiết phải tin tưởng vào các giá trị đạo đức và sống có đạo đức”*. Từ kết quả trên cho thấy một tín hiệu đáng mừng là phần lớn sinh viên – tầng lớp trí thức trong xã hội đều nhận thấy ý nghĩa của các giá trị đạo đức đối với cuộc sống của họ và họ tin rằng các giá trị đạo đức sẽ giúp họ sống tốt hơn và xã hội cũng sẽ tốt hơn khi mỗi người sống có đạo đức.

Một thực tế đáng ghi nhận qua cuộc khảo sát này là 246/354 sinh viên, chiếm tỉ lệ 69.5% thừa nhận rằng *“lối sống thực dụng, chủ nghĩa cá nhân đang dần trở nên phổ biến trong một bộ phận giới trẻ”*. Như vậy, qua chính sự trải nghiệm của bản thân, các em sinh viên đã nhận thấy sự thay đổi các giá trị ngay trong cuộc sống thường ngày của họ. Phải chăng đây là mặt trái của cơ chế thị trường và có lẽ cũng chính vì điều này dẫn đến tình trạng không ít sinh viên thích sống cuộc sống tự do theo ý mình, sống nặng về vật chất và đặt lợi ích của cá nhân lên trên hết trước hết, bàng quan, thờ

ơ, không quan tâm đến người khác và không nhiệt tình tham gia các hoạt động xã hội... Đây cũng là vấn đề mà các cấp, các ngành, những người làm công tác giáo dục nhận thấy ở một bộ phận giới trẻ trong thời gian gần đây.

Như vậy, sinh viên – tầng lớp trí thức trong xã hội, họ rất nhạy cảm với sự thay đổi các GTĐĐ trong xã hội đương đại. Chính vì thế, không ít sinh viên đồng ý, tán thành với quan điểm *“học chỉ để có tấm bằng”* (133 sinh viên, chiếm 37.6%), và 21.5% sinh viên cho rằng *“Hiện nay, việc ứng xử trong cuộc sống không cần thiết phải luôn tuân thủ các giá trị đạo đức”*. Bên cạnh đó, một bộ phận không nhỏ sinh viên thừa nhận rằng *“Ngày nay giá trị kinh tế quan trọng hơn giá trị đạo đức”* (19.5%).

Thiết nghĩ, từ thực trạng nhận thức trên, hiện nay việc định hướng giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống đang trở thành vấn đề cấp thiết không chỉ trong nhà trường, gia đình, mà cả toàn xã hội.

2.2.2. Nhận thức các giá trị đạo đức của sinh viên

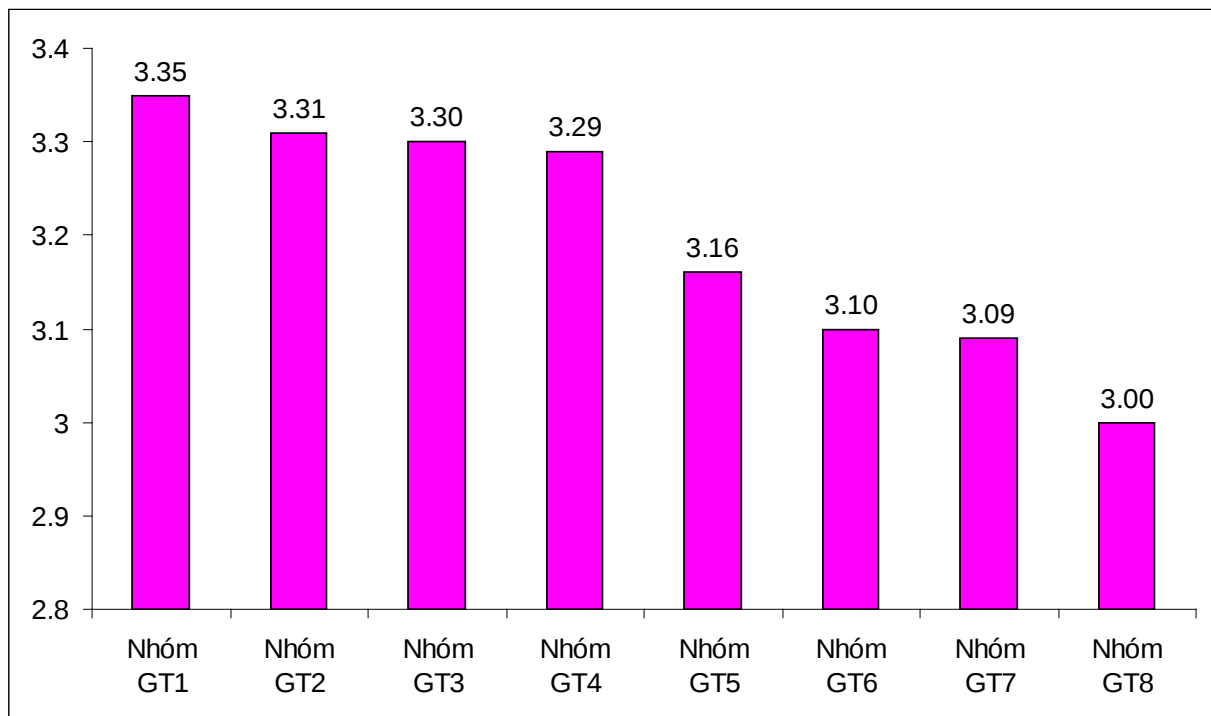
2.2.2.1. Kết quả nhận thức chung về các giá trị đạo đức

Bảng 2.5. Nhận thức chung về các giá trị đạo đức của sinh viên

GTĐĐ trong mối quan hệ	GTĐĐ được lựa chọn cao nhất	GTĐĐ lựa chọn thấp nhất	Xếp hạng (theo TB)
Nghề sư phạm (Nhóm GT 1)	Lòng yêu nghề	Lý tưởng đào tạo thế hệ trẻ	1 (3.35)
Trong học tập (Nhóm GT 2)	Kiên nhẫn	Độc lập	2 (3.31)
Gia đình (Nhóm GT 3)	Hiếu thảo	Độc lập đưa ra quyết định	3 (3.30)
Người yêu (Nhóm GT 4)	Chung thủy	Độc lập	4 (3.29)
Cộng đồng xã hội (Nhóm GT 5)	Yêu nước	Tin tưởng vào chế độ	5 (3.16)
Thầy cô (Nhóm GT 6)	Kính trọng	Quan tâm	6 (3.10)
Bạn bè (Nhóm GT 7)	Uy tín	Khiêm tốn	7 (3.09)
Bản thân (Nhóm GT 8)	Trung thực	Yêu cầu cao	8 (3.00)

4 = rất quan trọng; 3 = quan trọng; 2 = bình thường;

1 = không quan trọng; 0 = hoàn toàn không quan trọng



Biểu đồ 2. Sự lựa chọn các nhóm giá trị đạo đức

Từ kết quả khảo sát ở bảng 2.5 và biểu đồ 2, người nghiên cứu đưa ra một số nhận xét như sau:

- Tất cả các giá trị đạo đức người nghiên cứu đề cập đến trong bảng khảo sát đều được đa số sinh viên đánh giá là quan trọng đối với họ (TB = 3.20; SD = 0.38; Max= 4; Min = 0).

- Sự nhận định của sinh viên về mức độ quan trọng của các giá trị đạo đức trong các mối quan hệ nhìn chung không có sự chênh lệch lớn. Nhóm các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với **“Nghề sư phạm”** được sinh viên đang theo học ngành sư phạm đánh giá ở mức cao nhất (TB = 3.35). Trong khi đó, đối với tất cả sinh viên của trường thì các giá trị đạo đức đối với học tập được đánh giá cao nhất. Các GTĐĐ trong mối quan hệ với **“Bản thân”** được sinh viên đánh giá khiêm tốn, chỉ ở mức quan trọng (TB= 3.00). Điều này phần nào phản ánh đặc điểm xu hướng tâm lý lứa tuổi thanh niên sinh viên thiên về yếu tố học tập nghề nghiệp cho tương lai. Hơn nữa, kết quả này cũng hợp lý vì ở sinh viên hoạt động chủ đạo là hoạt động học tập gắn liền với nghề nghiệp trong tương lai nên việc đánh giá cao các GTĐĐ trong học tập là một tín hiệu đáng mừng trong nhận thức các GTĐĐ của sinh viên. Bên cạnh đó, sinh viên trong cuộc khảo sát nhiều người vẫn chưa có sự đánh giá cao về các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với chính bản thân mình, chưa tự nhận thức và đánh giá đúng về giá trị bản thân cũng như chưa biết đặt ra những yêu cầu cao đối với chính mình. Một vài bạn

sinh viên năm thứ nhất khi được phỏng vấn chia sẻ: “Em không rõ giá trị đạo đức nào thật sự quan trọng và cần thiết đối với bản thân em”, “Em thấy giá trị đạo đức nào cũng quan trọng đối với em”. Vì lẽ đó, kết quả thu nhận được từ cuộc điều tra khi xem xét mức độ quan trọng của nhóm các giá trị đạo đức trong học tập, gia đình và người yêu đều ở mức cao và với mức điểm trung bình gần gần xấp xỉ nhau, lần lượt là TB=3.31; TB = 3.30; TB = 3.29. Bên cạnh đó, nhóm các GTĐĐ đối với bạn bè, thầy cô được sinh viên đánh giá với điểm TB trên mức quan trọng, và cũng ở mức quan trọng gần gần nhau (TB = 3.10, TB = 3.09).

- Những giá trị đạo đức được sinh viên đánh giá là quan trọng nhất đối với họ là: **“hiếu thảo”** với cha mẹ, **“kính trọng”** thầy cô, **“uy tín”** trong mối quan hệ với bạn bè, đối với người yêu phải **“chung thủy”**, trong học tập cần phải **“kiên nhẫn”**, đối với nghề sư phạm phải có **“lòng yêu nghề”**, đề cao giá trị **“yêu nước”** trong mối quan hệ với cộng đồng xã hội và trong mối quan hệ với chính bản thân mình phải **“trung thực”**. Đây cũng chính là những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của con người Việt Nam trong các mối quan hệ của cuộc sống thường ngày.

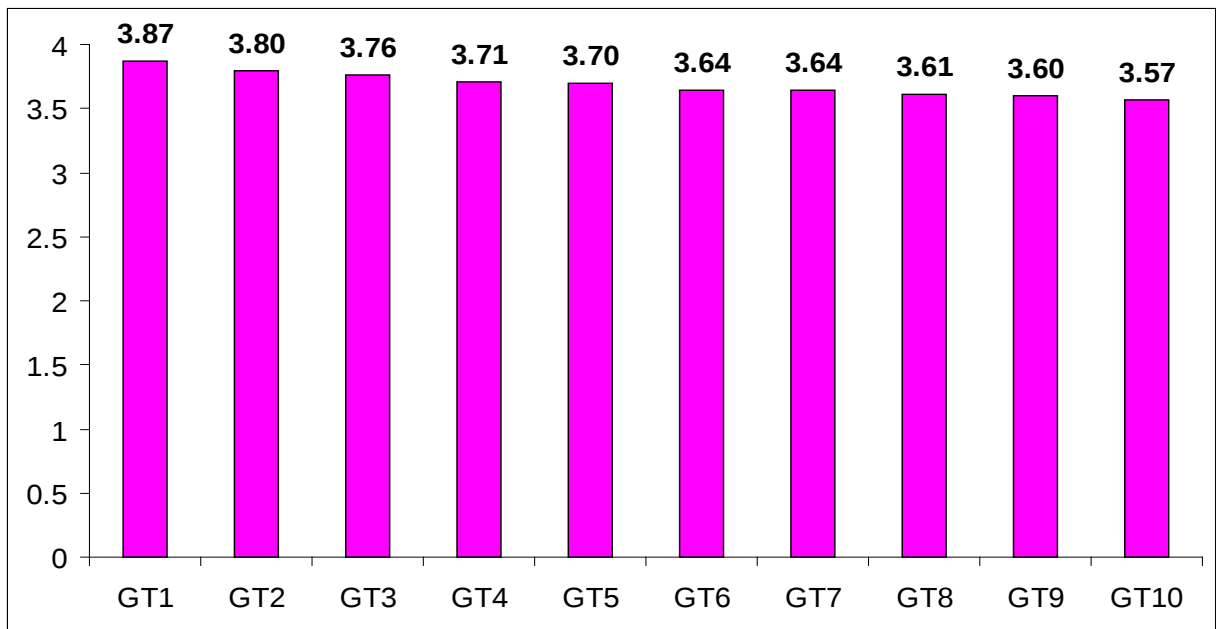
- Những giá trị đạo đức được sinh viên đánh giá là ít quan trọng đối với họ là: **“độc lập”** trong hoạt động học tập và trong mối quan hệ với người yêu, **“quan tâm”** đến thầy cô, **“khiêm tốn”** trong quan hệ với bạn bè, **“Yêu cầu cao”** đối với chính bản thân mình, **“độc lập ra quyết định”** trong gia đình, **“lý tưởng đào tạo thế hệ trẻ”** đối với nghề sư phạm, **“tin tưởng vào chế độ”** trong mối quan hệ với cộng đồng xã hội. Như vậy, kết quả trên cho thấy sinh viên chưa nhận thức sâu sắc các giá trị liên quan đến ý chí, niềm tin, lý tưởng sống, bản lĩnh của bản thân. Bên cạnh đó, một số giá trị đạo đức được xem là giá trị hiện đại như **“yêu cầu cao”** đối với bản thân, **“độc lập”** trong học tập, **“độc lập”** khi đưa ra quyết định và **“độc lập”** với người yêu (không lệ thuộc vào người yêu) vẫn chưa được sinh viên nhìn nhận đúng và đánh giá cao. Thiết nghĩ điều này cũng hợp lý vì thực tế ở lứa tuổi sinh viên, phần lớn các em còn lệ thuộc kinh tế vào gia đình. Thêm vào đó không ít sinh viên có thói quen dựa dẫm vào bố mẹ khi sống trong gia đình, chưa độc lập khi đưa ra quyết định, dựa dẫm vào bạn bè trong quá trình học tập, thi cử, và dựa dẫm cả vào người yêu. Song song với đó, nhiều em khi được phỏng vấn cho rằng **“Em nghĩ không nhất thiết phải đặt ra những yêu cầu cao đối với bản thân mình, cứ tàn tàn mà sống”**.

Bảng 2.6. Mười giá trị đạo đức được sinh viên đánh giá cao nhất

Stt	Giá trị	TB	SD
1	Hiếu thảo	3.87	0.355
2	Lòng yêu nghề	3.80	0.492
3	Chung thủy	3.76	0.553
4	Trách nhiệm với nghề dạy học	3.71	0.574
5	Kính trọng thầy cô	3.70	0.490
6	Kiên nhẫn	3.64	0.566
7	Kính trọng ông bà cha mẹ	3.64	0.539
8	Yêu thương người yêu	3.61	0.573
9	Trung thực với bản thân mình	3.60	0.613
10	Tận tâm	3.57	0.537

4 = rất quan trọng; 3 = quan trọng; 2 = bình thường;

1 = không quan trọng; 0 = hoàn toàn không quan trọng



Biểu đồ 3. Mười giá trị đạo đức được sinh viên lựa chọn nhiều nhất

Trong nhóm 10 giá trị được đánh giá cao nhất, ta thấy những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp ngàn đời nay trong các mối quan hệ của cuộc sống vẫn được SV đánh giá rất cao. Trong đó, giá trị đạo đức được SV đánh giá cao nhất là **“hiếu thảo”** với ông bà cha mẹ. Như vậy, có thể thấy dù xã hội có đổi thay thì “chữ hiếu” vẫn luôn được trân trọng và đề cao, câu nói từ ngàn xưa vẫn đúng “làm con chữ hiếu làm đầu”. Kế đến là các giá trị **“yêu nghề”** sư phạm, **“chung thủy”** với người yêu, có **“trách**

nhệm” với nghề dạy học, **“kính trọng”** thầy cô, **“kiên nhẫn”** trong học tập, trong gia đình phải **“kính trọng”** – kính trên nhường dưới, **“yêu thương”** người yêu, sống **“trung thực”** với chính bản thân mình và **“tận tâm”** với nghề sư phạm dù thực tế nghề này vất vả và thu nhập không cao.

Như vậy, trong top 10 giá trị đạo đức được SV đánh giá ở mức độ cao, có 3 giá trị đạo đức trong mối quan hệ đối với nghề sư phạm (yêu nghề, trách nhiệm và tận tâm), 2 giá trị đạo đức trong mối quan hệ với gia đình (hiếu thảo và kính trọng ông bà cha mẹ) và 2 giá trị đạo đức trong mối quan hệ với người yêu (chung thủy và yêu thương), 1 giá trị đạo đức trong mối quan hệ với thầy cô (kính trọng), 1 giá trị đạo đức trong học tập (kiên nhẫn), 1 giá trị đạo đức trong mối quan hệ với chính bản thân mình (trung thực). Trong top 10 giá trị đạo đức này, không có sự hiện diện của giá trị đạo đức trong nhóm các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với bạn bè và cộng đồng xã hội. Điều này cũng hợp lý vì điểm trung bình của nhóm giá trị đạo đức trong mối quan hệ với bạn bè và cộng đồng xã hội ở mức khiêm tốn.

Ngoài ra, quan sát độ lệch chuẩn ta thấy độ phân tán rất cao trong sự lựa chọn các GTĐĐ của SV. Điều này cho thấy sự phức tạp, dao động và không thống nhất trong đánh giá của SV về các GTĐĐ. Vì thế sẽ gây rất nhiều khó khăn cho các nhà giáo dục trong việc định hướng giáo dục giá trị đạo đức cho sinh viên.

2.3.2. Kết quả nhận thức của sinh viên về các giá trị đạo đức

2.3.2.1. Kết quả nhận thức của sinh viên về 8 nhóm giá trị đạo đức

a. Nhận thức các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với bản thân

Bảng 2.7. Kết quả xếp hạng các giá trị đạo đức đối với bản thân

STT	Giá trị đạo đức	TB	SD	Xếp hạng
2	Trung thực	3.60	0.613	1
5	Trách nhiệm	3.40	0.601	2
4	Tự kiểm chế, tự chủ	3.32	0.676	3
3	Tự trọng	3.14	0.735	4
10	Lạc quan	3.06	0.826	5
7	Tự tin	3.01	0.773	6
8	Tự phê bình	2.87	0.796	7
1	Khiêm tốn	2.83	0.664	8
9	Dũng cảm	2.64	0.717	9
6	Yêu cầu cao	2.10	0.746	10

4 = rất quan trọng; 3 = quan trọng; 2 = bình thường;

1 = không quan trọng; 0 = hoàn toàn không quan trọng

Từ bảng kết quả 2.7, ta thấy trong số 10 giá trị đạo đức đối với bản thân thì có bốn giá trị có điểm trung bình cao nhất là **trung thực** (TB = 3.60), **trách nhiệm** (TB = 3.40), **tự kiểm chế, tự chủ** (TB = 3.32), **tự trọng** (TB = 3.14). Đây cũng chính là những giá trị truyền thống của người Việt Nam ta và vẫn được SV kế thừa và đánh giá cao. Bên cạnh đó, SV cũng đề cao các giá trị đạo đức mới cần thiết cho cuộc sống của SV ngày nay như **lạc quan, tự tin, tự phê bình**.

Tuy vậy, ba giá trị đạo đức chưa được SV đề cao đó là **khiêm tốn, dũng cảm** (TB = 2.64) và **yêu cầu cao**, trong đó khiêm tốn và dũng cảm là hai giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc. Trong “5 điều Bác Hồ dạy” thế hệ trẻ, Người căn dặn: “Điều 5 - Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm”. Phải chăng vì thế hệ SV thời nay tự tin, năng động, sáng tạo và không ít SV luôn muốn chứng tỏ, muốn thể hiện mình nên giá trị khiêm tốn chưa được các em đề cao. Khi trò chuyện cùng các em, một vài SV đã chia sẻ: “Em nghĩ không phải lúc nào cũng cần khiêm tốn, đôi khi phải biết thể hiện mình”, “Em thấy giá trị dũng cảm không cần thiết đối với em. Dũng cảm đôi khi lại mang họa cho bản thân”, “Em nghĩ không cần phải yêu cầu cao đối với bản thân mình vì đặt ra

yêu cầu cao rồi em cũng không thực hiện được. Em thấy cứ tàn tàn mà sống, không muốn làm khó mình”. Như vậy trong quan hệ đối với bản thân, SV chưa coi trọng các GTĐĐ liên quan đến nghị lực ý chí.

b. Nhận thức các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với gia đình

Bảng 2.8. Kết quả xếp hạng các giá trị đạo đức đối với gia đình

STT	Giá trị đạo đức	TB	SD	Xếp hạng
1	Hiếu thảo	3.87	0.355	1
3	Kính trọng	3.64	0.539	2
2	Biết ơn	3.51	0.558	3
4	Yêu thương	3.48	0.597	4
6	Trung thực	3.42	0.674	5
5	Trách nhiệm	3.41	0.577	6
7	Biết hy sinh vì gia đình	3.36	0.618	7
8	Uy tín	3.21	0.727	8
10	Thẳng thắn	2.64	0.707	9
9	Độc lập đưa ra quyết định	2.43	0.919	10

4 = rất quan trọng; 3 = quan trọng; 2 = bình thường;

1 = không quan trọng; 0 = hoàn toàn không quan trọng

Từ kết quả ở bảng 2.8, ta thấy dù xã hội có đổi thay thì các GTĐĐ đứng ở vị trí hàng đầu trong mối quan hệ với ông bà cha mẹ ở mỗi SV vẫn là các giá trị đạo đức truyền thống từ ngàn đời nay như **hiếu thảo, kính trọng và biết ơn**. Hầu hết SV đánh giá rất cao tầm quan trọng của các giá trị truyền thống tốt đẹp này, với điểm trung bình rất cao, đặc biệt là giá trị **hiếu thảo** (TB = 3.87, SD = 0.355).

Bên cạnh đó, SV còn chú trọng đến các GTĐĐ khác như **yêu thương, trung thực, trách nhiệm, biết hy sinh vì gia đình và uy tín**. Đây là những GTĐĐ cơ bản để tạo dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa các thành viên trong gia đình và góp phần xây dựng gia đình bền vững, ấm no, hạnh phúc.

Trong số 10 GTĐĐ tiêu biểu trong mối quan hệ với gia đình thì **thẳng thắn** (TB = 2.64; SD = 0.707) và **độc lập đưa ra quyết định** (TB = 2.43, SD = 0.919) chưa được đa số SV cho là quan trọng. Qua đây, ta thấy SV vẫn còn thụ động và lệ thuộc nhiều vào gia đình nên chưa thẳng thắn trình bày ý kiến, quan điểm riêng và chưa độc lập đưa ra quyết định.

c. Nhận thức các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với thầy cô

Bảng 2.9. Kết quả xếp hạng các giá trị đạo đức đối với thầy cô

STT	Giá trị đạo đức	TB	SD	Xếp hạng
1	Kính trọng	3.70	0.490	1
4	Lễ phép	3.54	0.543	2
2	Biết ơn	3.52	0.571	3
7	Trung thực	3.25	0.666	4
3	Trách nhiệm	2.96	0.685	5
6	Tin tưởng	2.88	0.635	6
9	Không ỷ lại vào thầy cô	2.86	0.682	7
8	Thẳng thắn	2.81	0.686	8
5	Nhiệt tình	2.77	0.572	9
10	Quan tâm	2.70	0.756	10

4 = rất quan trọng; 3 = quan trọng; 2 = bình thường;

1 = không quan trọng; 0 = hoàn toàn không quan trọng

Nhìn vào bảng kết quả nhận thức các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với thầy cô, ta thấy trong số 10 giá trị đạo đức mà người nghiên cứu đưa ra có 4 giá trị đạo đức có điểm trung bình rất cao. Đó là **kính trọng** (TB = 3.70), **lễ phép** (TB = 3.54), **biết ơn** (TB = 3.52), **trung thực** (TB = 3.25). Điều này cho thấy tư tưởng đạo đức truyền thống “Tôn sư trọng đạo” ngàn đời nay vẫn giữ nguyên giá trị cao đẹp. Thiết nghĩ, dù xã hội có đổi thay thì các giá trị đạo đức đối với thầy cô như kính trọng, lễ phép, biết ơn thầy cô luôn là những giá trị đạo đức được coi trọng và đặt lên hàng đầu trong thang giá trị đạo đức của mỗi người Việt Nam.

Các giá trị đạo đức như **trách nhiệm** (TB = 2.96), **tin tưởng** (TB = 2.88), **không ỷ lại vào thầy cô** (TB = 2.86), **thẳng thắn** (TB = 2.81) tuy không đứng ở top đầu nhưng đều có mức điểm trung bình gần ở mức quan trọng. Như vậy có thể thấy sinh viên phần nào đó cũng nhận thức được tầm quan trọng của các giá trị đạo đức trên trong mối quan hệ với thầy cô.

Hai giá trị đạo đức trong mối quan hệ với thầy cô đứng ở vị trí thứ 9 và 10 đó là **nhiệt tình** (TB = 2.77) và **quan tâm** (TB = 2.70). Điều này có thể lý giải là do đặc thù ở môi trường đại học, cao đẳng, thầy và trò ít có thời gian và cơ hội gần gũi, quan tâm và gần bó với nhau.

d. Nhận thức các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với bạn bè

Bảng 2.10. Kết quả xếp hạng các giá trị đạo đức đối với bạn bè

STT	Giá trị đạo đức	TB	SD	Xếp hạng
10	Uy tín	3.40	0.693	1
4	Đoàn kết	3.36	0.617	2
1	Tôn trọng	3.30	0.766	3
7	Chân thành	3.18	0.721	4
5	Quan tâm	3.14	0.671	5
6	Vị tha	3.04	0.796	6
3	Nhiệt tình	2.97	0.690	7
9	Yêu thương	2.96	0.800	8
8	Hợp tác	2.83	0.697	9
2	Khiêm tốn	2.70	0.744	10

4 = rất quan trọng; 3 = quan trọng; 2 = bình thường;

1 = không quan trọng; 0 = hoàn toàn không quan trọng

Kết quả ở bảng 2.10, ta thấy một tín hiệu đáng mừng là trong nhận thức các GTĐĐ trong mối quan hệ với bạn bè, sinh viên coi trọng các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp như **uy tín** (TB = 3.40), **đoàn kết** (TB = 3.36), **tôn trọng** (TB = 3.30), **chân thành** (TB = 3.18) và **quan tâm** (TB = 3.14). Sinh viên nhận thức được rằng trong tình bạn GTĐĐ quan trọng nhất là chữ tín. Bên cạnh đó, sinh viên cho rằng bạn bè cần phải đoàn kết, tôn trọng nhau, sống chân thành và biết quan tâm lẫn nhau. Như vậy, đa số SV ý thức rõ để có thể tạo dựng một tình bạn đẹp, bền vững thì cần phải có 5 GTĐĐ cơ bản nói trên.

Tuy nhiên, trong mối quan hệ với bạn bè SV chưa thật sự đánh giá cao giá trị **hợp tác** (TB = 2.83) và **khiêm tốn** (2.70). Điều này có thể lý giải là do SV đề cao cái tôi của mình, đặt lợi ích của bản thân lên trên hết, trước hết trong quan hệ bạn bè.

e. Nhận thức các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với người yêu

Bảng 2.11. Kết quả xếp hạng các giá trị đạo đức đối với người yêu

STT	Giá trị đạo đức	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng
1	Chung thủy	3.76	0.553	1
9	Yêu thương	3.61	0.573	2
2	Tin tưởng	3.50	0.633	3
8	Chân thành	3.49	0.609	4
5	Tôn trọng	3.42	0.617	5
3	Trách nhiệm	3.21	0.793	6
6	Vị tha	3.16	0.711	7
7	Thẳng thắn	3.09	0.707	8
10	Hy sinh	3.07	0.895	9
4	Độc lập	2.62	0.781	10

4 = rất quan trọng; 3 = quan trọng; 2 = bình thường;

1 = không quan trọng; 0 = hoàn toàn không quan trọng

Từ kết quả bảng trên, ta thấy trong số 10 giá trị đạo đức được nêu ra có 5 giá trị được sinh viên đánh giá là rất quan trọng trong tình yêu. Đó là **chung thủy, yêu thương, tin tưởng, chân thành, tôn trọng**. Có thể thấy giá trị đầu tiên và được sinh viên tập trung lựa chọn và đánh giá ở mức quan trọng nhất đó là **chung thủy** (TB=3.76; SD = 0.553), kế đến là giá trị **yêu thương** (TB = 3.61; SD = 0.573). Đây được coi là hai giá trị cốt lõi, truyền thống và không thể thiếu trong một tình yêu đích thực. Như vậy, điều đáng mừng là dù xã hội có đổi thay thì SV vẫn ý thức được các giá trị đạo đức tốt đẹp cần có trong tình yêu đôi lứa.

Điều đáng quan tâm qua bảng kết quả này là giá trị **hy sinh** và **độc lập** với người yêu. Hy sinh quên mình vì người yêu là biểu hiện cao đẹp của tình yêu chân thật nhưng lại không được nhiều sinh viên đánh giá cao như các giá trị khác, TB = 3.07. Phải chăng vì SV chưa hiểu hy sinh trong tình yêu là như thế nào hay là cái tôi của mỗi người khi yêu quá lớn nên không chịu hy sinh, nhường nhịn nhau. Sinh viên K -

năm nhất hồn nhiên chia sẻ “Em không biết hy sinh trong tình yêu là như thế nào. Nhưng nếu bảo em chết vì người mình yêu thì em không thể nào làm điều đó”. Thêm vào đó đa phần sinh viên chưa coi trọng giá trị độc lập trong tình yêu. Điều này cũng hợp lý trong nhận thức các GTĐĐ của sinh viên vì giá trị độc lập trong mối quan hệ với thầy cô và gia đình như đã phân tích ở trên cũng không được nhiều sinh viên đánh giá cao.

f. Nhận thức các giá trị đạo đức trong học tập

Bảng 2.12. Kết quả xếp hạng các giá trị đạo đức trong học tập

STT	Giá trị đạo đức	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng
1	Kiên nhẫn	3.64	0.566	1
3	Lòng say mê	3.44	0.676	2
9	Chăm chỉ	3.42	0.696	3
6	Cần cù	3.39	0.600	4
4	Cẩn thận	3.33	0.644	5
2	Trung thực	3.30	0.744	6
7	Sáng tạo	3.24	0.682	7
5	Cầu tiến	3.19	0.675	8
10	Năng động	3.16	0.700	9
8	Độc lập	2.99	0.664	10

4 = rất quan trọng; 3 = quan trọng; 2 = bình thường;

1 = không quan trọng; 0 = hoàn toàn không quan trọng

Với 10 giá trị đạo đức tiêu biểu trong hoạt động học tập mà người nghiên cứu đưa ra khảo sát, kết quả nhận thức của SV về các giá trị này rất khả quan. 9/10 giá trị được SV đánh giá ở mức độ cao, trên mức điểm quan trọng (TB > 3.00). Các giá trị xếp ở thứ hạng đầu tiên đó là ***kiên nhẫn, lòng say mê, chăm chỉ, cần cù*** với điểm trung bình rất cao, lần lượt là 3.64; 3.44; 3.42; 3.39. Đây là các giá trị đặc trưng và tiêu biểu cho truyền thống hiếu học từ xưa đến nay của người Việt Nam.

Kế đến là các giá trị như ***cẩn thận, trung thực, sáng tạo, cầu tiến, năng động***. Như vậy, SV đã ý thức được trong học tập ở thời đại này không chỉ cần có những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp mà cần có những giá trị của thời đại mở cửa, hội nhập và phát triển như ***sáng tạo, năng động và cầu tiến***.

Tuy vậy, cần quan tâm đến 2 giá trị đạo đức chưa được đa số SV đánh giá cao trong số 10 giá trị trên đó là **trung thực** và **độc lập**. Trong học tập, SV thể hiện giá trị trung thực rõ nhất qua hoạt động thi cử, làm bài kiểm tra. Ở SV, việc lựa chọn giá trị này còn nhiều dao động, độ lệch chuẩn rất cao $SD = 0.744$. Thực tế cho thấy việc nhiều SV thiếu trung thực trong học tập và thi cử hiện nay không còn xa lạ. Sinh viên Tr – năm 3 ngành ngoài sư phạm chia sẻ “Em biết mình phải trung thực khi làm bài thi; nhưng không phải lúc nào em cũng làm được”.

Giá trị độc lập xếp ở thứ hạng cuối cùng cho thấy nhiều SV vẫn chưa nhận thức tầm quan trọng của giá trị này trong việc học của mình. Thực tế quan sát cho thấy không ít SV vẫn còn phụ thuộc rất nhiều vào tri thức của người thầy, thụ động, không độc lập tự chủ, tích cực trong việc tìm kiếm tài liệu học tập, tìm kiếm thông tin. Kết quả nhận thức ở giá trị này phản ánh khá phù hợp với giá trị độc lập trong mối quan hệ với giáo viên đã được phân tích ở trên.

g. Nhận thức các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với cộng đồng xã hội

Bảng 2.13. Kết quả xếp hạng các giá trị đạo đức đối với cộng đồng xã hội

STT	Giá trị đạo đức	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng
9	Yêu nước	3.48	0.711	1
7	Chấp hành pháp luật	3.44	0.643	2
2	Tự hào dân tộc	3.33	0.773	3
1	Nhân ái	3.29	0.711	4
6	Biết ơn thế hệ đi trước	3.25	0.688	5
8	Trung thực với mọi người	3.08	0.820	6
10	Trách nhiệm	3.08	0.702	6
4	Đoàn kết trong cộng đồng	3.00	0.733	7
3	Nhiệt tình với hoạt động xã hội	2.82	0.700	8
5	Tin tưởng vào chế độ	2.80	0.904	9

4 = rất quan trọng; 3 = quan trọng; 2 = bình thường;

1 = không quan trọng; 0 = hoàn toàn không quan trọng

Từ kết quả ở bảng 2.13, ta thấy giá trị **yêu nước** được sinh viên đánh giá cao nhất trong nhóm các giá trị đạo đức đối với cộng đồng xã hội, với điểm trung bình là 3,48. Đây là một giá trị truyền thống rất nổi bật của dân tộc Việt Nam trong suốt thời kỳ chiến tranh giành độc lập dân tộc và đến giai đoạn hiện nay vẫn giữ một vị trí hàng đầu trong sự lựa chọn các giá trị đạo đức của sinh viên. Kế đến vẫn là các giá trị truyền thống từ ngàn xưa của dân tộc Việt Nam như **tự hào dân tộc, nhân ái, biết ơn thế hệ đi trước**, sống **trung thực** với mọi người, sống có **trách nhiệm, đoàn kết trong cộng đồng**.

Đặc biệt, điều đáng suy ngẫm ở đây đó là hai giá trị đứng cuối cùng trong bảng kết quả. Sinh viên không đánh giá cao giá trị **nhật tình với hoạt động xã hội** và **tin tưởng vào chế độ**. Như vậy, vấn đề đặt ra ở đây là vì sao sinh viên không nhận thức và đánh giá cao giá trị của sự nhiệt tình đối với các hoạt động xã hội và niềm tin vào chế độ. Phải chăng vì cái tôi của sinh viên quá lớn hay vì quá nhiều vụ việc tiêu cực gần đây trong xã hội, đặc biệt là hiện tượng tham nhũng của một số cán bộ công quyền và hệ thống pháp luật chưa thật nghiêm minh đã tác động đến sự nhiệt tình và lòng tin của một bộ phận sinh viên nói riêng và giới trẻ nói chung.

h. Nhận thức các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với nghề sư phạm

Bảng 2.14. Kết quả xếp hạng các giá trị đạo đức đối với nghề sư phạm

STT	Giá trị đạo đức	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng
1	Lòng yêu nghề	3.80	0.492	1
2	Trách nhiệm	3.71	0.574	2
3	Tận tâm	3.57	0.537	3
5	Thế giới quan khoa học	3.51	0.502	4
9	Dũng cảm chống tiêu cực	3.34	0.670	5
8	Kiên nhẫn	3.28	0.726	6
7	Trung thực	3.23	0.694	7
4	Lòng yêu trẻ	3.19	0.615	8
10	Sáng tạo	3.12	0.729	9
6	Lý tưởng đào tạo thế hệ trẻ	2.83	0.637	10

4 = rất quan trọng; 3 = quan trọng; 2 = bình thường;

1 = không quan trọng; 0 = hoàn toàn không quan trọng

Từ bảng kết quả 2.14, ta thấy SVSP đánh giá rất cao những giá trị đạo đức truyền thống của nghề dạy học như ***lòng yêu nghề, trách nhiệm, tận tâm, thế giới quan khoa học***. Sinh viên ý thức GTĐĐ quan trọng nhất đối với nghề sư phạm là lòng yêu nghề (TB = 3.80). Thiết nghĩ chỉ có yêu nghề thì mới sống có trách nhiệm, tận tâm với nghề.

Bên cạnh đó, sinh viên còn quan tâm đến các giá trị hiện đại trong nghề dạy học như dũng cảm chống tiêu cực, sáng tạo. Tuy nhiên độ lệch chuẩn của các giá trị này khá cao ($SD_{\text{dũng cảm chống tiêu cực}} = 0.670$; $SD_{\text{sáng tạo}} = 0.729$). Điều này chứng tỏ sự lựa chọn của SV ở giá trị này còn bị phân tán, nhiều sinh viên còn dao động, chưa thống nhất.

Đáng ghi nhận qua kết quả nghiên cứu này là tuy giá trị sáng tạo được SV sư phạm đánh giá xếp hạng không cao trong số 10 giá trị nhưng vẫn ở mức quan trọng (TB = 3.12). Như vậy, SVSP đã nhận thấy tầm quan trọng của sáng tạo trong ngành nghề mà mình đang theo học.

Điều đáng lưu ý ở đây là ***lý tưởng đào tạo thế hệ trẻ*** chưa được đa số SV đánh giá cao, chỉ ở mức gần quan trọng (TB = 2.83). Sinh viên H khi được phỏng vấn đã nói “Em không hiểu lý tưởng đào tạo thế hệ trẻ là gì. Khái niệm nghe trừu tượng quá!”.

Vì thế, một trong những nhiệm vụ hàng đầu trong việc đào tạo SV sư phạm là thông qua các môn học, các hoạt động để giáo dục lý tưởng cho các em giáo sinh, như Makarencô đã từng khẳng định: “*Nếu trường sư phạm không giáo dục lý tưởng nghề nghiệp cho giáo sinh thì có thể coi là không giáo dục gì hết*”.

2.3.2.2. So sánh trung bình nhận thức từng nhóm giá trị đạo đức theo giới tính, ngành học và năm học

Bảng 2.15. Kết quả so sánh điểm trung bình nhận thức 7 nhóm GTĐĐ theo giới tính, ngành học và năm học

Nhóm SV Nhóm GTĐĐ		Giới tính		Ngành học		Năm học		
		Nam	Nữ	SP	Ngoài SP	1	2	3
Bản thân	TB	2.88	3.03	3.00	2.99	3.03	3.02	2.89
	Test	T=0.241;P=0.624		T=0.049;P=0.825		F=2.294;P=0.105		
Gia đình	TB	3.22	3.32	3.28	3.35	3.34	3.22	3.28
	Test	T=0.015;P=0.903		T=1.539;P=0.217		F=1.908;P=0.153		
Thầy cô	TB	2.98	3.14	3.07	3.18	3.12	3.09	3.07
	Test	T=0.001;P=0.980		T=0.089;P=0.765		F=0.172;P=0.842		
Bạn bè	TB	2.92	3.14	3.07	3.14	3.12	3.09	3.00
	Test	T=0.94;P=0.759		T=0.096;P=0.758		F=0.826;P=0.440		
Người yêu	TB	3.15	3.34	3.28	3.34	3.31	3.33	3.23
	Test	T=1.653;P=0.201		T=0.117;P=0.733		F=0.529;P=0.590		
Học tập	TB	3.22	3.34	3.25	3.47	3.40	3.25	3.17
	Test	T=1.137;P=0.288		T=0.671;P=0.414		F=4.539; P=0.012		
Cộng đồng xã hội	TB	2.97	3.22	3.15	3.19	3.17	3.17	3.11
	Test	T=0.005;P=0.942		T=4.579;P=0.034		F=0.189;P=0.828		
Chung	TB	3.05	3.22	3.16	3.24	3.21	3.16	3.11
	Test	T=0.009;P=0.926		T=0.493;P=0.484		F=1.637;P=0.198		

Với mức xác suất $\alpha = 0.05$; $P < 0.05$ có sự khác biệt ý nghĩa

a. Xét theo giới tính

Từ kết quả kiểm nghiệm T test và kiểm nghiệm Anova ở bảng trên cho thấy ở nam giới và nữ giới không có sự khác biệt trong nhận thức các giá trị đạo đức.

b. Xét theo ngành học

Từ kết quả ở bảng 2.15, ta thấy có sự khác biệt giữa sinh viên đang theo học ngành sư phạm và sinh viên đang theo học các ngành ngoài sư phạm về nhận thức các giá trị đạo đức đối với cộng đồng xã hội. Sinh viên ngành ngoài sư phạm có điểm trung bình nhận thức các GTĐĐ đối với cộng đồng xã hội cao hơn sinh viên sư phạm.

Điều này có thể lý giải là do sinh viên theo học các ngành ngoài sư phạm năng động, tích cực nhiệt tình tham gia các hoạt động xã hội hơn. Tuy nhiên mức chênh lệch điểm trung bình nhận thức đối với cộng đồng xã hội ở 2 nhóm sinh viên này không cao ($TB_{SP} = 3.15$; $TB_{ngoài SP} = 3.19$)

c. Xét theo năm học

Nhìn vào bảng kết quả 2.15, ta thấy có sự khác biệt giữa SV năm 1, SV năm 2 và SV năm 3 về nhận thức các GTĐĐ đối với hoạt động học tập. Cụ thể sự khác biệt trung bình nhận thức đối với các GTĐĐ trong hoạt động học tập của sinh viên diễn ra rõ nhất ở SV năm 1 với SV năm 3. Sinh viên năm nhất có điểm trung bình nhận thức đối với các GTĐĐ trong hoạt động học tập cao nhất và SV năm 3 có điểm trung bình nhận thức đối với các GTĐĐ trong hoạt động học tập thấp nhất ($TB_{SV năm 1} = 3.40$; $TB_{SV năm 3} = 3.17$). Như vậy từ kết quả khác biệt nhận thức trên có thể khẳng định SV năm nhất có nhận thức tích cực nhất đối với các GTĐĐ trong học tập. Vấn đề cần quan tâm ở đây là vì sao càng học lên năm 2, năm 3, sinh viên lại có điểm trung bình nhận thức các GTĐĐ trong học tập càng giảm dần. Phải chăng sinh viên năm đầu vừa mới rời trường phổ thông nên có ý thức học tập tích cực hơn sinh viên các năm sau.

* So sánh trung bình nhận thức các giá trị đạo đức với nghề sư phạm

Bảng 2.16. Kết quả so sánh điểm trung bình nhận thức các GTĐĐ đối với nghề sư phạm theo giới tính và năm học

Nhóm SV GTĐĐ		Giới tính		Năm học		
		Nam	Nữ	1	2	3
Đối với	TB	3.27	3.40	3.38	3.41	3.28
nghề sư phạm	Test	T = 0.108; P = 0.743		F = 1.023; P = 0.363		

Với mức xác suất $\alpha = 0.05$; $P < 0.05$ có sự khác biệt ý nghĩa

Từ kết quả ở bảng 2.16, ta thấy không có sự khác biệt ý nghĩa giữa sinh viên nam và nữ, SV năm thứ 1 với SV năm thứ 2 và năm 3 về nhận thức các giá trị đạo đức đối với nghề sư phạm.

Tóm lại, sinh viên nhận thức khá đầy đủ những GTĐĐ cần thiết trong các mối quan hệ, trong hoạt động học tập và đối với nghề sư phạm. Trong đó bên cạnh việc nhấn mạnh các GTĐĐ truyền thống, nhiều sinh viên đánh giá cao tầm quan trọng của các giá trị hiện đại. Kết quả khảo sát cho thấy SV năm nhất có nhận thức các GTĐĐ

trong học tập tích cực hơn sinh viên năm 2 và 3. Sinh viên đang theo học các ngành ngoài sư phạm có điểm trung bình nhận thức các GTĐĐ đối với cộng đồng xã hội cao hơn sinh viên đang học ngành sư phạm.

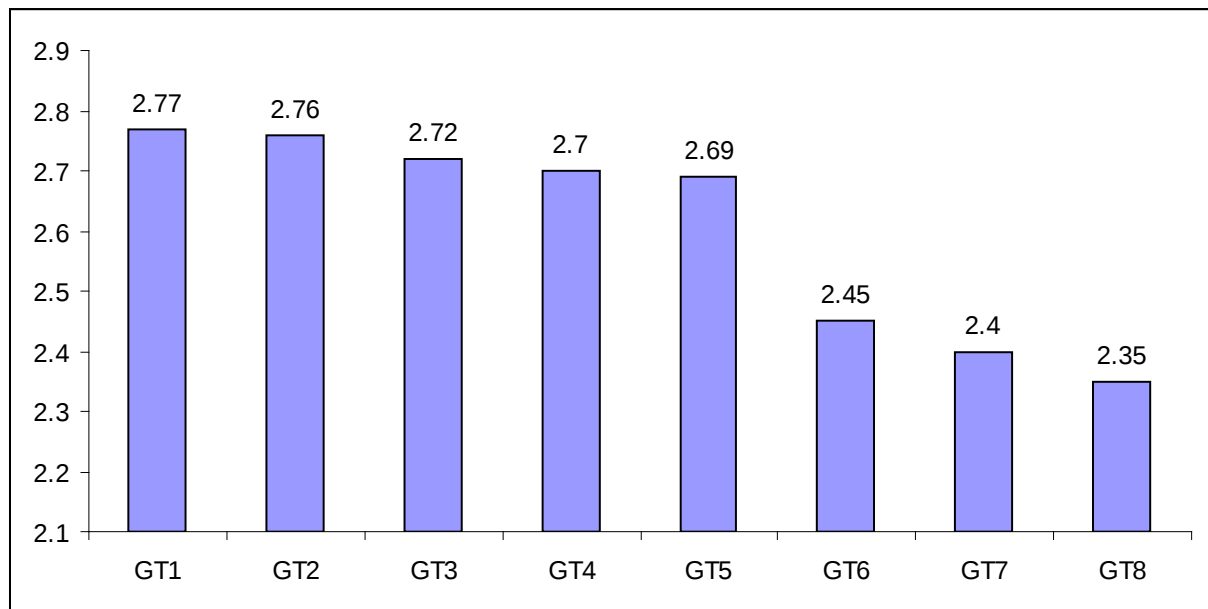
2.2.3. Thái độ đối với các giá trị đạo đức của sinh viên

2.2.3.1. Kết quả chung về thái độ đối với các giá trị đạo đức của sinh viên

Bảng 2.17. Thái độ chung về các giá trị đạo đức của sinh viên

Thái độ đạo đức trong mỗi quan hệ	Thái độ đạo đức được lựa chọn cao nhất	Thái độ đạo đức lựa chọn thấp nhất	Xếp hạng (theo TB)
Gia đình (Nhóm GT 1)	Trách nhiệm	Uy tín	1 (2.77)
Nghề sư phạm (Nhóm GT 2)	Tận tâm	Dũng cảm đấu tranh chống tiêu cực	2 (2.76)
Bản thân (Nhóm GT 3)	Trung thực	Lạc quan	3 (2.72)
Bạn bè (Nhóm GT 4)	Đoàn kết	Chân thành	4 (2.70)
Cộng đồng xã hội (Nhóm GT 5)	Biết ơn	Nhiệt tình	5 (2.69)
Người yêu (Nhóm GT 6)	Chung thủy	Hy sinh	6 (2.45)
Thầy cô (Nhóm GT 7)	Kính trọng	Thẳng thắn	7 (2.40)
Học tập (Nhóm GT 8)	Chăm chỉ	Trung thực	8 (2.35)

1 – Không phù hợp; 2 – Phân vân; 3 – Phù hợp



Biểu đồ 4. Thái độ của sinh viên đối với từng nhóm giá trị đạo đức

- Đa số sinh viên trong mẫu khảo sát đều xác nhận rằng những giá trị đạo đức được đề cập đến đều phù hợp với họ, và điểm trung bình thái độ của sinh viên đối với các giá trị đạo đức ở mức khá cao TB = 2.59.

- Các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với gia đình được sinh viên biểu hiện thái độ ở mức tích cực nhất (TB = 2.77), trong đó các GTĐĐ trong hoạt động học tập được biểu hiện ở mức tích cực thấp nhất.

- Những giá trị đạo đức được sinh viên đánh giá phù hợp ở mức độ cao bao gồm: **trách nhiệm** với gia đình, **tận tâm** với nghề sư phạm, **trung thực** với bản thân, **đoàn kết** với bạn bè, **biết ơn** đối với cộng đồng xã hội, **chung thủy** với người yêu, **kính trọng thầy cô**, **chăm chỉ** trong học tập.

- Những giá trị đạo đức được sinh viên biểu hiện thái độ ở mức thấp là **uy tín** trong gia đình, **dũng cảm đấu tranh chống tiêu cực** trong nghề sư phạm, **lạc quan** với bản thân, **chân thành** đối với bạn bè, **nhật tình** tham gia các hoạt động xã hội, **hy sinh** vì người yêu, **thẳng thắn** với thầy cô, **trung thực** trong học tập.

2.2.3.2. So sánh điểm trung bình thái độ đối với các giá trị đạo đức của sinh viên ở từng nhóm giá trị theo giới tính, ngành và năm học

Bảng 2.18. Kết quả so sánh điểm trung bình thái độ đối với các giá trị đạo đức theo giới tính, ngành học và năm học

Nhóm SV Nhóm GTDD		Giới tính		Ngành học		Năm học		
		Nam	Nữ	Sur phạm	Ngoài SP	1	2	3
Bản thân	TB	2.76	2.70	2.73	2.72	2.69	2.75	2.74
	Test	T=1.820;P=0.178		T=1.170; P=0.280		F=1.010; P= 0.365		
Gia đình	TB	2.78	2.76	2.75	2.79	2.74	2.78	2.79
	Test	T= 0.000;P= 0.997		T= 1.046;P=0.307		F= 0.996;P=0.370		
Thầy cô	TB	2.43	2.38	2.35	2.45	2.34	2.39	2.48
	Test	T= 0.226;P= 0.635		T=0.562 ;P=0.454		F= 3.188;P= .042		
Bạn bè	TB	2.66	2.74	2.708	2.709	2.70	2.74	2.67
	Test	T=1.923; P= 0.166		T= 1.331;P=0.249		F= 1.085;P= 0.339		
Người yêu	TB	2.48	2.43	2.46	2.44	2.42	2.46	2.48
	Test	T=2.356; P= 0.126		T=3.371 ;P=0.067		F= 0.747;P= 0.475		
Học tập	TB	2.34	2.35	2.33	2.36	2.32	2.34	2.39
	Test	T=4.250;P= 0.040		T= 0.934;P=0.334		F= 0.691;P= 0.502		
Cộng đồng Xã hội	TB	2.66	2.70	2.64	2.73	2.69	2.65	2.72
	Test	T=1.354; P= 0.245		T=1.809 ;P=0.180		F=0.964;P= 0.382		
Chung	TB	2.59	2.58	2.57	2.60	2.56	2.59	2.61
	Test	T= 0.638;P= 0.425		T=4.311;P=0.039		F=1.268; P= 0.283		

Với mức xác suất $\alpha = 0.05$; $P < 0.05$ có sự khác biệt ý nghĩa

a. Xét theo giới tính

Dựa vào kết quả ở bảng 2.18, ta thấy có sự khác biệt ý nghĩa ở giới nam và nữ trong việc biểu hiện thái độ đạo đức đối với hoạt động học tập. Dựa vào điểm trung bình, có thể thấy điểm trung bình thái độ ở giới nữ cao hơn nam giới trong hoạt động học tập. Điều này có thể là do nữ giới cần cù, chăm chỉ, có thái độ tích cực học tập hơn nam giới. Tuy vậy, sự chênh lệch này không đáng kể ($TB_{nữ} = 2.35$; $TB_{nam} = 2.34$).

b. Xét theo ngành học

Dựa vào kết quả ở bảng 2.18, ta thấy có sự khác biệt ý nghĩa giữa SVSP và sinh viên ngành ngoài sư phạm về thái độ đối với các GTĐĐ. Sinh viên ngành ngoài sư phạm có điểm trung bình thái độ đối với các GTĐĐ cao hơn SVSP ($TB_{SVSP} = 2.57$; $TB_{SV \text{ ngoài sư phạm}} = 2.6$). Như vậy qua kết quả khảo sát này có thể khẳng định sinh viên đang theo học các ngành ngoài sư phạm có thái độ đối với các GTĐĐ tích cực hơn sinh viên sư phạm.

c. Xét theo năm học

Nhìn vào kết quả ở bảng 2.18, ta thấy có sự khác biệt ý nghĩa giữa sinh viên năm 1 với sinh viên năm 2 và sinh viên năm 3 trong biểu hiện thái độ đối với các GTĐĐ đối với thầy cô. Bằng kiểm nghiệm Anova, ta thấy sự khác biệt ý nghĩa chủ yếu diễn ra giữa sinh viên năm thứ 1 với sinh viên năm thứ 3.

Dựa vào điểm trung bình ta thấy điểm trung bình thái độ đối với các GTĐĐ đối với thầy cô ở sinh viên năm 1, sinh viên năm 2 và sinh viên năm 3 có sự chênh lệch nhưng không đáng kể ($TB_{\text{năm 1}} = 2.34$; $TB_{\text{năm 2}} = 2.39$; $TB_{\text{năm 3}} = 2.48$). Trong đó sinh viên năm thứ 3 có điểm trung bình cao nhất, SV năm 1 có điểm trung bình thấp nhất. Điều này cho thấy SV năm 3 có thái độ tích cực đối với thầy cô hơn SV năm 1 và năm 2. Đây là tín hiệu đáng mừng trong công tác đào tạo của trường vì điều này cho thấy quá trình học tập và rèn luyện ở trường đã giúp cho nhiều sinh viên có nhận thức, thái độ đúng hơn đối với thầy cô – những người đã tận tâm dạy dỗ họ.

*** So sánh điểm trung bình thái độ đối với các giá trị đạo đức đối với nghề sư phạm xét theo giới tính và năm học**

Bảng 2.19. Kết quả so sánh điểm trung bình thái độ đối với các GTĐĐ đối với nghề sư phạm xét theo giới tính và năm học

Nhóm SV		Giới tính		Năm học		
		Nam	Nữ	1	2	3
Đối với Nghề sư phạm	TB	2.76	2.78	2.77	2.76	2.76
	Test	T = 1.430 ; P = 0.233		F = 0.015 ; P = 0.985		

Với mức xác suất $\alpha = 0.05$; $P < 0.05$ có sự khác biệt ý nghĩa

Từ kết quả ở bảng 2.19, bằng kiểm nghiệm T – test và kiểm nghiệm Anova ta thấy không có sự khác biệt ý nghĩa về thái độ đối với nghề sư phạm giữa sinh viên

nam và sinh viên nữ; sinh viên năm thứ 1 với sinh viên năm thứ 2 và năm 3 đang theo học ngành sư phạm.

Tóm lại, Nhìn chung thái độ đối với các GTĐĐ của SV mang tính tích cực khá cao. Nổi bật là thái độ đối với gia đình và nghề sư phạm. Mặt khác, thái độ biểu hiện của SV đối với các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với thầy cô và hoạt động học tập chưa được cao. SV ngoài sư phạm có thái độ đối với các GTĐĐ tích cực hơn SVSP. SV nữ có thái độ trong học tập tích cực hơn SV nam. SV năm 3 có thái độ tích cực đối với thầy cô hơn SV năm 1 và năm 2.

2.2.4. Kết quả biểu hiện hành vi của sinh viên thông qua các tình huống cụ thể

Bảng 2.20. Tỷ lệ % đối với hành vi ứng xử tích cực trong các tình huống cụ thể

Tình huống và cách ứng xử	%	Thứ bậc
1. Khi nhận được sự khen ngợi <i>c) Một chút e thẹn và nói lời cảm ơn</i>	68.9	10
2. Khi nói lỡ lời hay làm một việc gì đó sai trái <i>c) Cảm thấy xấu hổ, ân hận và tự nhủ phải rút kinh nghiệm</i>	81.1	6
3. Khi được phân công làm việc nhóm với người mà bạn không thích <i>c) Chấp nhận làm việc chung, đây là cơ hội để 2 người hiểu nhau hơn</i>	66.9	11
4. Một bạn trong lớp đang gặp khó khăn cần sự giúp đỡ <i>b) Chủ động hỏi thăm và sẵn sàng giúp đỡ bạn</i>	70.6	9
5. Khi cha mẹ bạn bị bệnh nằm viện điều trị <i>a) Rất lo lắng, tìm mọi cách để chăm sóc cha mẹ</i>	95.5	1
6. Bạn đi sinh nhật và về trễ <i>b) Gọi điện thoại xin phép ba mẹ về trễ</i>	89.5	4
7. Đoàn trường vận động sinh viên đóng góp giúp đỡ một sinh viên trong trường đang mắc bệnh hiểm nghèo <i>a) Sẵn sàng đóng góp và vận động mọi người đóng góp theo khả năng của mình</i>	93.2	2
8. Lớp trưởng kêu gọi mọi người đăng ký tham gia chiến dịch mùa hè xanh <i>c) Hăng hái đăng ký tham gia ngay</i>	49.4	14
9. Bạn nghỉ học không phép nhiều lần, giáo viên chủ nhiệm phê bình và đề nghị nêu lý do <i>b) Nói lý do thật, xin lỗi và hứa lần sau không tái phạm nữa</i>	75.1	8

10. Khi nhận thấy giáo viên cho điểm không công bằng a) Mạnh dạn góp ý chân thành với giáo viên	56.5	13
11. Trong phòng thi, đề thi ra ngay phần bạn không học, giám thị đề c) Không quay bài nhưng sẽ hỏi bài bạn kế bên	47.5	15
12. Khi gặp một bài tập khó b) Cố gắng suy nghĩ để tìm ra cách giải cho bằng được	59.0	12
13. Khi bạn gặp một đối tượng khác có điều kiện hơn người yêu hiện tại c) Không quan tâm vì mình đã có người yêu rồi	76.6	7
14. Người yêu của bạn đang gặp khó khăn về kinh tế, buồn phiền về gia đình b) Luôn bên cạnh động viên, giúp đỡ người yêu bằng mọi cách	86.7	5
15. Bạn đang theo học ngành sư phạm, bạn bè và mọi người nói: “Học sư phạm sau này làm giáo viên nghèo, vất vả lắm!” c) Không quan tâm	86.7	5
16. Khi giảng bài trên lớp, nhiều em học sinh không hiểu b) Giảng giải lại từ từ để các em hiểu bài	92.8	3

Từ kết quả ở bảng 2.20, ta thấy trong số 16 tình huống người nghiên cứu đưa ra để khảo sát hành vi đạo đức của sinh viên thông qua việc lựa chọn cách ứng xử phù hợp trong mỗi tình huống kết quả biểu hiện các giá trị đạo đức ở hành vi của sinh viên khá cao. Có 14/16 hành vi được khảo sát có tỉ lệ sinh viên lựa chọn cách ứng xử tích cực trên 50%, trong đó có 3 hành vi trong mối quan hệ với gia đình, cộng đồng xã hội và với nghề sư phạm được đa số sinh viên lựa chọn với tỉ lệ rất cao trên 90%. Cụ thể như sau:

Ở tình huống 5 – tình huống thể hiện sự yêu thương, hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ. Kết quả thu được rất khả quan khi gần như hầu hết sinh viên (95.5%) tập trung lựa chọn cách ứng xử ở phương án a “*Rất lo lắng, tìm mọi cách để chăm sóc bố mẹ*”. Điều này cho thấy trong mối quan hệ với cha mẹ thì tình yêu thương, lòng hiếu thảo luôn ngự trị trong bản thân mỗi sinh viên không chỉ trong nhận thức, thái độ mà cả trong hành vi.

Đối với giá trị nhân ái ở tình huống 7, trong trường hợp đoàn trường vận động sinh viên đóng góp giúp đỡ một sinh viên trong trường đang mắc bệnh hiểm nghèo, kết quả thu được rất tích cực, 93.2% sinh viên lựa chọn cách xử ở phương án a “*Sẵn*

sàng đóng góp và vận động mọi người đóng góp theo khả năng của mình". Điều này cho thấy lòng yêu thương con người - giá trị nhân văn tốt đẹp ngàn đời nay của dân tộc ta vẫn được sinh viên ngày nay phát huy bằng những việc làm thiết thực và ý nghĩa. Đây là tín hiệu rất khả quan trong cuộc khảo sát này. Chính lòng nhân ái là cơ sở, nền tảng, động lực thúc đẩy sinh viên nhiệt tình hăng hái tham gia các hoạt động tình nguyện, đóng góp một phần sức trẻ của mình trong các hoạt động xã hội vì cộng đồng.

Ở tình huống 16, người nghiên cứu khảo sát sự tận tâm đối với nghề sư phạm của sinh viên đang theo học ngành sư phạm, kết quả khảo sát cho thấy một tỉ lệ rất cao sinh viên lựa chọn cách ứng xử b *"Giảng giải lại từ từ"* trong trường hợp giáo viên giảng bài mà nhiều em học sinh không hiểu. Như vậy, ở trong tình huống này sinh viên đã đặt mình vào vị thế là người thầy giáo, cô giáo và đa số SVSP đã lựa chọn cách ứng xử rất tích cực, thể hiện sự tận tâm, nhiệt huyết với nghề dạy học.

Ở tình huống 6 – đây là tình huống thường xảy ra trong cuộc sống sinh viên khi đi sinh nhật và về trễ, 89.5% sinh viên đã lựa chọn cách ứng xử b *"Gọi điện thoại xin phép ba mẹ về trễ"*. Qua tình huống này cho thấy đa số sinh viên có tinh thần trách nhiệm và trung thực với cha mẹ. Kết hợp với kết quả ở tình huống 5, ta thấy hành vi tích cực của sinh viên thể hiện cao nhất trong mối quan hệ với cha mẹ. Ở sinh viên, tình yêu thương gia đình gắn liền với tinh thần trách nhiệm, đức tính trung thực.

Với nội dung ở tình huống 15 nhằm khảo sát lòng yêu nghề của SVSP, kết quả thật khả quan khi có đến 86.7% sinh viên lựa chọn phương án c *"Không quan tâm"* đến việc người khác đánh giá về nghề sư phạm – nghề mà mình đang theo học. Kết hợp với kết quả ở tình huống 16, ta thấy hành vi của sinh viên rất tích cực trong mối quan hệ đối với nghề sư phạm. Bên cạnh đó, qua cuộc khảo sát này thấy được sự thống nhất và đánh giá cao các giá trị đạo đức đối với nghề sư phạm trong nhận thức, thái độ và hành vi của sinh viên. Đây là tín hiệu mừng và đáng ghi nhận ở các thầy cô giáo tương lai. Chính sự nhận thức đúng vai trò quan trọng của các giá trị đạo đức đối với nghề sư phạm, giáo sinh đã bày tỏ thái độ tích cực và có những hành vi tích cực đối với nghề giáo – nghề cao quý nhất trong các nghề cao quý, sáng tạo nhất trong các nghề sáng tạo.

Đối với giá trị trách nhiệm với người yếu, kết quả ở tình huống 16 cho thấy 86.7% sinh viên lựa chọn cách ứng xử tích cực ở phương án b *"Luôn bên cạnh động viên, giúp đỡ người yếu bằng mọi cách"* khi người yếu gặp khó khăn về kinh tế hay

buồn phiền về gia đình. Như vậy, phần lớn SV đã có nhận thấy trách nhiệm của hai người khi yêu nhau, hai người yêu nhau luôn là chỗ dựa tinh thần an toàn nhất cho nhau.

Ở tình huống 2, hành vi biểu hiện giá trị tự trọng đối với bản thân, kết quả khảo sát cho thấy sinh viên biểu hiện hành vi khá tích cực khi rơi vào trường hợp trên. Có đến 81.1% sinh viên lựa chọn phương án c “*Cảm thấy xấu hổ, ân hận và tự nhủ phải rút kinh nghiệm*” khi nói lời hay làm một việc gì đó sai trái. Các lựa chọn còn lại chiếm một tỉ lệ khiêm tốn 18.9%, trong đó 11.9% sinh viên lựa chọn cách ứng xử khác như nói lời xin lỗi, cảm thấy ănnăn, hối lỗi... Điều này cho thấy sinh viên biết cách cư xử, biết nhận lỗi về mình. Đây là điều đáng mừng trong việc tự nhận thức, tự giáo dục của sinh viên.

Chung thủy trong tình yêu là giá trị được sinh viên cho là quan trọng nhất trong phần nhận thức các GTĐĐ với người yêu. Kết quả tình huống ở câu thứ 15 cho thấy phần đông (76.6%) sinh viên lựa chọn cách ứng xử tích cực với việc lựa chọn phương án c “*Không quan tâm vì mình đã có người yêu rồi*” khi gặp một đối tượng khác có điều kiện hơn người yêu hiện tại. Như vậy có thể khẳng định rằng trong tình yêu đôi lứa, lòng thủy chung son sắt với người mình đã yêu luôn được đề cao hàng đầu. Tuy vậy, cũng có một số ít sinh viên dao động, hơi tiếc nuối khi gặp tình huống trên (Xem bảng 2 - phụ lục 4).

Để kiểm tra giá trị trung thực trong mối quan hệ với thầy cô giáo, tình huống thứ 9 đã đề cập đến vấn đề cũng hay xảy ra trong sinh viên đó là nghỉ học không phép và khi giáo viên chủ nhiệm làm việc và yêu cầu nêu lý do, kết quả khảo sát cho thấy phần lớn (75.1%) sinh viên lựa chọn cách ứng xử tích cực ở phương án b là “*Nói lý do thật, xin lỗi và hứa lần sau không tái phạm nữa*”. Như vậy, qua tình huống này cho thấy mức độ biểu hiện hành vi trung thực với thầy cô giáo ở sinh viên là cao. Bên cạnh đó, sinh viên cũng biết nhận lỗi và rút kinh nghiệm. Đây là biểu hiện đáng mừng vì sinh viên có ý thức, biết nhận lỗi và nói xin lỗi khi vi phạm nội quy trường lớp.

Đặt mình vào trong tình huống thứ 4, khi một bạn trong lớp đang gặp khó khăn cần sự giúp đỡ, cách ứng xử được 70.6% sinh viên lựa chọn là “*Chủ động hỏi thăm và sẵn sàng giúp đỡ bạn*”. Đây là cách ứng xử thể hiện thái độ tích cực, chủ động nhất trong tình huống này. Điều này thể hiện tinh thần tương thân tương ái với bạn bè cùng lớp của sinh viên.

Giá trị “hợp tác” là một trong những giá trị hiện đại, cần có ở sinh viên thời đại hội nhập và phát triển. Giá trị này thể hiện trong tình huống thứ 3 khi được phân công làm việc nhóm với người mà bạn không thích thì phần đông (66.9%) sinh viên lựa chọn cách ứng xử ở phương án c “*Chấp nhận làm việc chung, đây là cơ hội để 2 người hiểu nhau hơn*”. Đây là tín hiệu đáng mừng vì nhiều sinh viên đã biết cách ứng xử sao cho tốt đẹp nhất trong mối quan hệ với bạn bè trong đó vừa bao hàm sự khoan dung, chấp nhận sự khác biệt và hợp tác làm việc. Như vậy trong hai tình huống biểu hiện hành vi đối với bạn bè, phần đông sinh viên đã lựa chọn cách ứng xử tích cực, thể hiện sự yêu thương và hợp tác với bạn bè.

Giá trị “khiêm tốn” đối với chính bản thân mình thể hiện qua hành vi ở tình huống thứ 1 đã nhận được 68.9% sinh viên lựa chọn cách ứng xử tích cực nhất là “*E thẹn và nói lời cảm ơn*” khi nhận được sự khen ngợi. Qua đây cho thấy phần đông sinh viên trong cuộc khảo sát biết cách ứng xử khéo léo khi nhận được lời khen tặng. Bên cạnh đó, trong tình huống trên có 19.8% sinh viên lựa chọn cách ứng xử khá tích cực là sẽ “*Mỉm cười và thể hiện sự tự tin của mình*” khi nhận được sự khen ngợi và 11.3% sinh viên lựa chọn cách ứng xử khác như “*Nói lời cảm ơn*” khi nhận được sự khen ngợi.

Hành vi biểu hiện giá trị “kiên nhẫn” trong học tập được đưa ra ở tình huống thứ 12 và kết quả cho thấy hơn phân nửa sinh viên (59.0%) đã chọn cách ứng xử tích cực nhất trong tình huống này là “*Cố gắng suy nghĩ để tìm ra cách giải cho bằng được*” khi gặp một bài tập khó. Qua đây ta thấy phần nhiều sinh viên trong cuộc khảo sát có ý thức kiên trì, tự chủ trong việc học. Song song với đó, cũng không ít sinh viên (14.1%) không kiên trì, thể hiện qua cách ứng xử trong tình huống trên là “*Bỏ qua không làm*” và 10.7% SV lựa chọn cách ứng xử thiếu kiên nhẫn trong học tập là “*Làm qua loa cho xong, không cần biết đúng hay sai*” khi gặp bài tập khó.

Ở phần nhận thức các GTĐĐ trong mối quan hệ với thầy cô giáo ta thấy SV chưa thật chú trọng đến giá trị “thăng thấn” với thầy cô. Ở đây, hành vi thể hiện giá trị “thăng thấn” ở tình huống thứ 10 cho thấy chỉ có 56.5% sinh viên lựa chọn cách ứng xử là “*Mạnh dạn góp ý chân thành với giáo viên*” khi nhận thấy giáo viên cho điểm không công bằng. Như vậy, hơn phân nửa SV được khảo sát đã chủ động biểu hiện hành vi thăng thấn với giáo viên. Đây là điều đáng mừng trong mối quan hệ giữa SV với thầy cô giáo. Bên cạnh đó, 22% sinh viên đã chọn cách ứng xử là “*Im lặng xem*

như đó là điều không may”. Đây là cách ứng xử thụ động, không thẳng thắn với giáo viên. Mặt khác 11.6% sinh viên chọn cách ứng xử khá tiêu cực trong tình huống trên là *“Xi xào bàn tán với bạn bè, nói thầy cô thiên vị”*. Biểu hiện hành vi này vừa thiếu tôn trọng vừa không thẳng thắn với thầy cô. Và 9.9% sinh viên lựa chọn cách ứng xử khác như xem lại bài kiểm tra, gặp riêng và đề nghị giáo viên chấm lại bài...

Với tình huống 8, gần một nửa sinh viên (49.4%) lựa chọn phương án *“Hăng hái đăng ký tham gia ngay”* khi lớp trưởng kêu gọi mọi người đăng ký tham gia chiến dịch mùa hè xanh. Đây là hành vi thể hiện sự tích cực, nhiệt tình tham gia các hoạt động vì cộng đồng xã hội, tuy nhiên tỉ lệ lựa chọn hành vi này còn khiêm tốn. Trong khi đó hơn 42% sinh viên trong cuộc khảo sát lưỡng lự và từ chối không tham gia (xem bảng 2 - phụ lục 4). Như vậy, vấn đề đặt ra cho các nhà giáo dục, tổ chức đoàn hội trong và ngoài nhà trường là làm sao và bằng những biện pháp nào để kêu gọi, vận động sinh viên hy sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích của cộng đồng xã hội, nhiệt tình, hăng hái tham gia các hoạt động tình nguyện.

Một điều đáng chú ý trong số các hành vi đạo đức của sinh viên là hành vi biểu hiện giá trị trung thực trong thi cử ở tình huống 11 – Trong phòng thi, đề thi ra ngay phần mình không học, giám thị dễ. Kết quả cho thấy chỉ có 29,7% sinh viên lựa chọn cách ứng xử thể hiện đức tính trung thực trong học tập và thi cử là *“Cố gắng tự lực làm bài”*. Trong khi đó, phần đông sinh viên (47.5%) lựa chọn cách ứng xử là *“Không quay bài nhưng sẽ hỏi bài bạn kế bên”* khi ở trong tình huống trên. Điều đáng lưu tâm ở tình huống này là không ít sinh viên (12.7%) chọn cách hành xử rất tiêu cực là *“Tranh thủ quay bài khi có cơ hội”*. Qua đây cho thấy tình trạng quay bài, trao đổi bài trong khi thi vẫn tồn tại phổ biến trong sinh viên và sinh viên coi đó là việc làm bình thường, không phải là hành vi không trung thực, không đáng bị lên án, phê phán. Kết quả ở hành vi này phản ánh rất hợp lý vì ở ngay phần nhận thức các giá trị đạo đức, nhiều sinh viên đã không xem trọng sự cần thiết của giá trị trung thực trong học tập. Sinh viên Kh – năm 2 cho biết ý kiến *“Em nghĩ trong phòng thi nếu bài nào không biết làm, việc hỏi bài bạn hay chép bài của bạn cũng chẳng sao”*. Như vậy, có thể thấy ý thức trung thực trong thi cử của sinh viên còn thấp. Đây là vấn đề đặt ra cho các nhà giáo dục, cần có những biện pháp thật nghiêm minh để giáo dục và nâng cao ý thức thi cử của sinh viên.

* *Tóm lại*, biểu hiện hành vi của sinh viên thông qua việc lựa chọn cách ứng xử ở 16 tình huống nêu trên cho thấy phần lớn sinh viên đều có xu hướng lựa chọn cách ứng xử tích cực. Đa số sinh viên lựa chọn cách ứng xử tích cực nhất là trong các tình huống biểu hiện hành vi đạo đức trong mối quan hệ với gia đình. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy nhiều sinh viên có biểu hiện cách ứng xử tiêu cực trong các tình huống thể hiện hành vi đạo đức trong mối quan hệ với cộng đồng xã hội và hoạt động học tập. Cụ thể là nhiều sinh viên chưa nhiệt tình tham gia các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng, chưa trung thực trong học tập và thi cử.

2.2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị đạo đức của sinh viên trường Đại học Đồng Nai

2.2.5.1. Điểm trung bình, thứ hạng của từng yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị đạo đức của sinh viên trường Đại học Đồng Nai

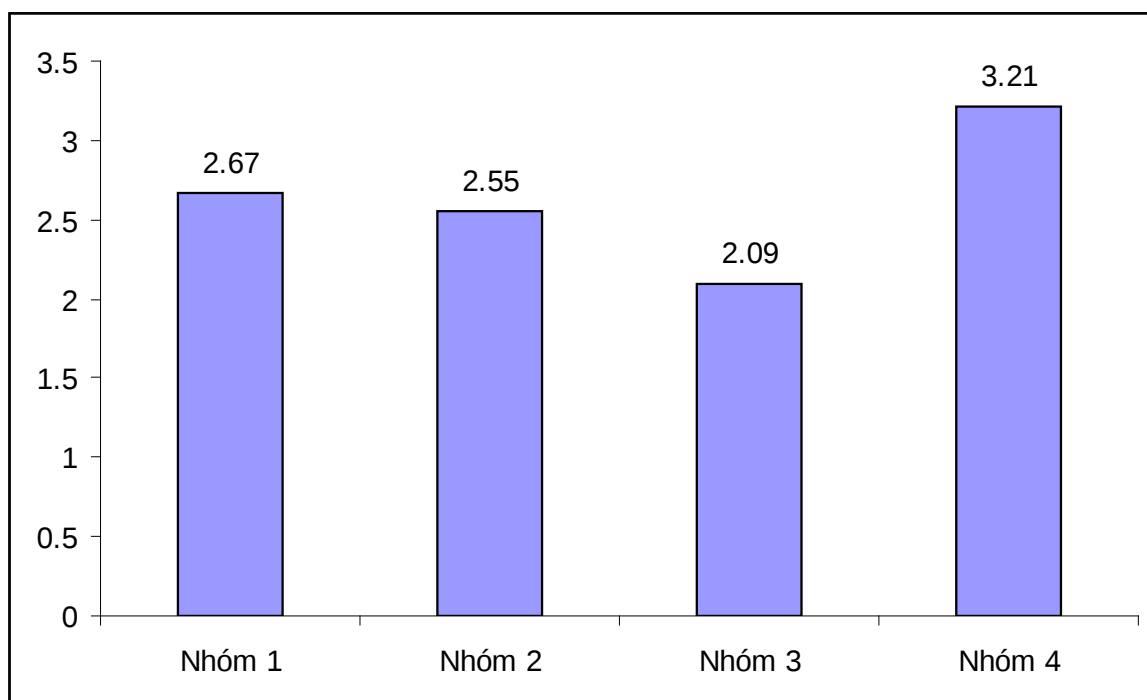
Bảng 2.21. Kết quả điểm trung bình, thứ hạng của từng yếu tố ảnh hưởng

	Yếu tố ảnh hưởng	TB	Thứ hạng	
Gia đình (Nhóm 1)	Truyền thống của gia đình, dòng họ	2.91	7	2,67 (SD=0,64)
	Lối sống, cách cư xử của những người thân	3.03	5	
	Trình độ học vấn, nghề nghiệp của cha mẹ	1.84	21	
	Điều kiện kinh tế gia đình	2.21	15	
	Sự quan tâm, dạy bảo, nhắc nhở của gia đình	3.39	2	
Nhà trường (Nhóm 2)	Yêu cầu của nghề nghiệp bạn đang học	2.88	8	2,55 (SD=0,60)
	Nề nếp, kỷ cương của nhà trường	2.69	10	
	Tấm gương, nhân cách của thầy cô giáo	2.88	8	
	Những lời dạy bảo, nhắc nhở của thầy cô, giáo viên chủ nhiệm	2.84	9	
	Sự gương mẫu của ban cán sự lớp, ban cán sự đoàn	2.08	19	
	Các hoạt động phong trào trong nhà trường	2.03	20	
	Cách sống, cách ứng xử của bạn bè trong trường, lớp	2.43	12	
Xã hội (Nhóm 3)	Lối sống, cách cư xử của hàng xóm, khu dân cư nơi bạn đang sống	2.18	17	2,09 (SD=0,66)
	Tin tức, phim ảnh trên tivi và internet...	2.19	16	
	Những gương điển hình người tốt việc tốt ở xóm ấp, khu phố địa phương	2.25	14	
	Những bài học làm người trong các cuốn sách, báo, tạp chí	2.39	13	
	Các quy định pháp luật của nhà nước, địa phương	2.55	11	
	Dư luận, đánh giá của xã hội	2.15	18	

	Lối sống gấp, sống thực dụng và cách ứng xử của một số ca sỹ, diễn viên, người nổi tiếng...	1.14	23	
	Mặt trái của kinh tế thị trường và những vấn nạn xã hội như tham nhũng, buôn lậu, làm hàng giả, cướp của giết người...	1.82	22	
Bản thân (Nhóm 4)	Tính cách của cá nhân	3.20	4	3,21 (SD=0,65)
	Mục đích, ước mơ, lý tưởng sống của mỗi người	3.0	6	
	Sự tự nhận thức, tự giáo dục và rèn luyện của mỗi người	3.23	3	
	Những trải nghiệm của bản thân trong cuộc sống	3.44	1	

0 = hoàn toàn không quan trọng, 1 = không quan trọng,

2 = bình thường, 3 = quan trọng; 4 = rất quan trọng



Biểu đồ 5. Nhóm các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng GTĐĐ

Từ kết quả bảng 2.21 và biểu đồ 5, ta thấy trong việc định hướng các giá trị đạo đức của SV trường Đại học Đồng Nai thì các yếu tố gia đình, nhà trường, xã hội và các yếu tố trong chính bản thân người SV đều có những ảnh hưởng nhất định đến sự định hướng giá trị đạo đức của SV và có điểm trung bình cao, đa số từ 1.5 trở lên. Trong đó, nhóm các yếu tố ngay trong chính **bản thân** người SV được họ đánh giá là có ảnh hưởng nhiều nhất đến định hướng giá trị đạo đức, cụ thể như: **những trải nghiệm của**

bản thân, sự tự nhận thức, tự giáo dục và rèn luyện, mục đích, ước mơ, lý tưởng sống của mỗi người. Kế đến là nhóm các yếu tố từ gia đình như lối sống, cách cư xử của những người thân, sự quan tâm, dạy bảo, nhắc nhở của gia đình.

Các yếu tố ảnh hưởng xuất phát từ phía nhà trường và xã hội được SV đánh giá ở mức độ ảnh hưởng vừa phải. Hai yếu tố SV cho rằng ít ảnh hưởng đến định hướng giá trị đạo đức của bản thân, có điểm trung bình thấp đều là 2 yếu tố trong nhóm các yếu tố xã hội. Đó là ***lối sống gấp, sống thực dụng và cách ứng xử của một số ca sỹ, diễn viên, người nổi tiếng*** (TB = 1.14) và ***mặt trái của kinh tế thị trường và những vấn nạn xã hội như tham nhũng, buôn lậu, làm hàng giả, cướp của giết người*** (TB = 1.82). Kết quả này cho thấy đây là dấu hiệu đáng mừng vì sinh viên – tầng lớp trí thức trong xã hội đã có sự chọn lọc khá tốt những tác động ảnh hưởng từ môi trường sống, từ xã hội đương đại.

Nhóm các yếu tố ảnh hưởng từ gia đình

Nhìn vào bảng 2.21, ta thấy ba yếu tố liên quan đến gia đình được SV đánh giá là có ảnh hưởng nhiều đến việc định hướng giá trị đạo đức của SV, đó là ***sự quan tâm, dạy bảo, nhắc nhở của gia đình*** (TB = 3.39); ***lối sống, cách cư xử của những người thân*** (TB = 3.03) và ***truyền thống của gia đình, dòng họ*** (TB 2.91). Như vậy, có thể thấy gia đình là môi trường giáo dục đầu tiên, những sự quan tâm, chỉ bảo, lối sống, cách cư xử, cũng như truyền thống của gia đình là những tác động liên tục, thường xuyên đến mỗi cá nhân từ khi sinh ra cho đến khi lớn lên. Chính những tác động giáo dục thường xuyên và liên tục này từ gia đình góp phần vào việc hình thành nhân cách, trong đó ảnh hưởng nhiều đến việc định hướng giá trị đạo đức của người.

Nhóm các yếu tố từ nhà trường

Người nghiên cứu đã đưa ra 7 yếu tố liên quan đến thầy cô, bạn bè, yêu cầu của nghề nghiệp, nề nếp, kỷ cương, các phong trào trong nhà trường... Kết quả cho thấy cả 7 yếu tố trên đều có ảnh hưởng ở mức độ vừa phải đến định hướng giá trị đạo đức của sinh viên. Trong đó, ***“yêu cầu của nghề nghiệp mà SV đang học”*** và ***“tấm gương, nhân cách của thầy cô giáo”*** là 2 yếu tố có điểm trung bình cao nhất (TB = 2.88) trong nhóm các yếu tố ảnh hưởng từ phía nhà trường. Điều này cho thấy tấm gương và nhân cách của thầy cô giáo trong nhà trường có những ảnh hưởng sâu đậm đến SV; đặc biệt là SV ngành sư phạm. Bởi SV sư phạm sẽ trở thành các thầy cô giáo trong tương lai, và không ít các em chia sẻ: “Chúng em sẽ học cách làm thầy, làm cô cũng như hình

thành lòng yêu nghề ngay trên giảng đường sư phạm và từ chính những người thầy, người cô mà em được học tập và làm việc”.

Trong cuộc khảo sát, yếu tố ***yêu cầu của nghề nghiệp mà sinh viên đang học*** được SVSP đánh giá là có ảnh hưởng nhiều nhất đến sinh viên, với điểm trung bình là 2.99 và 70.2% sinh viên lựa chọn mức độ ảnh hưởng nhiều và rất nhiều. Điều này cho thấy những yêu cầu của nghề sư phạm có ảnh hưởng lớn đến việc định hướng các giá trị đạo đức của sinh viên ngành sư phạm.

Bên cạnh đó, ***những lời dạy bảo, nhắc nhở của thầy cô, giáo viên chủ nhiệm*** cũng có những ảnh hưởng lớn đến việc định hướng giá trị đạo đức của sinh viên.

Nhóm các yếu tố từ xã hội

Nhìn vào bảng 2.21, ta thấy nhóm các yếu tố từ môi trường xã hội có những ảnh hưởng ở mức độ vừa phải đến việc định hướng các giá trị đạo đức của SV, với điểm trung bình dao động từ 2.55 đến 1.14.

Yếu tố có điểm trung bình cao nhất trong nhóm các yếu tố xã hội đó là ***các quy định pháp luật của nhà nước, địa phương***. Đây là dấu hiệu đáng mừng, bởi SV là tầng lớp trí thức trong xã hội, SV phải có nhận thức, có hiểu biết về các quy định pháp luật của nhà nước, địa phương nơi các em sống và học tập. Và những quy định chủ trương pháp luật của nhà nước và địa phương cũng có ảnh hưởng đến việc định hướng các giá trị đạo đức của SV.

* Trong nhóm các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến việc định hướng giá trị đạo đức của SV trường Đại học Đồng Nai, vì Đồng Nai là địa phương có đông đồng bào công giáo sinh sống và ở trường Đại học Đồng Nai có nhiều SV theo đạo công giáo nên người nghiên cứu đã đưa ra 4 yếu tố thiết nghĩ có ảnh hưởng ít nhiều đến việc định hướng giá trị đạo đức của SV. Kết quả khảo sát cho thấy các SV theo đạo công giáo đều cho rằng các yếu tố đó đều có ảnh hưởng nhiều đến định hướng giá trị đạo đức của họ. Cụ thể như:

Bảng 2.22. Kết quả điểm TB các yếu tố tôn giáo ảnh hưởng đến định hướng GTĐĐ

Yếu tố	TB	Tỉ lệ lựa chọn mức độ “ảnh hưởng nhiều”
Kiến thức học được từ các khoá học ở nhà thờ	3.05	75.1%
Những lời dạy bảo và nhân cách của người cha xứ, các sơ	3.03	73.5%
Các buổi sinh hoạt tập thể, hoạt động cộng đồng ở nhà thờ	2.88	67.7%
Lối sống, cách ứng xử giữa người với người trong cộng đồng giáo dân	2.60	54%

Nhìn vào bảng kết quả trên ta thấy: đối với SV có đạo công giáo, các em cho rằng ***các kiến thức học được từ các khoá học ở nhà thờ*** đã ảnh hưởng rất nhiều đến việc định hướng giá trị đạo đức của các em với điểm trung bình là 3.05 và 75.1% SV lựa chọn mức độ ảnh hưởng nhiều và rất nhiều. Nhiều SV cho rằng việc tham gia các lớp học giáo lý ngay từ bé đã trang bị cho các em nhiều kiến thức, giúp các em sống tốt, sống có đạo đức. SV L chia sẻ: “Em được học giáo lý ngay từ nhỏ. Các kiến thức em học được từ các lớp giáo lý đã ảnh hưởng nhiều đến cách sống, cách suy nghĩ của em, giúp em sống tốt với mọi người”.

Song song với đó, 73.5% SV công giáo cho rằng ***những lời dạy bảo, nhân cách của người cha xứ và các sơ*** có ảnh hưởng nhiều và rất nhiều đến việc định hướng giá trị đạo đức của họ, với điểm trung bình của yếu tố này cao (TB = 3.03). Một tỉ lệ khá cao (67.7%) SV theo đạo công giáo trong cuộc khảo sát cho là ***các buổi sinh hoạt tập thể, hoạt động cộng đồng ở nhà thờ*** cũng có ảnh hưởng nhiều và rất nhiều đến việc định hướng giá trị đạo đức của họ (TB = 2.88).

Bên cạnh đó, hơn phân nửa SV có đạo công giáo thừa nhận ***lối sống, cách ứng xử giữa người với người trong cộng đồng giáo dân*** đã ảnh hưởng nhiều và rất nhiều đến việc định hướng giá trị đạo đức của họ (TB = 2.60).

Tóm lại, đối với SV công giáo, các yếu tố liên quan đến các hoạt động của nhà thờ, nhân cách của người cha xứ, các sơ và cách sống của đồng bào giáo dân có ảnh hưởng đến việc định hình nhân cách của các em nói chung và định hướng các giá trị đạo đức nói riêng.

Nhóm các yếu tố trong bản thân sinh viên

Đây là nhóm các yếu tố quan trọng nhất và được SV trong cuộc khảo sát đánh giá là có ảnh hưởng nhiều nhất đến định hướng giá trị đạo đức của họ. SV – chủ thể của hoạt động định hướng GTĐĐ, chính họ chủ động nhận thức, lựa chọn các giá trị đạo đức phù hợp với bản thân mình.

Kết quả khảo sát cho thấy 86.8% SV cho rằng ***những trải nghiệm của bản thân trong cuộc sống*** có ảnh hưởng nhiều nhất đến định hướng giá trị đạo đức (TB=3.44). Đây là yếu tố có điểm trung bình cao nhất trong số 28 yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị đạo đức của SV. Yếu tố “*Sự tự nhận thức, tự giáo dục và rèn luyện của mỗi người*” được 78.8% SV lựa chọn ở mức độ ảnh hưởng nhiều và rất nhiều đến việc định hướng giá trị đạo đức của họ và có điểm trung bình rất cao (TB = 3.23).

Bên cạnh đó, ***tính cách của cá nhân, mục đích, ước mơ, lý tưởng sống của mỗi người*** cũng được đa số sinh viên đánh giá là có nhiều ảnh hưởng đến việc lựa chọn các giá trị đạo đức của SV với điểm trung bình khá cao 3.20 và 3.0.

Như vậy, đa số sinh viên – chủ thể của hoạt động lựa chọn các giá trị đạo đức đều cho rằng những trải nghiệm của bản thân, sự tự nhận thức, tự giáo dục và rèn luyện, tính cách, ước mơ, lý tưởng sống của mỗi người có ảnh hưởng rất lớn đến việc nhận thức, chọn lọc, đào thải hay tiếp nhận các giá trị đạo đức phù hợp với mình.

2.2.5.2. So sánh điểm trung bình các nhóm yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị đạo đức của sinh viên theo giới tính, ngành học và năm học

Bảng 2.23. Kết quả so sánh điểm trung bình các nhóm yếu tố ảnh hưởng xét theo giới tính, ngành học và năm học

Nhóm SV yếu tố ảnh hưởng		Giới tính		Ngành học		Năm học		
		Nam	Nữ	Sư phạm	Ngoài SP	1	2	3
Gia đình	TB	2.68	2.67	2.60	2.75	2.59	2.81	2.61
	Test	T=2.518;P=0.113		T = 2.614;P = 0.107		F = 4.629; P = 0.010		
Nhà trường	TB	2.53	2.56	2.53	2.57	2.53	2.57	2.54
	Test	T=0.353;P=0.553		T = 0.795;P = 0.373		F = 0.167; P = 0.846		
Xã hội	TB	2.08	2.09	2.02	2.16	2.04	2.18	2.05
	Test	T=2.067;P=0.151		T = 414;P = 0.520		F = 1.586; P = 0.206		
Bản thân	TB	3.20	3.22	3.16	3.26	3.30	3.19	3.13
	Test	T=0.625;P=0.430		T = 0.855;P = 0.356		F = 1.931; P = 0.146		

Với mức xác suất $\alpha = 0.05$; $P < 0.05$ có sự khác biệt ý nghĩa

Từ kết quả kiểm nghiệm ở bảng 2.23, ta thấy chỉ duy nhất có sự khác biệt ý nghĩa ở nhóm yếu tố gia đình xét theo năm học của sinh viên. Bằng kiểm nghiệm Anova, so sánh từng cặp ta thấy sự khác biệt rõ và chủ yếu ở nhất diễn ra ở SV năm 1 với SV năm 2 và giữa SV năm 2 với SV năm 3. Dựa trên điểm trung bình ta thấy SV năm 2 có điểm trung bình cao nhất nên có thể khẳng định định hướng GTĐĐ của sinh viên năm 2 trường ĐH Đồng Nai chịu ảnh hưởng của yếu tố gia đình nhiều hơn sinh viên năm 1 và sinh viên năm 3.

2.3. Các biện pháp giáo dục định hướng giá trị đạo đức cho sinh viên trường Đại học Đồng Nai

2.3.1. Cơ sở đề xuất giải pháp

* Từ việc nghiên cứu cơ sở lý luận giá trị, định hướng giá trị đạo đức của sinh viên được trình bày ở chương 1, người nghiên cứu lưu tâm đến các vấn đề sau đây như là cơ sở cho việc định hướng giá trị đạo đức của sinh viên trường Đại học Đồng Nai:

- Sự định hướng giá trị đạo đức ở mỗi sinh viên đều trải qua các quá trình cơ bản như chọn lựa các giá trị đạo đức, cân nhắc - đánh giá tầm quan trọng của giá trị đạo

đức đó đối với bản thân và hành động theo giá trị đạo đức mà bản thân mỗi người lựa chọn.

- Định hướng giá trị đạo đức của mỗi cá nhân do chính cá nhân quyết định. Chính cá nhân là chủ thể lựa chọn, cân nhắc - đánh giá và hành động theo giá trị đạo đức mà mình lựa chọn, áp dụng và tâm niệm. Tuy nhiên, định hướng giá trị đạo đức của mỗi người bao giờ cũng bị ảnh hưởng, chịu sự chi phối bởi sự định hướng giá trị đạo đức của xã hội tại một thời điểm, một giai đoạn lịch sử nhất định.

- Sự lựa chọn các giá trị đạo đức của cá nhân bị chi phối, chịu sự tác động thường xuyên của các yếu tố như gia đình, nhà trường, xã hội, đặc biệt là sự tự nhận thức, tự đánh giá và tự giáo dục ở bản thân mỗi người.

* Từ kết quả nghiên cứu thực trạng định hướng giá trị đạo đức được trình bày ở chương 2, người nghiên cứu đặc biệt quan tâm, lưu ý đến các nội dung sau:

- Sự lựa chọn các giá trị đạo đức của sinh viên theo chiều hướng tích cực và được thể hiện ở trên cả ba phương diện nhận thức, thái độ và hành vi.

- Sinh viên không chỉ quan tâm và đánh giá cao các giá trị truyền thống ngàn đời nay của dân tộc mà còn quan tâm đến các giá trị đạo đức hiện đại trong các mối quan hệ, trong học tập và nghề nghiệp.

- Tuy nhiên, qua việc khảo sát điều tra bằng bảng hỏi, qua phỏng vấn và qua thực tế quan sát việc lựa chọn giá trị đạo đức của sinh viên, người nghiên cứu nhận thấy ở một số sinh viên còn có nhận thức, thái độ và hành vi đạo đức tiêu cực như không trung thực trong học tập và thi cử, không có chí cầu tiến, thiếu sự nhiệt tình tham gia các hoạt động xã hội, thiếu niềm tin vào chế độ, chưa khiêm tốn trong mối quan hệ với bạn bè, thiếu sự quan tâm đối với thầy cô và còn ỷ lại, lệ thuộc nhiều vào thầy cô trong quá trình học tập và rèn luyện.

Từ chính cơ sở lý luận và thực trạng trên, người nghiên cứu đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả việc giáo dục định hướng các giá trị đạo đức cho sinh viên Đại học Đồng Nai.

2.3.2. Các biện pháp giáo dục định hướng giá trị đạo đức cho sinh viên trường Đại học Đồng Nai

a/ Ở nhà trường

Mục tiêu giáo dục trong nhà trường là đào tạo con người phát triển toàn diện về nhân cách, có đạo đức, tri thức, sức khoẻ, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, ở nhà trường bên cạnh việc giảng dạy để trang bị kiến thức, rèn luyện kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cho SV, cần tổ chức các hoạt động, các phong trào nhằm giáo dục, tác động đến việc lựa chọn các giá trị đạo đức của sinh viên.

Tổ chức Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trong nhà trường phối hợp cùng nhau tổ chức các hoạt động, các phong trào thể hiện lòng nhân ái như: Hiến máu nhân đạo, Mùa hè xanh, Ngày thứ 7 tình nguyện đến với các em khuyết tật ở Cô nhi viện Đồng Nai...

Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức vào các ngày lễ lớn trong năm như: Ngày truyền thống học sinh – sinh viên (9/1), ngày thành lập Đảng (3/2), ngày quốc tế phụ nữ (8/3), ngày thành lập Đoàn (26/3), ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng (30/4), Ngày thương binh liệt sĩ (27/7), ngày nhà giáo Việt Nam (20/11),... nhằm ôn lại truyền thống tốt đẹp của dân tộc, giáo dục các giá trị đạo đức cao đẹp cho sinh viên.

Ở mỗi chi đoàn, ở các khoa và trong nhà trường thành lập các câu lạc bộ học tập như câu lạc bộ thơ văn, câu lạc bộ lịch sử, câu lạc bộ toán học vui, câu lạc bộ hoá học lý thú, câu lạc bộ ứng dụng vật lý, câu lạc bộ nhà quản trị trẻ,... nhằm tạo sân chơi lành mạnh cho các bạn sinh viên yêu thích khoa học, sáng tạo, gắn lý thuyết được học với thực tiễn và góp phần hình thành ở sinh viên một số kỹ năng mềm trong quá trình sinh hoạt câu lạc bộ như kỹ năng tổ chức, kỹ năng hợp tác, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng kiềm chế cảm xúc...

Bên cạnh các câu lạc bộ học thuật nêu trên, trong nhà trường có thể thành lập câu lạc bộ sống đẹp, câu lạc bộ thanh niên xung kích, câu lạc bộ bạn trẻ và kỹ năng sống, câu lạc bộ giá trị sống nhằm giáo dục các giá trị đạo đức nhân văn, góp phần hình thành các kỹ năng sống, các giá trị sống tốt đẹp cho sinh viên. Không những thế, nhà trường cũng cần tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, các buổi sinh hoạt kỹ năng sống để cung cấp kịp thời những tri thức đạo đức, các kỹ năng cần thiết đến sinh

viên.

Song song với đó, ở các chi đoàn, đoàn khoa và đoàn trường hình thành các quỹ nhân ái như quỹ vòng xoay tình bạn, quỹ hy vọng, quỹ hoa hướng dương... nhằm thể hiện giá trị tốt đẹp của người Việt Nam - tinh thần tương thân tương ái, tương trợ, giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn hoạn nạn.

Tổ chức các cuộc thi, hội trại về nguồn, về chiến trường xưa, về với chiến khu D, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa như thăm hỏi các bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình có công với cách mạng, dâng hương thắp nến nghĩa trang liệt sĩ... nhằm tuyên truyền, giáo dục các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc, nhắc nhở thế hệ trẻ hướng về cội nguồn, biết ơn các thế hệ đi trước, trân trọng và giữ gìn nền độc lập hoà bình ngày nay.

Giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc thông qua các hoạt động như: Góp đá xây Trường Sa, Vì biển đảo quê hương, Vì biên cương tổ quốc... Bên cạnh đó, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử dân tộc, tìm hiểu các nhân vật lịch sử gắn liền với vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai 310 năm hình thành và phát triển...

Phòng công tác sinh viên phối hợp với nhà trường tuyên truyền phổ biến chủ trương chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước, giáo dục chính trị tư tưởng, lý tưởng nghề nghiệp cho sinh viên thông qua các buổi sinh hoạt chính trị đầu năm, qua loa phát thanh của trường, qua bảng tin Đoàn – Hội trong nhà trường, qua website trường... Bên cạnh đó, phòng công tác sinh viên phối hợp với ban quản lý ký túc xá tổ chức các hoạt động trong ký túc xá như xây dựng ký túc xá xanh sạch, văn minh; các đội bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, các nhóm học tập, đội văn nghệ xung kích... nhằm xây dựng và tạo môi trường sống lành mạnh trong sinh viên.

Trong nhà trường đầu tư xây dựng tạp chí khoa học của trường nhằm khơi gợi và phát huy khả năng nghiên cứu khoa học, sáng tạo kỹ thuật trong sinh viên.

Nhà trường cần tổ chức biên tập và cho ra mắt tờ *Tạp san sinh viên trường Đại học Đồng Nai*, xuất bản hàng tháng hoặc hàng quý với nội dung biểu dương các gương người tốt việc tốt, các tấm gương sáng về học tập, rèn luyện, nghị lực vượt khó trong SV; đăng các bài nghiên cứu khoa học, các sáng tác văn thơ, truyện ngắn, bút ký đặc sắc của SV... nhằm tạo sân chơi bổ ích, giáo dục các giá trị đạo đức tốt đẹp trong sinh viên.

Nhà trường, cụ thể là đoàn trường cần phải ghi nhận, khen thưởng, biểu dương kịp thời các tấm gương người tốt việc tốt trong sinh viên, các đoàn khoa, các chi đoàn,

đoàn viên gương mẫu, có nhiều sáng kiến, tích cực hoạt động phong trào để nhân rộng ra toàn trường. Đồng thời, cần lên án, phê phán những cá nhân có nhận thức, thái độ và hành vi đạo đức tiêu cực thông qua bảng tin Đoàn – Hội, loa phát thanh.

Riêng đối với sinh viên đang theo học ngành sư phạm cần tổ chức tốt các hoạt động rèn luyện kỹ năng sư phạm, các hội thi thiết kế giáo án điện tử, hội thi nghiệp vụ sư phạm... và thông qua các môn học nghiệp vụ sư phạm, qua các đợt kiến tập, thực tập nhằm để SV trải nghiệm các giá trị đạo đức, giáo dục lòng yêu nghề, yêu trẻ, góp phần hình thành thế giới quan và lý tưởng đào tạo thế hệ trẻ cho giáo sinh của trường.

Tóm lại, để sinh viên nhiệt tình, tích cực hăng hái tham gia các hoạt động xã hội, nhà trường cần phát động nhiều phong trào, tăng cường vận động sinh viên tham gia bằng nhiều hình thức đa dạng, hấp dẫn. Trong đó nêu bật được sự cần thiết của sinh viên đối với cộng đồng cũng như ý nghĩa của công việc mà họ sẽ làm. Thiết nghĩ những việc làm trên đều hướng sinh viên vào các hoạt động lành mạnh, tạo điều kiện cho sinh viên giao lưu với bạn bè, qua đó sinh viên dễ dàng bộc lộ những phẩm chất đạo đức của mình, góp phần làm cho sinh viên có điều kiện trải nghiệm cuộc sống. Từ đó giúp họ củng cố những tri thức đạo đức đã được học ở nhà trường.

Kết quả nghiên cứu thực trạng định hướng giá trị đạo đức cho thấy sinh viên đánh giá thấp giá trị trung thực trong học tập. Hiện tượng thiếu trung thực trong học tập và thi cử ngày càng trở nên phổ biến trong sinh viên. Vì vậy, thiết nghĩ để chấn chỉnh điều này nhà trường cần tổ chức các kỳ thi thật nghiêm túc và chặt chẽ, giám thị coi thi phải nghiêm. Bên cạnh đó, cần phải có những đổi mới trong việc dạy và học, kiểm tra thi cử. Nhà trường nên thường xuyên có những đợt bồi dưỡng phương pháp giảng dạy cho giáo viên nhằm phát huy tính tích cực, năng động, sáng tạo ở người học, hạn chế lối học từ chương và lối kiểm tra chỉ thiên về lý thuyết thiếu tính ứng dụng. Ngoài ra cần có nhiều hình thức kiểm tra đa dạng như thuyết trình, vấn đáp, làm tiểu luận cá nhân, bài tập nhóm... để làm giảm bớt phần nào áp lực thi cử; đồng thời xử lý nghiêm minh những sinh viên vi phạm quy chế thi, không trung thực trong học tập và thi cử.

b/ Ở gia đình

Kết quả nghiên cứu cho thấy giáo dục gia đình có ảnh hưởng rất lớn đến định hướng giá trị đạo đức của sinh viên trường Đại học Đồng Nai. Những tác động của gia đình đến mỗi người được thực hiện ngay từ khi còn nhỏ, những bài học đạo đức từ chính các thành viên trong gia đình thấm sâu và theo trẻ đến suốt cuộc đời. Chính vì lẽ

đó, cần có những biện pháp xây dựng gia đình ổn định, ấm no, hạnh phúc, nâng cao chất lượng cuộc sống, phát triển tâm lý cá nhân.

Xây dựng gia đình văn hoá, trong đó ông bà cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, mọi thành viên trong gia đình sống hoà thuận, yêu thương, đoàn kết, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau.

Ông bà, cha mẹ, đặc biệt là người có uy tín trong gia đình, họ tộc thường xuyên trò chuyện với con cháu về các giá trị đạo đức; đồng thời uốn nắn và điều chỉnh kịp thời những hành vi, biểu hiện vô đạo đức ở con trẻ.

Các bậc phụ huynh nên tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi của con mình, cũng như những phương pháp giáo dục con tích cực. Bên cạnh đó, hàng ngày nên dành thời gian quan tâm đến việc học tập của con, lắng nghe những suy nghĩ của con trẻ để kịp thời uốn nắn và giáo dục trẻ.

Gia đình động viên, khuyến khích và tạo điều kiện để con tham gia các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động xã hội, từ thiện trong và ngoài nhà trường.

c/ Xã hội

Khi càng lớn lên, trẻ càng gia nhập nhiều vào các mối quan hệ xã hội và những ảnh hưởng, tác động từ xã hội đến đứa trẻ cũng không nhỏ.

Trong mỗi khu phố, xóm ấp cần phát động xây dựng khu phố, ấp văn hoá, không tệ nạn xã hội, bà con hàng xóm gần gũi, đoàn kết, tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau nhằm tạo môi trường sống trong sạch, lành mạnh và an toàn cho trẻ.

Luật pháp cần nghiêm minh, trừng trị thích đáng những hành vi vô đạo đức trong xã hội. Đồng thời xử lý công khai, nghiêm minh các vụ việc tham nhũng, buôn lậu, cờ bạc, mại dâm... có liên quan đến cán bộ công chức nhà nước để tạo niềm tin cho nhân dân nói chung và thế hệ trẻ nói riêng vào sự lãnh đạo của Đảng, pháp luật của Nhà nước và địa phương.

Cần tuyên dương và nhân rộng các gương điển hình người tốt việc tốt ở xóm, ấp, khu phố địa phương. Tạo những luồng dư luận tốt trong cộng đồng dân cư.

Các cấp chính quyền ở địa phương nên tạo điều kiện cho các chi hội phụ nữ mở rộng hoạt động của mình bằng nhiều hình thức thiết thực như giao lưu với các gia đình văn hoá hiếu học tiêu biểu; tổ chức các buổi toạ đàm chia sẻ kinh nghiệm xây dựng gia đình hạnh phúc, các buổi báo cáo chuyên đề, mời các chuyên gia Tâm lý – Giáo dục

đến nói chuyện để mọi gia đình, mọi bậc cha mẹ đều tìm cho mình phương pháp giáo dục con cái hiệu quả.

Bên cạnh đó, các cơ quan ban ngành trong xã hội cần tổ chức kiểm tra nghiêm túc và chặt chẽ những luồng văn hóa phương Tây đang du nhập vào nước ta để có những biện pháp ngăn chặn kịp thời những giá trị tiêu cực, tạo hàng rào văn hóa an toàn cho thế hệ trẻ Việt Nam tránh những ảnh hưởng tiêu cực của văn hoá ngoại lai. Đồng thời các cơ quan chức năng cần tăng cường quản lý chặt chẽ hoạt động kinh doanh mạng, trò chơi điện tử, karaoke, vũ trường, quán bar,... để ngăn chặn kịp thời những hoạt động không lành mạnh trong giới trẻ.

Cần tận dụng tối đa thế mạnh của các phương tiện thông tin đại chúng như tivi, báo đài để giáo dục các giá trị đạo đức cho sinh viên thông qua các tờ báo như “Sinh viên Việt Nam”, “Mực tím”, “Hoa học trò”,...; thông qua các chương trình truyền hình như: “Sống đẹp”, “Khoảnh khắc kỳ diệu”, “Rung chuông vàng”, “SV 2012”, “Truyền hình thanh niên”, “Truyền hình nhân đạo”, “Thắp sáng ước mơ”, “Ngôi nhà mơ ước”, “Vượt lên chính mình”, “Đèn đom đóm”, “Trái tim cho em” ...

Phát huy tính tích cực, ý nghĩa giáo dục đạo đức của các hoạt động ở nhà thờ, các sinh hoạt tập thể, hoạt động tình nguyện trong cộng đồng giáo dân, sự gương mẫu chuẩn mực của các vị cha xứ, các sơ. Vì thực tế khảo sát cho thấy các yếu tố trên ảnh hưởng rất lớn đối với SV công giáo hiện đang học tập tại trường Đại học Đồng Nai.

d/ Bản thân sinh viên

Trong các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị đạo đức của sinh viên trường Đại học Đồng Nai, yếu tố tự ý thức, tự giáo dục ở bản thân mỗi người đóng vai trò quan trọng nhất. Vì thế, mỗi sinh viên cần:

Xác định mục tiêu học tập, xây dựng kế hoạch học tập, kế hoạch tương lai, đề ra những yêu cầu cao để bản thân phấn đấu học tập và rèn luyện ngay khi còn ngồi trên ghế giảng đường; nâng cao ý thức học tập, ý thức thi cử và ý thức tham gia các hoạt động xã hội.

Cần cù, kiên trì trong việc học, nghiêm túc trong thi cử; khiêm tốn – biết mình biết ta trong các mối quan hệ, tránh thái độ tự cao tự đại hay quá tự ti về bản thân mình.

Tích cực, độc lập, tự chủ, sáng tạo hơn trong việc học. Dành nhiều thời gian cho việc tự học, tự nghiên cứu sách báo, tài liệu trên thư viện và internet, tham gia tích cực hoạt động nhóm để rèn luyện tính hợp tác, tinh thần làm việc nhóm...

Sắp xếp thời gian học tập làm việc, rèn luyện thể dục thể thao, giải trí một cách hợp lý, khoa học.

Hăng hái, nhiệt tình tham gia các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động câu lạc bộ, đội nhóm, các hoạt động xã hội, tình nguyện vì cộng đồng ở trong ký túc xá, ở nhà trường, ở địa phương xóm ấp, nhà thờ để bản thân mỗi sinh viên được trải nghiệm những giá trị đạo đức trong thực tế cuộc sống để những giá trị ấy trở nên sâu sắc và cụ thể hơn.

*** Tiểu kết chương 2**

Từ kết quả nghiên cứu thực trạng định hướng các giá trị đạo đức của sinh viên trường ĐH Đồng Nai, ta thấy đa số sinh viên được khảo sát đều nhận thấy ý nghĩa của các GTĐĐ đối với cuộc sống. Và họ cũng nhận thấy sự cần thiết của các giá trị đạo đức đối với bản thân và xã hội.

Sinh viên có nhận thức khá đầy đủ các giá trị đạo đức trong các mối quan hệ, trong học tập và đối với nghề sư phạm. Nổi bật là nhận thức các GTĐĐ đối với nghề sư phạm và học tập. Trong nhận thức đạo đức của SV, bên cạnh việc nhấn mạnh đề cao các GTĐĐ truyền thống, nhiều SV đã nhận thấy tầm quan trọng của các giá trị hiện đại như tự tin, năng động, sáng tạo, độc lập...

Sinh viên biểu hiện thái độ đối với các GTĐĐ khá tích cực, đặc biệt là thái độ đối với gia đình và nghề sư phạm. Kết quả khảo sát cũng cho thấy phần lớn sinh viên lựa chọn các hành vi ứng xử tích cực, đặc biệt là các hành vi đối với gia đình.

Qua cuộc khảo sát này, ta thấy có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến định hướng GTĐĐ của sinh viên trường ĐH Đồng Nai, quan trọng nhất vẫn là yếu tố bản thân sinh viên. Riêng đối với sinh viên công giáo, kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố liên quan đến tôn giáo cũng có ảnh hưởng nhiều đến định hướng giá trị đạo đức của họ.

Có nhiều biện pháp từ phía gia đình, nhà trường, xã hội nhằm góp phần giáo dục định hướng các giá trị đạo đức tốt đẹp, nâng cao nhận thức, thái độ và hành vi đạo đức cho sinh viên trường Đại học Đồng Nai.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

* Kết luận

Việc tìm hiểu thực trạng định hướng giá trị đạo đức của SV trường Đại học Đồng Nai trong giai đoạn hiện nay khi trường vừa được nâng cấp lên thành đại học đa ngành và đang chú trọng xây dựng thương hiệu, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo SV là việc làm vô cùng cần thiết. Đây là những cơ sở quan trọng để nhà trường nắm bắt diễn biến tâm lý - đời sống tinh thần của SV hiện nay. Từ đó rút ra những cơ sở khoa học cần thiết trong việc giáo dục SV nói chung và giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống cho SV nói riêng.

Kết quả nghiên cứu thực trạng lựa chọn các giá trị đạo đức của SV trường Đại học Đồng Nai trong giai đoạn hiện nay cho phép người nghiên cứu rút ra các kết luận sau:

Một là, sự lựa chọn các giá trị đạo đức - nhân văn của SV trường Đại học Đồng Nai chưa rõ ràng, chưa thống nhất và còn nhiều dao động. Bên cạnh việc đề cao các giá trị đạo đức truyền thống, SV còn đánh giá cao các giá trị hiện đại. Trong việc lựa chọn các giá trị cụ thể, SV chưa quan tâm đúng mức đến các giá trị hướng đến cộng đồng, các giá trị đạo đức trong quan hệ bạn bè và đối với bản thân. Không có sự khác biệt trong việc lựa chọn các giá trị đạo đức của SV khi so sánh trên phương diện giới tính, ngành học và năm học.

Hai là, khi so sánh kết quả lựa chọn các giá trị đạo đức trong nhận thức, thái độ và hành vi ta thấy ở một bộ phận SV chưa có sự thống nhất giữa nhận thức – thái độ và hành vi đạo đức. Về mặt hành vi, biểu hiện của sự lựa chọn các giá trị đạo đức không đồng đều, hành vi đối với cộng đồng xã hội và học tập chưa tích cực.

Ba là, có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị đạo đức của sinh viên, trong đó yếu tố gia đình có ảnh hưởng rõ rệt và yếu tố tự ý thức, tự giáo dục trong bản thân cá nhân sinh viên là yếu tố quan trọng quyết định. Vì lẽ đó, trong công tác giáo dục các giá trị đạo đức cho sinh viên, cần chú trọng đến yếu tố gia đình, nhằm tạo ra sự phối hợp đồng bộ giữa ba lực lượng giáo dục: gia đình – nhà trường – xã hội. Bên cạnh đó, điều quan trọng hơn hết là tác động vào nhận thức, tình cảm và hành vi của sinh viên để họ tự tu dưỡng, tự giáo dục và rèn luyện bản thân.

Bốn là, có nhiều biện pháp giáo dục định hướng các giá trị đạo đức của SV; đặc biệt là thông qua các hoạt động giáo dục trong nhà trường, các hoạt động ngoại khóa,

hoạt động tình nguyện vì cộng đồng xã hội, hoạt động của các câu lạc bộ học thuật, các đội nhóm kỹ năng sống, giá trị sống...

Như vậy, với bốn kết luận nêu trên các nhiệm vụ của đề tài đã được hoàn thành, các giả thuyết khoa học cũng đã được chứng minh.

Hướng phát triển của đề tài là sẽ mở rộng phạm vi nghiên cứu và tiến hành thực nghiệm các biện pháp giáo dục định hướng giá trị đạo đức ở một bộ phận SV nói riêng và giới trẻ nói chung.

*** Kiến nghị**

1. Đối với Bộ giáo dục - đào tạo

- Cần xây dựng một mô hình nhân cách chuẩn mực, một thang giá trị chuẩn và rõ ràng để định hướng các giá trị đạo đức cho sinh viên.
- Chú trọng giáo dục các giá trị đạo đức bị xem nhẹ, tạo sự cân bằng hài hòa giữa thang giá trị xã hội và thang giá trị của cá nhân sinh viên.
- Có thể chỉ đạo triển khai công tác giáo dục các giá trị đạo đức cho sinh viên ở các trường Cao đẳng - Đại học để SV định hướng các giá trị đạo đức tích cực hơn.

2. Đối với trường Đại học Đồng Nai

- Cần quan tâm nhiều hơn đến việc triển khai công tác giáo dục các giá trị đạo đức trong nhà trường để đảm bảo cho sinh viên có định hướng đạo đức đúng, tích cực.
- Có thể áp dụng nhiều biện pháp tác động trong quá trình giáo dục sinh viên; đặc biệt là lồng ghép vào chương trình giáo dục chính trị đầu năm cũng như những chương trình ngoại khóa, các hoạt động giáo dục, các môn học trong nhà trường.
- Cần thực hiện công tác giáo dục định hướng GTĐĐ cho SV bằng nhiều hình thức đa dạng - phong phú và hấp dẫn, phù hợp với điều kiện hiện có của trường cũng như đặc thù của từng khoa, từng ngành nghề đào tạo; đặc biệt cần chú ý đến nhu cầu, nguyện vọng, sở thích và những mong đợi của sinh viên về phong trào Đoàn – Hội.
- Phổ biến quy trình và tiến hành đánh giá điểm rèn luyện sinh viên một cách chặt chẽ, bày bản, cụ thể hơn.
- Tăng cường sự giám sát, xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm kỷ luật, kỷ cương của nhà trường ở sinh viên cũng như cán bộ viên chức.
- Nhà trường cần xây dựng chiến lược cụ thể, rõ ràng hơn trong việc quản lý, việc giáo dục định hướng giá trị đạo đức, lối sống lành mạnh cho sinh viên nội trú và ngoại trú.

3. Đối với các tổ chức khác

- Đoàn thanh niên - Hội sinh viên cần đẩy mạnh những phong trào giáo dục sinh viên hướng về cộng đồng, biết quan tâm đến những giá trị đạo đức bằng những chương trình có chiều sâu và chiều rộng. Bên cạnh đó, cần nâng cao ý thức thi cử trong sinh viên bằng việc cho sinh viên ký cam kết không vi phạm quy chế thi ngay từ đầu mỗi năm học và xử lý nghiêm minh các trường hợp sinh viên vi phạm quy chế thi.

- Cần tạo ra những hiệu ứng tích cực lan tỏa trong sinh viên để chính sinh viên sẽ có những tác động lẫn nhau, góp phần hình thành và hướng đến các giá trị đạo đức tốt đẹp trong cuộc sống; hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực trong đạo đức lối sống hiện nay của sinh viên, cũng như những tác động tiêu cực từ xã hội. Từ đó thúc đẩy quá trình điều chỉnh và tự điều chỉnh, giáo dục và tự giáo dục để sinh viên thực sự chú trọng đến những giá trị đạo đức trong định hướng lối sống của mình.

- Mỗi gia đình cần nâng cao ý thức trong việc giáo dục định hướng giá trị đạo đức cho sinh viên bằng việc xây dựng gia đình nề nếp văn hoá, gia đình hiếu học, ông bà cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền...

- Hệ thống pháp luật của nhà nước cần nghiêm minh và chặt chẽ hơn. Các cơ quan ban ngành trong xã hội cần phát huy tối đa vai trò quản lý của mình, hạn chế các vụ việc tiêu cực, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, trái với đạo đức thuần phong mỹ tục của dân tộc. Bên cạnh đó, báo chí cũng như các phương tiện thông tin đại chúng bên cạnh việc đưa các tin tức, vụ việc tiêu cực, cần có nhiều tin bài về các tấm gương người tốt việc tốt, gương sáng đời thường để tránh những ảnh hưởng tiêu cực đến nhận thức, tình cảm, niềm tin của sinh viên nói riêng, cũng như giới trẻ nói chung vào xã hội đương đại. Thêm vào đó là nên có nhiều chương trình, nhiều chương mục, nhiều hoạt động thiết thực bổ ích, có chiều sâu nhằm giáo dục đạo đức, lối sống đẹp cho sinh viên nói riêng và mọi người nói chung.

- Bản thân mỗi sinh viên cần xây dựng mục tiêu học tập và rèn luyện cụ thể. Cần nâng cao ý thức tự giác học tập, tự giáo dục, tự tu dưỡng rèn luyện bản thân, nghiêm túc trong thi cử, tích cực, nhiệt tình, hăng hái tham gia các hoạt động trong gia đình, ở nhà trường và ngoài xã hội để họ được trải nghiệm những giá trị đạo đức trong chính những hoạt động thường ngày của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Anh (2007), *Thực trạng định hướng giá trị đạo đức của sinh viên sư phạm TP.HCM*, Đại học sư phạm TP.HCM.
2. Bùi Thị Bích (2007), *Định hướng giá trị lối sống sinh viên ở một số trường đại học tại Tp.HCM*, Đại học sư phạm TP.HCM.
3. Nguyễn Ngọc Bích (1998), *Tâm lý học nhân cách – Một số vấn đề lý luận*, Nxb Giáo dục.
4. I.X.Côn, Phạm Minh Hạc, Ngô Hào Hiệp dịch (1987), *Tâm lý học thanh niên*, Nxb Trẻ.
5. Võ Thị Minh Chí (2008), “Từ góc độ lý luận bàn về việc giáo dục đạo đức cho sinh viên”, *Hội thảo khoa học tâm lý – giáo dục toàn quốc*.
6. Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Phúc (2003), *Mấy vấn đề đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia.
7. Phạm Khắc Chương, Hà Nhật Thăng (1998), *Đạo đức học*, Nxb Giáo dục.
8. Vũ Dũng (chủ biên) (2000), *Từ điển tâm lý học*, Nxb Khoa học xã hội.
9. Vũ Dũng (2008), “Hành vi lệch chuẩn của thanh thiếu niên hiện nay và những vấn đề đặt ra trong giáo dục đạo đức”, *Hội thảo khoa học tâm lý – giáo dục toàn quốc*.
10. Dương Tự Đàm (1996), *Định hướng giá trị của thanh niên sinh viên trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam*, Luận án Phó Tiến sĩ Triết học.
11. Lê Thị Minh Hà (2007), *Tài liệu bài giảng tâm lý học phát triển*, Đại học sư phạm TP.HCM.
12. Đỗ Ngọc Hà (2002), *Định hướng giá trị của thanh niên, sinh viên hiện nay trước sự chuyển đổi về kinh tế, xã hội của đất nước*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học.
13. Cấn Hữu Hải (2002), *Ảnh hưởng của truyền thống gia đình đến định hướng giá trị của lứa tuổi đầu thanh niên*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học.
14. Cao Thu Hằng (2006), “Giá trị đạo đức truyền thống và những yêu cầu đạo đức đối với nhân cách con người Việt Nam hiện nay”, Triết học.

15. Lê Văn Hồng (chủ biên), Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thành (1998), Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
16. Lê Hương (2003), “Đánh giá định hướng giá trị của con người”, Tâm lý học (7)
17. Tổng Thị Hồng (2008), “Giáo dục đạo đức cho học sinh, sinh viên ở Đồng Nai – Thực trạng và giải pháp”, Hội thảo khoa học tâm lý – giáo dục toàn quốc.
18. Trần Thị Kim (2008), “Thực trạng đạo đức và giáo dục đạo đức cho sinh viên hiện nay”, Hội thảo khoa học tâm lý – giáo dục toàn quốc.
19. Phan Ngọc Liên (2009), Giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong nhà trường, Nxb Từ điển Bách khoa Hà Nội
20. Trần Tuấn Lộ (2008), Đề cương bài giảng tâm lý học đạo đức, Đại học sư phạm Tp.HCM.
21. Trần Thị Thu Mai (2008), Tài liệu bài giảng tâm lý học phát triển, Đại học sư phạm Tp.HCM.
22. Trần Thị Thu Mai (2010), Đề cương bài giảng tâm lý học giáo dục, Đại học sư phạm Tp.HCM.
23. Hồ Đắc Hải Miên (2002), Tìm hiểu định hướng giá trị đạo đức và các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị đạo đức của sinh viên Tp.HCM, Đại học sư phạm Tp.HCM.
24. Nguyễn Chí Mỳ (1999), Sự biến đổi của thang giá trị đạo đức trong nền kinh tế thị trường với việc xây dựng giá trị đạo đức mới cho cán bộ quản lý ở nước ta, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
25. NXB Chính trị Quốc gia (1995), Hồ Chí Minh toàn tập, Hà Nội.
26. Vũ Thị Nho (2003), Tâm lý học phát triển, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
27. Đào Thị Oanh (2005), “Nghiên cứu định hướng giá trị của học sinh trung học trong giai đoạn hiện nay”, Tâm lý học (8).
28. Hoàng Phê (2010), Từ điển Tiếng Việt, Nxb Từ điển Bách khoa
29. Nguyễn Thị Hoàng Phương (2010), Định hướng giá trị nghề dạy học của sinh viên trường cao đẳng sư phạm Kiên Giang, Đại học sư phạm TP.HCM.

30. Huỳnh Văn Sơn (2007), Thực trạng lựa chọn các giá trị đạo đức nhân văn trong lối sống của sinh viên Tp.HCM hiện nay, Đề tài cấp bộ B2007.19.27
31. Lê Quang Sơn (1998), Những đặc trưng tâm lý của định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam hiện đại, Luận án Phó Tiến sĩ Tâm lý học.
32. M.M. Rozental (1986), Từ điển triết học, NXB Tiến bộ và Nxb Sự thật Hà Nội.
33. Nguyễn Thạc (chủ biên), Phạm Thành Nghị (2008), Tâm lý học sư phạm đại học, Nxb Đại học sư phạm Hà Nội.
34. Trần Quốc Thành (2008), “Thực trạng và giải pháp giáo dục đạo đức cho sinh viên hiện nay”, Hội thảo khoa học tâm lý – giáo dục toàn quốc.
35. Hà Nhật Thăng (1998), Giáo dục hệ thống giá trị đạo đức nhân văn, NXB Giáo dục.
36. Hà Nhật Thăng (2007), Giáo trình đạo đức và giáo dục đạo đức, Nxb Đại học sư phạm.
37. Mạch Quang Thắng (2005), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb Giáo dục.
38. Nguyễn Hữu Thụ (2008), “Giáo dục đạo đức sinh viên trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, Hội thảo khoa học tâm lý – giáo dục toàn quốc.
39. Nguyễn Xuân Thức (2006) – Giáo trình Tâm lý học đại cương – Nxb Đại Học Sư Phạm.
40. Dương Thiệu Tống (2005), Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và tâm lý, Nxb Khoa học xã hội.
41. Dương Thiệu Tống (2005), Trắc nghiệm và đo lường thành quả học tập – Phương pháp thực hành, Nxb Khoa học xã hội.
42. Mạc Văn Trang (1995), Đặc điểm của lối sống sinh viên hiện nay và những phương hướng, biện pháp giáo dục, Hà Nội.
43. Thái Duy Tuyên (1995), Tìm hiểu định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam, Chương trình KHCN, Đề tài KX 07 – 10, Hà Nội.

44. Thái Duy Tuyên (2008), “Định hướng giá trị con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá”, Hội thảo khoa học tâm lý – giáo dục toàn quốc.
45. Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Thạc, Mạc Văn Trang (1995), Giá trị - định hướng giá trị nhân cách và giáo dục giá trị, Đề tài khoa học cấp Nhà nước KX – 07 – 04 , Hà Nội.
46. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên) (1995), Tâm lý học đại cương, Nxb Đại học sư phạm Hà Nội.
47. Huỳnh Khái Vinh(2001), Một số vấn đề về lối sống, đạo đức, chuẩn giá trị xã hội, Nxb Chính trị Quốc gia.
48. Nguyễn Như Ý (1998), Đại từ điển Tiếng Việt, Nxb Văn hoá – Thông tin.

PHỤ LỤC
PHỤ LỤC 1
PHIẾU ĐIỀU TRA MỞ

1. Hãy nêu các giá trị đạo đức đối với bản thân mình?
2. Hãy nêu các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với gia đình?
3. Hãy nêu các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với thầy cô?
4. Hãy nêu các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với bạn bè?
5. Hãy nêu các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với cộng đồng xã hội?
6. Hãy nêu các giá trị đạo đức trong hoạt động học tập?
7. Hãy nêu các giá trị đạo đức đối với người yếu?
8. Hãy nêu các giá trị đạo đức đối với nghề sư phạm?
9. Hãy cho biết các yếu tố ảnh hưởng đến việc định hướng giá trị đạo đức của sinh viên?

PHỤ LỤC 2

PHIẾU THĂM DÒ Ý KIẾN

Các bạn sinh viên thân mến!

Chúng tôi đang thực hiện đề tài nghiên cứu **“Định hướng giá trị đạo đức của sinh viên trường Đại học Đồng Nai”**, rất mong nhận được ý kiến chia sẻ của các bạn thông qua việc trả lời các câu hỏi dưới đây.

*** Thông tin cá nhân:**

- Bạn là sinh viên khoa.....; Khoá.....
- Giới tính: Nam ☐ ; Nữ ☐
- Tôn giáo:.....

Phần A: Dưới đây là những nhận định về các giá trị đạo đức của sinh viên. Hãy cho biết ý kiến của bạn bằng cách đánh dấu X vào lựa chọn phù hợp với bạn.

STT	Nhận định	Đồng ý	Không đồng ý
1	Bên cạnh những giá trị đạo đức truyền thống, những giá trị hiện đại đang dần hình thành ở sinh viên như tính độc lập, tự chủ, năng động, sáng tạo...		
2	Các giá trị đạo đức tốt đẹp luôn là chuẩn mực để sinh viên tự hoàn thiện mình.		
3	Lối sống thực dụng, chủ nghĩa cá nhân đang dần trở nên phổ biến trong một bộ phận giới trẻ.		
4	Một vài sinh viên thích khẳng định mình, thích chơi nổi.		
5	Ngày nay giá trị kinh tế quan trọng hơn giá trị đạo đức.		
6	Muốn có cuộc sống hạnh phúc, bình an nhất thiết phải tin tưởng vào các giá trị đạo đức và sống có đạo đức.		
7	Hiện nay, việc ứng xử trong cuộc sống không cần thiết phải luôn tuân thủ các giá trị đạo đức.		
8	Các giá trị đạo đức giúp cho từng cá nhân sống tốt hơn và xã hội cũng tốt hơn.		
9	Nếu con người sống không có đạo đức thì xã hội sẽ rối loạn và đầy tội ác.		
10	Một số sinh viên quan niệm học chỉ để có tấm bằng.		

Phần B: Dưới đây là các giá trị đạo đức của sinh viên trong các mối quan hệ và hoạt động hàng ngày. Hãy cho biết mức độ quan trọng của các giá trị đối với bạn bằng cách đánh dấu X vào ô tương ứng

Giá trị đạo đức		Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Không quan trọng	Hoàn toàn không quan trọng
Đối với bản thân	1. Khiêm tốn					
	2. Trung thực					
	3. Tự trọng					
	4. Tự kiểm chế, tự chủ					
	5. Trách nhiệm					
	6. Yêu cầu cao					

	7. Tự tin					
	8. Tự phê bình					
	9. Dũng cảm					
	10. Lạc quan					
Đối với gia đình	1. Hiếu thảo					
	2. Biết ơn					
	3. Kính trọng					
	4. Yêu thương					
	5. Trách nhiệm					
	6. Trung thực					
	7. Biết hy sinh vì gia đình					
	8. Uy tín					
	9. Độc lập đưa ra quyết định					
	10. Thẳng thắn					
Đối với thầy cô	1. Kính trọng					
	2. Biết ơn					
	3. Trách nhiệm					
	4. Lễ phép					
	5. Nhiệt tình					
	6. Tin tưởng					
	7. Trung thực					
	8. Thẳng thắn					
	9. Không ỷ lại vào thầy cô					
	10. Quan tâm					
Đối với bạn bè	1. Tôn trọng					
	2. Khiêm tốn					
	3. Nhiệt tình					
	4. Đoàn kết					
	5. Quan tâm					
	6. Vị tha					
	7. Chân thành					
	8. Hợp tác					
	9. Yêu thương					
	10. Uy tín					
Đối với người yêu	1. Chung thủy					
	2. Tin tưởng					
	3. Trách nhiệm					
	4. Độc lập					
	5. Tôn trọng					
	6. Vị tha					
	7. Thẳng thắn					
	8. Chân thành					
	9. Yêu thương					
	10. Hy sinh					
Trong học tập	1. Kiên nhẫn					
	2. Trung thực					
	3. Lòng say mê					
	4. Cẩn thận					
	5. Cầu tiến					
	6. Cẩn cù					

	7. Sáng tạo					
	8. Độc lập					
	9. Chăm chỉ					
	10. Năng động					
Đối với cộng đồng xã hội	1. Nhân ái					
	2. Tự hào dân tộc					
	3. Nhiệt tình với hoạt động xã hội					
	4. Đoàn kết trong cộng đồng					
	5. Tin tưởng vào chế độ					
	6. Biết ơn thế hệ đi trước					
	7. Chấp hành pháp luật					
	8. Trung thực với mọi người					
	9. Yêu nước					
	10. Trách nhiệm					
Đối với nghề dạy học	1. Lòng yêu nghề					
	2. Trách nhiệm					
	3. Tận tâm					
	4. Lòng yêu trẻ					
	5. Thế giới quan khoa học					
	6. Lý tưởng đào tạo thế hệ trẻ					
	7. Trung thực					
	8. Kiên nhẫn					
	9. Dũng cảm chống tiêu cực					
	10. Sáng tạo					

Phần C: Dưới đây là thái độ đạo đức trong các mối quan hệ và trong các hoạt động. Hãy lựa chọn mức độ phù hợp với bạn bằng cách đánh dấu X vào cột mức độ theo quy ước như sau:

③ – Phù hợp; ② – Phân vân; ① – Không phù hợp

STT	Thái độ	Mức độ		
1	Tôi thích sống chân thật, trung thực với chính mình	③	②	①
2	Khi làm một việc gì không đúng, tôi tự nhận khuyết điểm và nói lời xin lỗi	③	②	①
3	Tôi luôn lạc quan, hướng đến những giá trị sống tốt đẹp	③	②	①
4	Tôi sẽ chịu trách nhiệm về những gì mình làm	③	②	①
5	Tôi cảm thấy vui, hạnh phúc khi làm những điều cha mẹ vui lòng	③	②	①
6	Tôi thấy áy náy khi nói dối cha mẹ	③	②	①
7	Khi cha mẹ ốm đau nằm viện, tôi cố gắng sắp xếp để có thời gian chăm sóc cha mẹ.	③	②	①
8	Tôi luôn giữ lời hứa với cha mẹ	③	②	①
9	Khi gặp giáo viên tôi luôn cúi chào, ngay cả với giáo viên không trực tiếp giảng dạy tôi	③	②	①
10	Tôi thường xuyên thăm hỏi, biết ơn thầy cô cũ	③	②	①
11	Theo tôi, nói dối thầy cô là điều không thể chấp nhận được	③	②	①
12	Tôi mạnh dạn tranh luận với thầy cô về vấn đề mà mình không đồng tình	③	②	①
13	Theo tôi, cần đoàn kết hợp tác với bạn bè trong học tập và sinh hoạt	③	②	①
14	Tôi sẵn sàng giúp đỡ bạn bè khi họ gặp khó khăn	③	②	①

15	Tôi nghĩ không cần thiết phải góp ý với bạn những sai lầm, khiếm khuyết của bạn	③	②	①
16	Tôi cho rằng không nhất thiết phải giữ lời hứa với bạn	③	②	①
17	Tôi sẵn sàng tham gia các phong trào sinh viên tình nguyện	③	②	①
18	Tôi cảm thấy khó chịu với những người vượt đèn đỏ	③	②	①
19	Tôi trân trọng và biết ơn những người đã hy sinh vì tổ quốc.	③	②	①
20	Tôi sẵn sàng giúp đỡ những người bất hạnh.	③	②	①
21	Tôi dễ chán nản, buông xuôi khi gặp khó khăn trong việc học	③	②	①
22	Tôi nghĩ thỉnh thoảng quay bài, copy bài của bạn cũng chẳng sao	③	②	①
23	Tôi không có tham vọng học lên cao hay đào sâu nghiên cứu chuyên môn	③	②	①
24	Tôi cho rằng không cần thiết phải đến lớp học đầy đủ	③	②	①
25	Tôi luôn tin tưởng vào người yêu của mình	③	②	①
26	Tôi sẽ không làm bất cứ điều gì xúc phạm người yêu	③	②	①
27	Tôi thấy thú vị khi một lúc yêu 2 – 3 người	③	②	①
28	Tôi sẵn sàng hy sinh vì người yêu	③	②	①
29	Nếu là thầy cô giáo, tôi sẽ sẵn sàng giảng giải khi học sinh có thắc mắc hay không hiểu bài	③	②	①
30	Tôi vẫn theo nghề và yêu quý nghề dạy học ngay cả khi lương của giáo viên thấp	③	②	①
31	Tôi sẽ mạnh dạn đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục	③	②	①
32	Tôi thích sưu tầm những tư liệu liên quan đến chuyên môn và mạnh dạn áp dụng những phương pháp hay vào bài dạy	③	②	①

Phần D: Bạn hãy cho biết cách ứng xử của bạn khi gặp các tình huống sau bằng cách đánh dấu X vào lựa chọn phù hợp nhất với bạn

Câu 1: Khi nhận được sự khen ngợi, bạn sẽ:

- Mỉm cười và thể hiện sự tự tin của mình
- Được dịp lên mặt với mọi người
- Một chút e thẹn và nói lời cảm ơn
- Cách ứng xử riêng của bạn (trong trường hợp không chọn a,b,c):

Câu 2: Khi nói lỡ lời hay làm một việc gì đó sai trước mặt mọi người, bạn sẽ:

- Hơi ngượng ngùng một chút nhưng nghĩ thầm chẳng sao
- Lờ đi xem như không có chuyện gì xảy ra
- Cảm thấy xấu hổ, ân hận và tự nhủ phải rút kinh nghiệm
- Cách ứng xử riêng của bạn (trong trường hợp không chọn a,b,c):

Câu 3: Khi được phân công làm việc nhóm với người mà bạn không thích, bạn sẽ:

- Đưa ra lý do để từ chối
- Miễn cưỡng chấp nhận
- Chấp nhận làm việc chung và nghĩ đây là cơ hội để 2 người có thể hiểu nhau hơn
- Cách ứng xử riêng của bạn (trong trường hợp không chọn a,b,c):

Câu 4: Một người bạn trong lớp đang gặp khó khăn cần sự giúp đỡ, bạn sẽ:

- Nếu người bạn đó chia sẻ và đề nghị mình giúp thì sẽ giúp, nếu không thì phớt lờ
- Chủ động hỏi thăm và sẵn sàng giúp đỡ bạn
- Không quan tâm
- Cách ứng xử riêng của bạn (trong trường hợp không chọn a,b,c):

Câu 5: Khi cha mẹ bạn bị bệnh nằm viện điều trị, bạn sẽ:

- a) Rất lo lắng, tìm mọi cách để chăm sóc cha mẹ
- b) Viện lý do bạn học, dồn đẩy trách nhiệm cho người khác (anh, chị, em...)
- c) Ba mẹ nhờ việc gì thì làm việc đó
- d) Cách ứng xử riêng của bạn (trong trường hợp không chọn a,b,c):

Câu 6: Sinh nhật một người bạn trong nhóm, bạn bè rủ đi chơi và về trễ, bạn sẽ:

- a) Gọi điện, bịa lý do xe hư để về trễ
- b) Gọi điện thoại nói rõ lý do và xin phép về trễ
- c) Không gọi điện, cứ chơi thoải mái, gọi điện sẽ mất hứng.
- d) Cách ứng xử riêng của bạn (trong trường hợp không chọn a,b,c):

Câu 7: Đoàn trường vận động sinh viên đóng góp giúp đỡ một sinh viên trong trường đang mắc bệnh hiểm nghèo, bạn sẽ:

- a) Sẵn sàng đóng góp và vận động mọi người đóng góp theo khả năng của mình
- b) Lờ đi như không biết thông tin
- c) Không đóng góp vì mình không dư dả gì
- d) Cách ứng xử riêng của bạn (trong trường hợp không chọn a,b,c):

Câu 8: Lớp trưởng kêu gọi mọi người đăng ký tham gia chiến dịch mùa hè xanh, bạn sẽ:

- a) Lưỡng lự không biết có nên đi hay không
- b) Từ chối vì mình đang có nhiều việc cần phải làm
- c) Hăng hái đăng ký tham gia ngay
- d) Cách ứng xử riêng của bạn (trong trường hợp không chọn a,b,c):

Câu 9: Bạn nghĩ học không phép nhiều lần, giáo viên chủ nhiệm phê bình và đề nghị nêu lý do, bạn sẽ:

- a) Bịa lý do nào đó để trình bày cho qua chuyện
- b) Nói lý do thật, xin lỗi và hứa lần sau không tái phạm nữa
- c) Nhận lỗi nhưng không nói lý do
- d) Cách ứng xử riêng của bạn (trong trường hợp không chọn a,b,c):

Câu 10: Khi nhận thấy giáo viên cho điểm không công bằng, bạn sẽ:

- a) Mạnh dạn góp ý chân thành với giáo viên
- b) Im lặng xem như đó là điều không may
- c) Xì xào bàn tán với bạn bè, nói thầy cô thiên vị
- d) Cách ứng xử riêng của bạn (trong trường hợp không chọn a,b,c):

Câu 11: Trong phòng thi, đề thi ra ngay phần bạn không học, giám thị để, bạn sẽ:

- a) Tranh thủ quay bài khi có cơ hội
- b) Cố gắng tự lực làm bài, phải nghiêm túc trong thi cử
- c) Không quay bài nhưng sẽ hỏi bài bạn kế bên
- d) Cách ứng xử riêng của bạn (trong trường hợp không chọn a,b,c):

Câu 12: Khi gặp một bài tập khó, bạn sẽ:

- a) Bỏ qua không làm
- b) Cố gắng suy nghĩ để tìm ra cách giải cho bằng được
- c) Làm qua loa cho xong, không cần biết đúng hay sai
- d) Cách ứng xử riêng của bạn (trong trường hợp không chọn a,b,c):

Câu 13: Khi bạn gặp một đối tượng khác có điều kiện hơn người yêu hiện tại, bạn sẽ:

- a) Tìm cách tiếp cận đối tượng để tìm hiểu, mình nghĩ quen một lúc 2 – 3 người cũng chẳng sao
- b) Hơi tiếc nuối vì mình không gặp người này sớm hơn
- c) Không quan tâm vì mình đã có người yêu rồi
- d) Cách ứng xử riêng của bạn (trong trường hợp không chọn a,b,c):

Câu 14: Người yêu của bạn đang gặp khó khăn về kinh tế, buồn phiền về gia đình, bạn sẽ:

- a) Băn khoăn, dao động về mối quan hệ hiện tại
- b) Luôn bên cạnh động viên, giúp đỡ người yêu bằng mọi cách
- c) Không quan tâm lắm, chỉ hỏi han qua loa vì nghĩ rằng đó là việc riêng của người yêu
- d) Cách ứng xử riêng của bạn (trong trường hợp không chọn a,b,c):

Câu 15: Bạn đang theo học ngành sư phạm, bạn bè và mọi người nói: “Học sư phạm sau này làm giáo viên nghèo vất vả lắm!”, bạn sẽ:

- a) Dao động và cảm thấy tủi thân
- b) Nghi học và quyết tâm ôn thi lại vào ngành khác để sau này có thu nhập cao hơn
- c) Không quan tâm vì cho rằng mỗi ngành nghề đều có vị trí nhất định trong xã hội, nghề giáo là nghề cao quý và mình thích
- d) Cách ứng xử riêng của bạn (trong trường hợp không chọn a,b,c):

Câu 16 : Khi giảng bài trên lớp, nhiều em học sinh không hiểu, bạn sẽ:

- a) Phớt lờ, không quan tâm
- b) Giảng giải lại từ từ để các em hiểu bài
- c) Yêu cầu học sinh về nhà đọc sách tìm hiểu thêm
- d) Cách ứng xử riêng của bạn (trong trường hợp không chọn a,b,c):

Phần E: Bạn hãy cho biết mức độ ảnh hưởng của các yếu tố dưới đây đến việc định hướng giá trị đạo đức của sinh viên. Đánh dấu X vào ô tương ứng với mức độ bạn lựa chọn theo quy ước:

⑤ – Ảnh hưởng rất nhiều; ④ – Ảnh hưởng nhiều;
③ – Ảnh hưởng vừa phải ; ② – Ít ảnh hưởng; ① – Rất ít ảnh hưởng

STT	Yếu tố ảnh hưởng	Mức độ				
1	Truyền thống của gia đình, dòng họ	⑤	④	③	②	①
2	Lối sống, cách cư xử của những người thân	⑤	④	③	②	①
3	Trình độ học vấn, nghề nghiệp của cha mẹ	⑤	④	③	②	①
4	Điều kiện kinh tế gia đình	⑤	④	③	②	①
5	Sự quan tâm, dạy bảo, nhắc nhở của gia đình	⑤	④	③	②	①
6	Yêu cầu của nghề nghiệp bạn đang học	⑤	④	③	②	①
7	Nề nếp, kỷ cương của nhà trường	⑤	④	③	②	①
8	Tấm gương, nhân cách của thầy cô giáo	⑤	④	③	②	①
9	Những lời dạy bảo, nhắc nhở của thầy cô, giáo viên chủ nhiệm	⑤	④	③	②	①
10	Sự gương mẫu của ban cán sự lớp, ban cán sự đoàn	⑤	④	③	②	①
11	Các hoạt động phong trào trong nhà trường	⑤	④	③	②	①
12	Cách sống, cách ứng xử của bạn bè trong trường, lớp	⑤	④	③	②	①
13	Lối sống, cách cư xử của hàng xóm, khu dân cư nơi bạn đang sống	⑤	④	③	②	①
14	Tin tức, phim ảnh trên tivi và internet...	⑤	④	③	②	①
15	Những gương điển hình người tốt việc tốt ở xóm ấp, khu phố địa phương	⑤	④	③	②	①

16	Những bài học làm người trong các cuốn sách, báo, tạp chí	⑤	④	③	②	①
17	Các quy định pháp luật của nhà nước, địa phương	⑤	④	③	②	①
18	Kiến thức học được từ các khoá học ở nhà thờ	⑤	④	③	②	①
19	Các buổi sinh hoạt tập thể, hoạt động cộng đồng ở nhà thờ	⑤	④	③	②	①
20	Những lời dạy bảo và nhân cách của người cha xứ, các sơ	⑤	④	③	②	①
21	Lối sống, cách ứng xử giữa người với người trong cộng đồng giáo dân	⑤	④	③	②	①
22	Dư luận, đánh giá của xã hội	⑤	④	③	②	①
23	Lối sống gấp, sống thực dụng và cách ứng xử của một số ca sỹ, diễn viên, người nổi tiếng...	⑤	④	③	②	①
24	Mặt trái của kinh tế thị trường và những vấn nạn xã hội như tham nhũng, buôn lậu, làm hàng giả, cướp của giết người...	⑤	④	③	②	①
25	Tính cách của cá nhân	⑤	④	③	②	①
26	Mục đích, ước mơ, lý tưởng sống của mỗi người	⑤	④	③	②	①
27	Sự tự nhận thức, tự giáo dục và rèn luyện của mỗi người	⑤	④	③	②	①
28	Những trải nghiệm của bản thân trong cuộc sống	⑤	④	③	②	①

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của các bạn!

PHỤ LỤC 3

PHIẾU PHỎNG VẤN

1. Giá trị đạo đức nào quan trọng nhất đối với em?
2. Em nghĩ như thế nào về giá trị khiêm tốn?
3. Em đánh giá thế nào về giá trị dũng cảm?
4. Em suy nghĩ gì về việc đặt ra yêu cầu cao đối với bản thân mình?
5. Em suy nghĩ gì giá trị trung thực trong học tập?
6. Theo em, thế nào là hy sinh trong tình yêu?
7. Theo em, thế nào là nhiệt tình tham gia các hoạt động xã hội?
8. Theo em, lý tưởng đào tạo thế hệ trẻ là gì?
9. Với bản thân em, yếu tố tôn giáo ảnh hưởng như thế nào đến việc định hướng các giá trị đạo đức?

PHỤ LỤC 4
MỘT SỐ BẢNG KẾT QUẢ THỐNG KÊ

Bảng 1: Tần số và tỉ lệ lựa chọn thái độ đạo đức

STT	Thái độ	Phù hợp (F / %)	Phân vân (F / %)	Ko phù hợp (F / %)
1	Tôi thích sống chân thật, trung thực với chính mình	304/85,9%	44 / 12,4%	6 / 1,7%
2	Khi làm một việc gì không đúng, tôi tự nhận khuyết điểm và nói lời xin lỗi	241/68,1%	102/28,8%	11 / 3,1%
3	Tôi luôn lạc quan, hướng đến những giá trị sống tốt đẹp	233/65,8%	105/29,7%	16 / 4,5%
4	Tôi sẽ chịu trách nhiệm về những gì mình làm	292/82,5%	52 / 14,7%	10 / 2,8%
5	Tôi cảm thấy vui, hạnh phúc khi làm những điều cha mẹ vui lòng	330/93,2%	17 / 4,8%	7 / 2,0%
6	Tôi thấy áy náy khi nói dối cha mẹ	285/80,5%	59 / 16,7%	10 / 2,8%
7	Khi cha mẹ ốm đau nằm viện, tôi cố gắng sắp xếp để có thời gian chăm sóc cha mẹ	342/96,6%	7 / 2,0%	5 / 1,4%
8	Tôi luôn giữ lời hứa với cha mẹ	176/49,7%	162/45,8%	16 / 4,5%
9	Khi gặp giáo viên tôi luôn cúi chào, ngay cả với giáo viên không trực tiếp giảng dạy tôi	235/66,4%	101/28,5%	18 / 5,1%
10	Tôi thường xuyên thăm hỏi, biết ơn thầy cô cũ	170 / 48%	155/43,8%	29 / 8,2%
11	Theo tôi, nói dối thầy cô là điều không thể chấp nhận được	176/49,7%	158/44,6%	20 / 5,6%
12	Tôi mạnh dạn tranh luận với thầy cô về vấn đề mà mình không đồng tình	119/33,6%	175/49,4%	60/16,9%
13	Theo tôi, cần đoàn kết hợp tác với bạn bè trong học tập và sinh hoạt	310/87,6%	38 / 10,7%	6 / 1,7%
14	Tôi sẵn sàng giúp đỡ bạn bè khi họ gặp khó khăn	279/78,8%	67 / 18,9%	8 / 2,3%
15	Tôi nghĩ không cần thiết phải góp ý với bạn những sai lầm, khiếm khuyết của bạn	38 / 10,7%	86 / 24,3%	230/65,0%
16	Tôi cho rằng không nhất thiết phải giữ lời	32 / 9,0%	63 / 17,8%	259/73,2%

	hứa với bạn			
17	Tôi sẵn sàng tham gia các phong trào sinh viên tình nguyện	179/50,6%	146/41,2%	29 / 8,2%
18	Tôi cảm thấy khó chịu với những người vượt đèn đỏ	278/78,5%	51 / 14,4%	25 / 7,1%
19	Tôi trân trọng và biết ơn những người đã hy sinh vì tổ quốc	327/92,4%	19 / 5,4%	8 / 2,3%
20	Tôi sẵn sàng giúp đỡ những người bất hạnh	266/75,1%	78 / 22,0%	10 / 2,8%
21	Tôi dễ chán nản, buông xuôi khi gặp khó khăn trong việc học	65 / 18,4%	146/41,2%	143/40,4%
22	Tôi nghĩ thỉnh thoảng quay bài, copy bài của bạn cũng chẳng sao	80 / 22,6%	145/41,0%	129/36,4%
23	Tôi không có tham vọng học lên cao hay đào sâu nghiên cứu chuyên môn	58 / 16,4%	110/31,1%	186/52,5%
24	Tôi cho rằng không cần thiết phải đến lớp học đầy đủ	31 / 8,8%	50/ 14,1%	273/77,1%
25	Tôi luôn tin tưởng vào người yêu của mình	145/41,0%	174/49,2%	35 / 9,9%
26	Tôi sẽ không làm bất cứ điều gì xúc phạm người yêu	219/61,9%	111/31,3%	24/ 6,8%
27	Tôi thấy thú vị khi một lúc yêu 2 – 3 người	30 / 8,5%	26 / 7,3%	298/84,2%
28	Tôi sẵn sàng hy sinh vì người yêu	118/33,3%	187/52,8%	49 / 13,8%
29	Nếu là thầy cô giáo, tôi sẽ sẵn sàng giảng giải khi học sinh có thắc mắc hay không hiểu bài	176/97,2%	5 / 2,8%	0
30	Tôi vẫn theo nghề và yêu quý nghề dạy học ngay cả khi lương của giáo viên thấp	144/79,5%	32 / 17,7%	5 / 2,8%
31	Tôi sẽ mạnh dạn đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục	109/60,2%	67 / 37,0%	5 / 2,8%
32	Tôi thích sưu tầm những tư liệu liên quan đến chuyên môn và mạnh dạn áp dụng những phương pháp hay vào bài dạy	136/75,1%	44 / 24,3%	1 / 0,6%

Bảng 2: Tần số và tỉ lệ lựa chọn các hành vi đạo đức

Câu	Tóm tắt tình huống	Lựa chọn	Tần số	Tỉ lệ
1	<i>Khi nhận được sự khen ngợi</i>	a) Mỉm cười và thể hiện sự tự tin của mình	70	19.8
		b) Được dịp lên mặt với mọi người	0	0
		c) Một chút e thẹn và nói lời cảm ơn	244	68.9
		d) Cách ứng xử khác	40	11.3
2	<i>Khi nói lời hay làm một việc gì đó sai trái</i>	a) Hơi ngượng ngùng một chút nhưng nghĩ thầm chẳng sao	21	5.9
		b) Lờ đi xem như không có chuyện gì xảy ra	4	1.1
		c) Cảm thấy xấu hổ, ân hận và tự nhủ phải rút kinh nghiệm	287	81.1
		d) Cách ứng xử khác	42	11.9
3	<i>Khi được phân công làm việc nhóm với người mà bạn không thích</i>	a) Đưa ra lý do để từ chối	46	13.0
		b) Miễn cưỡng chấp nhận	52	14.7
		c) Chấp nhận làm việc chung, đây là cơ hội để 2 người hiểu nhau hơn	237	66.9
		d) Cách ứng xử khác	19	5.4
4	<i>Một bạn trong lớp đang gặp khó khăn cần sự giúp đỡ</i>	b) Nếu bạn đó chia sẻ và đề nghị mình giúp thì sẽ giúp, nếu không thì phớt lờ	62	17.5
		c) Chủ động hỏi thăm và sẵn sàng giúp đỡ bạn	250	70.6
		d) Không quan tâm	1	0.3
		e) Cách ứng xử khác	41	11.6
5	<i>Khi bố mẹ bạn bị bệnh nằm viện điều trị</i>	a) Rất lo lắng, tìm mọi cách để chăm sóc ba mẹ	338	95.5
		b) Viện lý do bận học, đùn đẩy trách nhiệm cho người khác (anh, chị, em...)	1	0.3
		c) Chỉ hỏi thăm qua loa	6	1.7
		d) Cách ứng xử khác	9	2.5
6	<i>Bạn đi sinh nhật và về trễ</i>	a) Gọi điện, bịa lý do xe hư để về trễ	15	4.2
		b) Gọi điện thoại xin phép ba mẹ về trễ	317	89.5
		c) Không gọi điện, cứ chơi thoải mái, gọi	3	0.8

		điện sẽ mất hứng		
		d) Cách ứng xử khác	19	5.4
7	<i>Đoàn trường vận động sinh viên đóng góp giúp đỡ một sinh viên trong trường đang mắc bệnh hiểm nghèo</i>	a) Sẵn sàng đóng góp và vận động mọi người đóng góp theo khả năng của mình	330	93.2
		b) Lờ đi như không biết thông tin	1	0.3
		c) Không đóng góp vì mình không dư dả	6	1.7
		d) Cách ứng xử khác	17	4.8
8	<i>Lớp trưởng kêu gọi mọi người đăng ký tham gia chiến dịch mùa hè xanh</i>	a) Lưỡng lự không biết có nên đi hay không	101	28.5
		b) Từ chối vì mình đang có nhiều việc cần phải làm	48	13.6
		c) Hăng hái đăng ký tham gia ngay	175	49.4
		d) Cách ứng xử khác	30	8.5
9	<i>Bạn nghỉ học không phép nhiều lần, giáo viên chủ nhiệm phê bình và đề nghị nêu lý do</i>	a) Bịa lý do nào đó để trình bày cho qua chuyện	4	1.1
		b) Nói lý do thật, xin lỗi và hứa lần sau không tái phạm nữa	266	75.1
		c) Nhận lỗi nhưng không nói lý do	67	18.9
		d) Cách ứng xử khác	17	4.8
10	<i>Khi nhận thấy giáo viên cho điểm không công bằng</i>	a) Mạnh dạn góp ý chân thành với giáo viên	200	56.5
		b) Im lặng xem như đó là điều không may	78	22.0
		c) Xì xào bàn tán với bạn bè, nói thầy cô thiên vị	41	11.6
		d) Cách ứng xử khác	35	9.9
11	<i>Trong phòng thi, đề thi ra ngay phần bạn không học, giám thị dễ tính</i>	a) Tranh thủ quay bài khi có cơ hội	45	12.7
		b) Cố gắng tự lực làm bài, phải nghiêm túc trong thi cử	105	29.7
		c) Không quay bài nhưng sẽ hỏi bài bạn kế bên	168	47.5
		d) Cách ứng xử khác	36	10.2
12	<i>Khi gặp một bài tập khó</i>	a) Bỏ qua không làm	50	14.1
		b) Cố gắng suy nghĩ để tìm ra cách giải cho bằng được	209	59.0

		c) Làm qua loa cho xong, không cần biết đúng hay sai	38	10.7
		d) Cách ứng xử khác	57	16.1
13	<i>Khi bạn gặp một đối tượng khác có điều kiện hơn người yêu hiện tại</i>	a) Tìm cách tiếp cận đối tượng để tìm hiểu, quen một lúc 2 – 3 người cũng chẳng sao	31	8.8
		b) Hơi tiếc nuối vì mình không gặp người này sớm hơn	15	4.2
		c) Không quan tâm vì mình đã có người yêu rồi	271	76.6
		d) Cách ứng xử khác	37	10.5
14	<i>Người yêu của bạn đang gặp khó khăn về kinh tế, buồn phiền về gia đình</i>	a) Băn khoăn, dao động về mối quan hệ hiện tại có nên tiếp tục hay không	1	0.3
		b) Luôn bên cạnh động viên, giúp đỡ người yêu bằng mọi cách	307	86.7
		c) Không quan tâm lắm, chỉ hỏi han qua loa	21	5.9
		d) Cách ứng xử khác	25	7.1
15	<i>Bạn đang theo học ngành sư phạm, bạn bè và mọi người nói: “Học sư phạm sau này làm giáo viên nghèo vất vả lắm!”</i>	a) Dao động và cảm thấy tủi thân	5	2.8
		b) Nghĩ học và quyết tâm ôn thi lại vào ngành khác để sau này có thu nhập cao hơn	10	5.5
		c) Không quan tâm	157	86.7
		d) Cách ứng xử khác	9	5.0
16	<i>Khi giảng bài trên lớp, nhiều em học sinh không hiểu</i>	a) Phớt lờ, không quan tâm	1	0.6
		b) Giảng dạy lại từ từ để các em hiểu bài	168	92.8
		c) Yêu cầu học sinh về nhà đọc sách tìm hiểu thêm	7	3.9
		d) Cách ứng xử khác	5	2.7